

TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP.HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH MÔN HỌC DỰ KIẾN MỞ TRONG HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2016 -2017

Mã MH	Tên MH	Nhóm	Tổ TH	Sĩ số ĐK	Mã lớp	Phòng học	Tên Giảng viên
206307	Bệnh tôm	03		100	DH14NY	PV335	Nguyễn Hữu Thịnh
206307	Bệnh tôm	02		75	DH13TY	HD201	Nguyễn Hữu Thịnh
206307	Bệnh tôm	01		75	DH13DY	HD201	Nguyễn Hữu Thịnh
206307	Bệnh tôm	02	04	25	DH13TY	P309.2	Nguyễn Hữu Thịnh
206307	Bệnh tôm	02	02	25	DH13TY	P309.2	Nguyễn Hữu Thịnh
206307	Bệnh tôm	02	01	25	DH13TY	P309.1	Nguyễn Hữu Thịnh
206307	Bệnh tôm	02	03	25	DH13TY	P309.2	Nguyễn Hữu Thịnh
206307	Bệnh tôm	01	03	25	DH13DY	P309.1	Nguyễn Hữu Thịnh
206307	Bệnh tôm	01	01	25	DH13DY	P309.1	Nguyễn Hữu Thịnh
206307	Bệnh tôm	01	02	25	DH13DY	P309.1	Nguyễn Hữu Thịnh
206307	Bệnh tôm	03	03	25	DH14NY	P309.2	Nguyễn Hữu Thịnh
206307	Bệnh tôm	03	01	25	DH14NY	P309.2	Nguyễn Hữu Thịnh
206307	Bệnh tôm	03	02	25	DH14NY	P309.2	Nguyễn Hữu Thịnh
205102	Bệnh hại rừng	01		65	DH15NK	RD401	Nguyễn Thị Lan Phương
208475	Tiếng Anh CN quản trị	03		95	DH14QT	PV400A	Đặng Đức Huy
208475	Tiếng Anh CN quản trị	02		80	DH14TC, DH14TM	RD106	Lê Quang Thông
209226	Luật đầu tư	01		65	DH14TB	RD402	Dương Thị Tuyết Hà
211204	Công nghệ lên men II	02		75	DH14SHA	TV302	Nguyễn Hồng Nhung
211204	Công nghệ lên men II	01		75	DH14SHB	TV103	Nguyễn Hồng Nhung
211204	Công nghệ lên men II	02	03	25	DH14SHA	SH03	Nguyễn Hồng Nhung
211204	Công nghệ lên men II	02	02	25	DH14SHA	SH03	Nguyễn Hồng Nhung
211204	Công nghệ lên men II	02	01	25	DH14SHA	SH03	Nguyễn Hồng Nhung
211204	Công nghệ lên men II	01	03	25	DH14SHB	SH03	Nguyễn Hồng Nhung
211204	Công nghệ lên men II	01	02	25	DH14SHB	SH03	Nguyễn Hồng Nhung
211204	Công nghệ lên men II	01	01	25	DH14SHB	SH03	Nguyễn Hồng Nhung
204742	Thực tập cơ sở BVTV 2	01		120	DH15BV	TT.NH1	Nguyễn Hữu Trúc
209801	Phương pháp nghiên cứu KH	03		80	DH15QD	RD105	Phạm Văn Hiền
209801	Phương pháp nghiên cứu KH	02		100	DH15QLA	TV202	Nguyễn Du
209801	Phương pháp nghiên cứu KH	04		100	DH15QLB	CT101	Phạm Văn Hiền
209801	Phương pháp nghiên cứu KH	01		80	DH15DC, DH15TB	PV337	Nguyễn Du

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
212328	PPNC Khoa học Môi trường	04		80	DH15MT	PV333	Lê Quốc Tuấn
212328	PPNC Khoa học Môi trường	02		80	DH14QM	RD303	Lê Quốc Tuấn
212328	PPNC Khoa học Môi trường	03		80	DH15MT	RD303	Lê Quốc Tuấn
212322	Quản lý chất thải rắn	02		75	DH15MT	HD303	Nguyễn Huy Vũ
212322	Quản lý chất thải rắn	03		75	DH15MT	HD305	Nguyễn Huy Vũ
212322	Quản lý chất thải rắn	01		100	DH14QM	CT201	Nguyễn Huy Vũ
216314	Bố cục tạo hình	01		65	DH15TK	PV219	Đỗ Ngọc Nhuận
212110	Khoa học môi trường	01		95	DH16AV	RD103	Lê Quốc Tuấn
206522	Nhiệt kỹ thuật CB thủy sản	01		65	DH16CT	RD502	Nguyễn Văn Xuân
209416	Nguyên lý bất động sản	01		65	DH13TB	RD402	Nguyễn Mạnh Hùng
212402	Độc chất học môi trường	01		100	DH14DL	CT201	Lê Quốc Tuấn
212402	Độc chất học môi trường	01	01	25	DH14DL, DH14MT	KMT.1	Lê Quốc Tuấn
212402	Độc chất học môi trường	01	04	25	DH14DL, DH14MT	KMT.1	Lê Quốc Tuấn
212402	Độc chất học môi trường	01	02	25	DH14DL, DH14MT	KMT.1	Lê Quốc Tuấn
212402	Độc chất học môi trường	01	03	25	DH14DL, DH14MT	KMT.1	Lê Quốc Tuấn
210202	Công nghệ SX thức uống lên men	01		75	DH14VT	HD204	Dương Thị Ngọc Diệp
210202	Công nghệ SX thức uống lên men	04		75	DH14DD	HD202	Dương Thị Ngọc Diệp
210202	Công nghệ SX thức uống lên men	05		75	DH14DD	HD202	Dương Thị Ngọc Diệp
210202	Công nghệ SX thức uống lên men	02		75	DH14BQ	HD205	Dương Thị Ngọc Diệp
210202	Công nghệ SX thức uống lên men	01	01	25	DH14VT	BQ06	Dương Thị Ngọc Diệp
210202	Công nghệ SX thức uống lên men	01	03	25	DH14VT	BQ06	Dương Thị Ngọc Diệp
210202	Công nghệ SX thức uống lên men	01	02	25	DH14VT	BQ06	Dương Thị Ngọc Diệp
210202	Công nghệ SX thức uống lên men	05	01	25	DH14DD	BQ06	Dương Thị Ngọc Diệp
210202	Công nghệ SX thức uống lên men	05	03	25	DH14DD	BQ06	Dương Thị Ngọc Diệp
210202	Công nghệ SX thức uống lên men	05	02	25	DH14DD	BQ06	Dương Thị Ngọc Diệp
210202	Công nghệ SX thức uống lên men	04	01	25	DH14DD	BQ06	Dương Thị Ngọc Diệp
210202	Công nghệ SX thức uống lên men	04	03	25	DH14DD	BQ06	Dương Thị Ngọc Diệp
210202	Công nghệ SX thức uống lên men	04	02	25	DH14DD	BQ06	Dương Thị Ngọc Diệp
210202	Công nghệ SX thức uống lên men	02	03	25	DH14BQ	BQ06	Dương Thị Ngọc Diệp
210202	Công nghệ SX thức uống lên men	02	01	25	DH14BQ	BQ06	Dương Thị Ngọc Diệp
210202	Công nghệ SX thức uống lên men	02	02	25	DH14BQ	BQ06	Dương Thị Ngọc Diệp
208147	Kinh tế thị trường nông sản	03		80	DH13KN	RD305	Thái Anh Hòa
212909	Kỹ thuật môi trường	01		75	DH13MT	RD503	Khoa Quản Lý Khoa Mt
204204	Di truyền thực vật	01		100	DH15BV	PV400B	Nguyễn Phương
204204	Di truyền thực vật	04		100	DH15NHB	TV302	Nguyễn Phương
204204	Di truyền thực vật	02		100	DH15NHA	PV400A	Hồ Tấn Quốc
204204	Di truyền thực vật	01	04	25	DH15BV	P109	Nguyễn Phương
204204	Di truyền thực vật	01	01	25	DH15BV	P109	Nguyễn Phương

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
204204	Di truyền thực vật	01	03	25	DH15BV	P109	Nguyễn Phương
204204	Di truyền thực vật	01	02	25	DH15BV	P109	Nguyễn Phương
204204	Di truyền thực vật	02	01	25	DH15NHA	P109	Hồ Tấn Quốc
204204	Di truyền thực vật	02	02	25	DH15NHA	P109	Hồ Tấn Quốc
204204	Di truyền thực vật	02	04	25	DH15NHA	P109	Hồ Tấn Quốc
204204	Di truyền thực vật	02	03	25	DH15NHA	P109	Hồ Tấn Quốc
204204	Di truyền thực vật	04	01	25	DH15NHB	P109	Nguyễn Phương
204204	Di truyền thực vật	04	03	25	DH15NHB	P109	Nguyễn Phương
204204	Di truyền thực vật	04	04	25	DH15NHB	P109	Nguyễn Phương
204204	Di truyền thực vật	04	02	25	DH15NHB	P109	Nguyễn Phương
203507	Miễn dịch	01		75	DH14CN	RD501	Đường Chi Mai
203507	Miễn dịch	02		75	DH14TA	RD501	Đường Chi Mai
203507	Miễn dịch	01	03	25	DH14CN	P209	Đường Chi Mai
203507	Miễn dịch	01	01	25	DH14CN	P209	Đường Chi Mai
203507	Miễn dịch	01	02	25	DH14CN	P209	Đường Chi Mai
203507	Miễn dịch	02	02	25	DH14TA	P211	Đường Chi Mai
203507	Miễn dịch	02	01	25	DH14TA	P209	Đường Chi Mai
203507	Miễn dịch	02	03	25	DH14TA	P211	Đường Chi Mai
205513	Hóa lâm sản	01		60	DH14CB	RD202	Bùi Thị Thiên Kim
207531	Biến đổi năng lượng điện cơ	01		75	DH15TD	HD202	Nguyễn Lê Tường
208451	Quản trị sản xuất	01		60	DH14TM	PV219	Nguyễn Thị Bình Minh
208451	Quản trị sản xuất	02		60	DH14TC	PV315	Nguyễn Thị Bình Minh
213409	British Studies	01		40	DH14AV	NN205	Đoàn Thị Huệ Dung
213409	British Studies	03		40	DH14AV	NN205	Hoàng Nhị Hà
213409	British Studies	02		40	DH14AV	NN207	Hoàng Nhị Hà
209427	Quản trị bất động sản	01		50	TINCHI	RD501	Nguyễn Thị Hoàng Yến
209427	Quản trị bất động sản	01	01	25	TINCHI	TT.QL3	Nguyễn Thị Hoàng Yến
209427	Quản trị bất động sản	01	02	25	TINCHI	TT.QL3	Nguyễn Thị Hoàng Yến
208461	Động thái khách hàng	02		95	DH15TM	TV202	Vũ Thanh Liêm
208461	Động thái khách hàng	01		95	DH14KN	PV400B	Vũ Thanh Liêm
203525	Giải phẫu bệnh 2	01		75	DH13DY	RD403	Đỗ Tiến Duy
203525	Giải phẫu bệnh 2	01	03	25	DH13DY	P213	Đỗ Tiến Duy
203525	Giải phẫu bệnh 2	01	01	25	DH13DY	P211	Đỗ Tiến Duy
203525	Giải phẫu bệnh 2	01	02	25	DH13DY	P211	Đỗ Tiến Duy
212507	Đánh giá tác động môi trường	02		100	DH14QM	TV103	Nguyễn Vinh Quy
212507	Đánh giá tác động môi trường	03		100	DH14DL	RD104	Nguyễn Vinh Quy
212507	Đánh giá tác động môi trường	01		100	DH14ES	RD104	Nguyễn Vinh Quy
203158	Kỹ năng báo cáo chuyên đề	01		75	DH14TYB	PV315	Võ Thị Trà An

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
203158	Kỹ năng báo cáo chuyên đề	03		75	DH14DY, DH15TA	PV219	Võ Thị Trà An
203158	Kỹ năng báo cáo chuyên đề	06		75	DH14TYA	PV315	Võ Thị Trà An
203158	Kỹ năng báo cáo chuyên đề	02		75	DH15CN	PV227	Nguyễn Quang Thiệu
209309	Nhà ở và kiến trúc	01		100	DH14QD, DH14TB	RD104	Trần Duy Hùng
209309	Nhà ở và kiến trúc	01	02	25	DH14QD, DH14TB	TT.QL5	Trần Duy Hùng
209309	Nhà ở và kiến trúc	01	01	25	DH14QD, DH14TB	TT.QL5	Trần Duy Hùng
209309	Nhà ở và kiến trúc	01	04	25	DH14QD, DH14TB	TT.QL1	Trần Duy Hùng
209309	Nhà ở và kiến trúc	01	03	25	DH14QD, DH14TB	TT.QL5	Trần Duy Hùng
218123	ứng dụng GIS trong quản lý TN	01		50	DH13GI	RD101	Nguyễn Kim Lợi
212503	Môi trường và sức khỏe c.đồng	01		80	DH15QM	RD304	Hoàng Thị Mỹ Hương
212503	Môi trường và sức khỏe c.đồng	02		80	DH15DL	RD203	Hoàng Thị Mỹ Hương
208362	Thuế 2	02		65	DH13KE	RD302	Nguyễn ý Nguyên Hân
208362	Thuế 2	01		65	DH13KE	RD402	Khúc Đình Nam
202201	Vật lý 1	02		65	DH16SM	RD102	Nguyễn Triều Lan
202201	Vật lý 1	01		65	DH16SH	RD202	Nguyễn Triều Lan
203558	Giống động vật 1	01		100	DH14TYB	PV323	Trần Văn Chính
203558	Giống động vật 1	05		100	DH14TYA	RD104	Trần Văn Chính
203558	Giống động vật 1	02		100	DH15CN	PV323	Trần Văn Chính
203558	Giống động vật 1	04		75	DH14DY	RD106	Trần Văn Chính
203558	Giống động vật 1	04	02	25	DH14DY	YDT	Nguyễn Quốc Tuấn
203558	Giống động vật 1	04	03	25	DH14DY	YDT	Nguyễn Quốc Tuấn
203558	Giống động vật 1	04	01	25	DH14DY	YDT	Nguyễn Quốc Tuấn
203558	Giống động vật 1	02	01	25	DH15CN	YDT	Nguyễn Quốc Tuấn
203558	Giống động vật 1	02	02	25	DH15CN	YDT	Nguyễn Quốc Tuấn
203558	Giống động vật 1	02	04	25	DH15CN	YDT	Nguyễn Quốc Tuấn
203558	Giống động vật 1	02	03	25	DH15CN	YDT	Nguyễn Quốc Tuấn
203558	Giống động vật 1	01	01	25	DH14TYB	YDT	Nguyễn Quốc Tuấn
203558	Giống động vật 1	01	03	25	DH14TYB	YDT	Nguyễn Quốc Tuấn
203558	Giống động vật 1	01	04	25	DH14TYB	YDT	Nguyễn Quốc Tuấn
203558	Giống động vật 1	01	02	25	DH14TYB	YDT	Nguyễn Quốc Tuấn
203558	Giống động vật 1	05	03	25	DH14TYA	YDT	Nguyễn Quốc Tuấn
203558	Giống động vật 1	05	01	25	DH14TYA	YDT	Nguyễn Quốc Tuấn
203558	Giống động vật 1	05	02	25	DH14TYA	YDT	Nguyễn Quốc Tuấn
203558	Giống động vật 1	05	04	25	DH14TYA	YDT	Nguyễn Quốc Tuấn
210301	Bao bì thực phẩm	01		80	DH15KN	HD205	Nguyễn Trung Hậu
210301	Bao bì thực phẩm	02		110	DH14VT	PV325	Nguyễn Trung Hậu
210301	Bao bì thực phẩm	03		110	DH14BQ	PV323	Nguyễn Trung Hậu
206504	Hoá thực phẩm thủy sản	01		100	DH15CT	CT102	Nguyễn Hoàng Nam Kha

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
206504	Hoá thực phẩm thuỷ sản	01	04	25	DH15CT	P301.1	Võ Thị Thanh Bình
206504	Hoá thực phẩm thuỷ sản	01	03	25	DH15CT	P301.1	Võ Thị Thanh Bình
206504	Hoá thực phẩm thuỷ sản	01	02	25	DH15CT	P301.1	Võ Thị Thanh Bình
206504	Hoá thực phẩm thuỷ sản	01	01	25	DH15CT	P301	Võ Thị Thanh Bình
205704	ATLĐ và Bảo vệ MT CN	01		65	DH14GB	RD201	Hoàng Văn Hòa
207512	Đo lường & Đ.khiển bằngmáy tính	01		80	DH14TD	HD204	Lê Văn Bạ
207512	Đo lường & Đ.khiển bằngmáy tính	01	01	20	DH14TD	P331	Lê Văn Bạ
207512	Đo lường & Đ.khiển bằngmáy tính	01	04	20	DH14TD	P331	Lê Văn Bạ
207512	Đo lường & Đ.khiển bằngmáy tính	01	02	20	DH14TD	P331	Lê Văn Bạ
207512	Đo lường & Đ.khiển bằngmáy tính	01	03	20	DH14TD	P331	Lê Văn Bạ
206111	ST vùng cửa sông và ven biển	01		65	DH16KS	PV319	Nguyễn Văn Trai
206111	ST vùng cửa sông và ven biển	02		65	DH14NT	PV319	Nguyễn Văn Trai
208373	Kế toán xây dựng	01		95	DH14KE	PV335	Nguyễn Thị Ngọc Hà
212201	Hóa học môi trường	01		100	DH15QM	TV103	Lê Thị Oanh
212201	Hóa học môi trường	03		100	DH15ES	CT201	Lê Thị Oanh
212201	Hóa học môi trường	02		100	DH15MT	RD200	Lê Thị Oanh
212201	Hóa học môi trường	04		100	DH16KM	TV103	Lê Thị Oanh
212201	Hóa học môi trường	03	03	25	DH15ES	KMT.2	Lê Thị Oanh
212201	Hóa học môi trường	03	04	25	DH15ES	KMT.2	Lê Thị Oanh
212201	Hóa học môi trường	03	01	25	DH15ES	KMT.1	Lê Thị Oanh
212201	Hóa học môi trường	03	02	25	DH15ES	KMT.2	Lê Thị Oanh
212201	Hóa học môi trường	01	04	25	DH15QM	KMT.1	Lê Thị Oanh
212201	Hóa học môi trường	01	03	25	DH15QM	KMT.1	Lê Thị Oanh
212201	Hóa học môi trường	01	02	25	DH15QM	KMT.1	Lê Thị Oanh
212201	Hóa học môi trường	01	01	25	DH15QM	KMT.1	Lê Thị Oanh
212201	Hóa học môi trường	02	01	25	DH15MT	KMT.3	Lê Thị Oanh
212201	Hóa học môi trường	02	04	25	DH15MT	KMT.3	Lê Thị Oanh
212201	Hóa học môi trường	02	03	25	DH15MT	KMT.2	Lê Thị Oanh
212201	Hóa học môi trường	02	02	25	DH15MT	KMT.3	Lê Thị Oanh
212201	Hóa học môi trường	04	01	25	DH16KM	KMT.2	Lê Thị Oanh
212201	Hóa học môi trường	04	02	25	DH16KM	KMT.2	Lê Thị Oanh
212201	Hóa học môi trường	04	03	25	DH16KM	KMT.2	Lê Thị Oanh
212201	Hóa học môi trường	04	04	25	DH16KM	KMT.2	Lê Thị Oanh
217909	Seminar chuyên ngành	08		25	DH14HT	I4	Trương Vĩnh
217909	Seminar chuyên ngành	04		25	DH14HD	I4	Trương Vĩnh
217909	Seminar chuyên ngành	06		25	DH14HS	I4	Trương Vĩnh
218103	Viễn thám cơ sở	01		65	DH15GI	RD102	Nguyễn Duy Liêm
209127	Bản đồ địa chính	03		80	DH15QD	PV337	Phạm Hồng Sơn

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:				https://goo.gl/L4sVOM			
209127	Bản đồ địa chính	04		100	DH15QLB	PV225	Phạm Hồng Sơn
209127	Bản đồ địa chính	01		80	DH15DC, DH15TB	PV337	Phạm Hồng Sơn
209127	Bản đồ địa chính	02		100	DH15QLA	PV325	Phạm Hồng Sơn
208508	Phân tích chính sách NN	01		65	DH14PT	PV315	Lê Quang Thông
214282	Mạng máy tính nâng cao	01		50	DH14DTA, DH14DTB	RD502	Phan Vĩnh Thuận
214282	Mạng máy tính nâng cao	02		50	DH13DT	RD502	Phan Vĩnh Thuận
214282	Mạng máy tính nâng cao	01	01	50	DH14DTA, DH14DTB	R406	Phan Vĩnh Thuận
214282	Mạng máy tính nâng cao	02	01	50	DH13DT	R406	Phan Vĩnh Thuận
213309	Testing and Evaluation	01		40	DH13AV	NN203	Bùi Thị Thục Quyên
211506	Quản lý phòng thí nghiệm SH	02		65	DH16SM	RD102	Lê Đình Đôn
211506	Quản lý phòng thí nghiệm SH	01		65	DH16SH	RD102	Lê Đình Đôn
210208	Hóa thực phẩm	02		100	DH15VT	CT102	Nguyễn Minh Xuân Hồng
210208	Hóa thực phẩm	01		100	DH15DD	CT102	Nguyễn Minh Xuân Hồng
210208	Hóa thực phẩm	03		100	DH15BQ	TV102	Nguyễn Minh Xuân Hồng
210208	Hóa thực phẩm	01	02	25	DH15DD	BQ01.1	Nguyễn Minh Xuân Hồng
210208	Hóa thực phẩm	01	03	25	DH15DD	BQ01.1	Nguyễn Minh Xuân Hồng
210208	Hóa thực phẩm	01	01	25	DH15DD	BQ01.1	Nguyễn Minh Xuân Hồng
210208	Hóa thực phẩm	01	04	25	DH15DD	BQ01.1	Nguyễn Minh Xuân Hồng
210208	Hóa thực phẩm	02	03	25	DH15VT	BQ01	Nguyễn Minh Xuân Hồng
210208	Hóa thực phẩm	02	04	25	DH15VT	BQ01.1	Nguyễn Minh Xuân Hồng
210208	Hóa thực phẩm	02	01	25	DH15VT	BQ01	Nguyễn Minh Xuân Hồng
210208	Hóa thực phẩm	02	02	25	DH15VT	BQ01	Nguyễn Minh Xuân Hồng
210208	Hóa thực phẩm	03	02	25	DH15BQ	BQ01.1	Nguyễn Minh Xuân Hồng
210208	Hóa thực phẩm	03	01	25	DH15BQ	BQ01.1	Nguyễn Minh Xuân Hồng
210208	Hóa thực phẩm	03	04	25	DH15BQ	BQ01.1	Nguyễn Minh Xuân Hồng
210208	Hóa thực phẩm	03	03	25	DH15BQ	BQ01.1	Nguyễn Minh Xuân Hồng
209124	Hệ thống thông tin đất đai	01		50	DH13DC	PV219	Nguyễn Ngọc Thy
208423	Luật thương mại	01		100	DH15TM	PV400B	Nguyễn Thị Nhật Linh
208423	Luật thương mại	02		100	DH15QT	PV325	Nguyễn Thị Nhật Linh
208427	Kinh doanh quốc tế	01		95	DH14KN	PV337	Nguyễn Thị Bình Minh
205131	Trồng rừng	01		60	DH14LN, DH14NK	RD302	Trần Thế Phong
205131	Trồng rừng	04		50	DH14QR	RD502	Trần Thế Phong
205131	Trồng rừng	04	02	25	DH14QR	TT.LN3	Trần Thế Phong
205131	Trồng rừng	04	01	25	DH14QR	TT.LN2	Trần Thế Phong
205131	Trồng rừng	01	01	20	DH14LN, DH14NK	TT.LN2	Trần Thế Phong
205131	Trồng rừng	01	03	20	DH14LN, DH14NK	TT.LN2	Trần Thế Phong
205131	Trồng rừng	01	02	20	DH14LN, DH14NK	TT.LN2	Trần Thế Phong
208132	Kiến tập thống kê định lượng	01		120	DH15KN	HD301	Trần Hoài Nam

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
208132	Kiến tập tổng kê định lượng	02		120	DH15KT	CT102	Trần Hoài Nam
209308	Quy hoạch đô thị	01		50	DH14GI	RD301	Trần Duy Hùng
209308	Quy hoạch đô thị	01	01	25	DH14GI	TT.QL2	Trần Duy Hùng
209308	Quy hoạch đô thị	01	02	25	DH14GI	TT.QL9	Trần Duy Hùng
218201	Toán ứng dụng	01		75	DH14GI	PV315	Trần Thống Nhất
218201	Toán ứng dụng	01	01	25	DH14GI	R405	Nguyễn Kim Lợi
218201	Toán ứng dụng	01	02	25	DH14GI	R405	Nguyễn Kim Lợi
218201	Toán ứng dụng	01	03	25	DH14GI	R405	Trần Thống Nhất
218205	Viễn thám và giải đoán ảnh	01		75	DH14DL	HD204	Trần Thống Nhất
218205	Viễn thám và giải đoán ảnh	01	01	25	DH14DL	TT.MT1	Trần Thống Nhất
218205	Viễn thám và giải đoán ảnh	01	02	25	DH14DL	TT.MT1	Trần Thống Nhất
218205	Viễn thám và giải đoán ảnh	01	03	25	DH14DL	TT.MT1	Trần Thống Nhất
206104	Thủy sinh thực vật	02		75	DH16NY	RD303	Đặng Thị Thanh Hòa
206104	Thủy sinh thực vật	01		100	DH16NT	PV333	Đặng Thị Thanh Hòa
206104	Thủy sinh thực vật	01	03	25	DH16NT	P301.1	Đặng Thị Thanh Hòa
206104	Thủy sinh thực vật	01	04	25	DH16NT	P301.1	Đặng Thị Thanh Hòa
206104	Thủy sinh thực vật	01	02	25	DH16NT	P301	Đặng Thị Thanh Hòa
206104	Thủy sinh thực vật	01	01	25	DH16NT	P301	Đặng Thị Thanh Hòa
206104	Thủy sinh thực vật	02	03	25	DH16NY	P301	Đặng Thị Thanh Hòa
206104	Thủy sinh thực vật	02	02	25	DH16NY	P301	Đặng Thị Thanh Hòa
206104	Thủy sinh thực vật	02	01	25	DH16NY	P301	Đặng Thị Thanh Hòa
210341	Công nghệ sau thu hoạch rau HQ	01		75	DH14VT	HD203	Dương Thị Ngọc Diệp
210341	Công nghệ sau thu hoạch rau HQ	04		75	DH14DD	HD202	Lâm Thanh Hiền
210341	Công nghệ sau thu hoạch rau HQ	02		75	DH14BQ	HD205	Dương Thị Ngọc Diệp
210341	Công nghệ sau thu hoạch rau HQ	05		75	DH14DD	HD202	Lâm Thanh Hiền
210341	Công nghệ sau thu hoạch rau HQ	05	02	25	DH14DD	BQ06.1	Lâm Thanh Hiền
210341	Công nghệ sau thu hoạch rau HQ	05	01	25	DH14DD	BQ06.1	Lâm Thanh Hiền
210341	Công nghệ sau thu hoạch rau HQ	05	03	25	DH14DD	BQ06.1	Lâm Thanh Hiền
210341	Công nghệ sau thu hoạch rau HQ	01	02	25	DH14VT	BQ06	Dương Thị Ngọc Diệp
210341	Công nghệ sau thu hoạch rau HQ	01	03	25	DH14VT	BQ06	Dương Thị Ngọc Diệp
210341	Công nghệ sau thu hoạch rau HQ	01	01	25	DH14VT	BQ06	Dương Thị Ngọc Diệp
210341	Công nghệ sau thu hoạch rau HQ	02	01	25	DH14BQ	BQ06	Dương Thị Ngọc Diệp
210341	Công nghệ sau thu hoạch rau HQ	02	02	25	DH14BQ	BQ06	Dương Thị Ngọc Diệp
210341	Công nghệ sau thu hoạch rau HQ	02	03	25	DH14BQ	BQ06	Dương Thị Ngọc Diệp
210341	Công nghệ sau thu hoạch rau HQ	04	01	25	DH14DD	BQ06.1	Lâm Thanh Hiền
210341	Công nghệ sau thu hoạch rau HQ	04	02	25	DH14DD	BQ06.1	Lâm Thanh Hiền
210341	Công nghệ sau thu hoạch rau HQ	04	03	25	DH14DD	BQ06.1	Lâm Thanh Hiền
210513	PP phân tích TP hóa-lý T.Phẩm	02		150	DH15VT	TV103	Phan Tại Huân

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
210513	PP phân tích TP hóa-lý T.Phẩm	01		150	DH15DD	TV103	Phan Tại Huân
210513	PP phân tích TP hóa-lý T.Phẩm	02	06	25	DH15VT	BQ01	Phan Tại Huân
210513	PP phân tích TP hóa-lý T.Phẩm	02	03	25	DH15VT	BQ01	Phan Tại Huân
210513	PP phân tích TP hóa-lý T.Phẩm	02	01	25	DH15VT	BQ01	Phan Tại Huân
210513	PP phân tích TP hóa-lý T.Phẩm	02	05	25	DH15VT	BQ01	Phan Tại Huân
210513	PP phân tích TP hóa-lý T.Phẩm	02	04	25	DH15VT	BQ01	Phan Tại Huân
210513	PP phân tích TP hóa-lý T.Phẩm	02	02	25	DH15VT	BQ01	Phan Tại Huân
210513	PP phân tích TP hóa-lý T.Phẩm	01	04	25	DH15DD	BQ01	Phan Tại Huân
210513	PP phân tích TP hóa-lý T.Phẩm	01	03	25	DH15DD	BQ01	Phan Tại Huân
210513	PP phân tích TP hóa-lý T.Phẩm	01	01	25	DH15DD	BQ01	Phan Tại Huân
210513	PP phân tích TP hóa-lý T.Phẩm	01	05	25	DH15DD	BQ01	Phan Tại Huân
210513	PP phân tích TP hóa-lý T.Phẩm	01	06	25	DH15DD	BQ01	Phan Tại Huân
210513	PP phân tích TP hóa-lý T.Phẩm	01	02	25	DH15DD	BQ01	Phan Tại Huân
212318	Quy hoạch môi trường	02		80	DH14QM	RD304	Hoàng Thị Mỹ Hương
212318	Quy hoạch môi trường	01		100	DH14ES	RD104	Hoàng Thị Mỹ Hương
212318	Quy hoạch môi trường	03		80	DH14DL	RD203	Hoàng Thị Mỹ Hương
207513	Đo lường và TĐ hóa TB lạnh	01		100	DH14CD	CT102	Lê Văn Bạ
207513	Đo lường và TĐ hóa TB lạnh	01	03	20	DH14CD	CK03.2	Lê Văn Bạ
207513	Đo lường và TĐ hóa TB lạnh	01	05	20	DH14CD	CK03.2	Lê Văn Bạ
207513	Đo lường và TĐ hóa TB lạnh	01	01	20	DH14CD	CK03.1	Lê Văn Bạ
207513	Đo lường và TĐ hóa TB lạnh	01	02	20	DH14CD	CK03.1	Lê Văn Bạ
207513	Đo lường và TĐ hóa TB lạnh	01	04	20	DH14CD	CK03.2	Lê Văn Bạ
207527	Kỹ thuật ĐKTĐ quá trình	01		80	DH13TD	HD204	Lê Văn Bạ
208361	Tổ chức công tác kế toán	02		65	DH13KE	RD302	Nguyễn ý Nguyên Hân
208361	Tổ chức công tác kế toán	01		65	DH13KE	TV102	Đàm Thị Hải Âu
212338	QL chất thải rắn và nguy hại	02		90	DH14ES	PV337	Lê Tấn Thanh Lâm
212338	QL chất thải rắn và nguy hại	01		90	DH14ES	PV337	Lê Tấn Thanh Lâm
206513	Kiểm tra chất lượng SP TS	01		80	DH13NY	RD204	Nguyễn Hữu Thịnh
208357	Hệ thống thông tin kế toán	01		120	DH14KE	PV323	Nguyễn Thị Ngọc Hà
207610	Kỹ thuật số	02		80	DH15TD	HD202	Nguyễn Lê Tường
207610	Kỹ thuật số	01		80	DH15CD	RD504	Nguyễn Lê Tường
207610	Kỹ thuật số	02	03	20	DH15TD	I3.1	Nguyễn Lê Tường
207610	Kỹ thuật số	02	02	20	DH15TD	I3.2	Nguyễn Lê Tường
207610	Kỹ thuật số	02	01	20	DH15TD	I3.2	Nguyễn Lê Tường
207610	Kỹ thuật số	02	04	20	DH15TD	I3.2	Nguyễn Lê Tường
207610	Kỹ thuật số	01	04	20	DH15CD	I3.2	Nguyễn Lê Tường
207610	Kỹ thuật số	01	02	20	DH15CD	I3.2	Nguyễn Lê Tường
207610	Kỹ thuật số	01	01	20	DH15CD	I3.1	Nguyễn Lê Tường

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:				https://goo.gl/L4sVOM			
207610	Kỹ thuật số	01	03	20	DH15CD	I3.2	Nguyễn Lê Tường
206515	Xử lý chất thải trong CBTS	01		80	DH13CT	HD205	Nguyễn Phúc Cẩm Tú
215352	Rèn nghề thủy sản	01		75	DH14SP	TT.TS1	Khoa Quản Lý Khoa Nn
212931	Anh văn chuyên ngành	01		100	DH15ES	CT201	Lê Quốc Tuấn
202414	Sinh học thực vật	05		80	DH15MT	TV201	Trần Thị Thanh Hương
202414	Sinh học thực vật	02		80	DH14QM	RD104	Trần Thị Thanh Hương
202414	Sinh học thực vật	06		80	DH15SP	HD205	Trần Thị Thanh Hương
202414	Sinh học thực vật	07		80	DH15SP	TV101	Trần Thị Thanh Hương
202414	Sinh học thực vật	04		80	DH15MT	HD305	Trần Thị Thanh Hương
211427	ƯD nano trong quản lý ô nhiễm	01		65	DH14SM	RD502	Phạm Văn Bình
213505	American Literature	04		40	DH13AV	NN208	Nguyễn Thi Kim An
213505	American Literature	03		40	DH13AV	NN212	Nguyễn Thi Kim An
213505	American Literature	02		40	DH13AV	NN208	Nguyễn Thi Kim An
213505	American Literature	01		40	DH13AV	NN205	Lê Thị Tiểu Phượng
202113	Toán cao cấp B2	02		100	DH16ES	TV103	Đặng Thành Danh
202113	Toán cao cấp B2	05		120	DH16NT, DH16NY	TV101	Đặng Văn Quý
202113	Toán cao cấp B2	16		110	DH16QM, DH16QR	TV102	Trần Bảo Ngọc
202113	Toán cao cấp B2	19		80	DH16NHB	RD106	Trần Bảo Ngọc
202113	Toán cao cấp B2	03		100	DH16MT	TV103	Đặng Thành Danh
202113	Toán cao cấp B2	17		100	DH16SP	TV102	Đặng Văn Quý
202113	Toán cao cấp B2	13		100	DH16CT, DH16KS	CT201	Phạm Thành Kcong
202113	Toán cao cấp B2	06		100	DH16BQ	PV225	Đặng Văn Quý
202113	Toán cao cấp B2	11		100	DH16LN	CT202	Phạm Thành Kcong
202113	Toán cao cấp B2	15		100	DH16CH	CT201	Trần Bảo Ngọc
202113	Toán cao cấp B2	12		100	DH16TK	CT202	Phạm Thành Kcong
202113	Toán cao cấp B2	04		120	DH16VT	TV103	Đặng Văn Quý
202113	Toán cao cấp B2	10		120	DH16DD	TV101	Phạm Thành Kcong
202113	Toán cao cấp B2	18		80	DH16NHA	RD204	Trần Bảo Ngọc
202113	Toán cao cấp B2	14		100	DH16BV	CT201	Phạm Thành Kcong
205732	Công nghệ làm sạch Cellulose	01		50	DH14GB	PV315	Lê Thanh Thùy
205353	Đo đạc và bản đồ	01		60	DH15LN	RD501	Viên Ngọc Nam
205353	Đo đạc và bản đồ	01	03	20	DH15LN	TT.LN4	Viên Ngọc Nam
205353	Đo đạc và bản đồ	01	02	20	DH15LN	TT.LN4	Viên Ngọc Nam
205353	Đo đạc và bản đồ	01	01	20	DH15LN	TT.LN1	Viên Ngọc Nam
207222	Kỹ thuật sấy	02		80	DH14CC	RD203	Nguyễn Văn Công Chính
207222	Kỹ thuật sấy	01		60	DH14NL	RD401	Lê Anh Đức
207222	Kỹ thuật sấy	02	04	20	DH14CC	CK09.1	Nguyễn Văn Công Chính
207222	Kỹ thuật sấy	02	02	20	DH14CC	CK09.1	Nguyễn Văn Công Chính

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
207222	Kỹ thuật sấy	02	01	20	DH14CC	CK09.1	Nguyễn Văn Công Chính
207222	Kỹ thuật sấy	02	03	20	DH14CC	CK09.1	Nguyễn Văn Công Chính
207222	Kỹ thuật sấy	01	03	20	DH14NL	CK09.1	Lê Anh Đức
207222	Kỹ thuật sấy	01	02	20	DH14NL	CK09.1	Lê Anh Đức
207222	Kỹ thuật sấy	01	01	20	DH14NL	CK09.1	Lê Anh Đức
205315	Thống kê lâm nghiệp	02		60	DH15NK	RD301	Nguyễn Minh Cảnh
205315	Thống kê lâm nghiệp	01		60	DH15LN	RD301	Nguyễn Minh Cảnh
205315	Thống kê lâm nghiệp	01	01	20	DH15LN	TH.P01	Nguyễn Minh Cảnh
205315	Thống kê lâm nghiệp	01	03	20	DH15LN	TH.P02	Nguyễn Minh Cảnh
205315	Thống kê lâm nghiệp	01	02	20	DH15LN	TH.P01	Nguyễn Minh Cảnh
205315	Thống kê lâm nghiệp	02	02	20	DH15NK	TH.P02	Nguyễn Minh Cảnh
205315	Thống kê lâm nghiệp	02	03	20	DH15NK	TH.P02	Nguyễn Minh Cảnh
205315	Thống kê lâm nghiệp	02	01	20	DH15NK	TH.P01	Nguyễn Minh Cảnh
206317	Sinh học phân tử ƯD trong TS	01		65	DH16NY	RD101	Nguyễn Thị Thanh Trúc
207526	Cơ sở kỹ thuật điều khiển TĐ	01		80	DH13TD	HD204	Nguyễn Văn Công Chính
204311	GAP và nông nghiệp hữu cơ	03		80	DH14NHB	RD105	Huỳnh Thanh Hùng
204311	GAP và nông nghiệp hữu cơ	02		80	DH14NHA	RD105	Huỳnh Thanh Hùng
204311	GAP và nông nghiệp hữu cơ	01		80	DH15BV	RD105	Huỳnh Thanh Hùng
211106	Sinh học phân tử	01		75	DH15SHA	CT201	Tôn Bảo Linh
211106	Sinh học phân tử	03		75	DH15SM	HD305	Tôn Bảo Linh
211106	Sinh học phân tử	02		75	DH15SHB	TV103	Tôn Bảo Linh
211106	Sinh học phân tử	02	02	25	DH15SHB	A203	Nguyễn Phan Thành
211106	Sinh học phân tử	02	01	25	DH15SHB	A203	Nguyễn Phan Thành
211106	Sinh học phân tử	02	03	25	DH15SHB	A203	Nguyễn Phan Thành
211106	Sinh học phân tử	01	03	25	DH15SHA	TT.SH1	Nguyễn Phan Thành
211106	Sinh học phân tử	01	02	25	DH15SHA	A203	Nguyễn Phan Thành
211106	Sinh học phân tử	01	01	25	DH15SHA	A203	Nguyễn Phan Thành
211106	Sinh học phân tử	03	02	25	DH15SM	A203	Nguyễn Phan Thành
211106	Sinh học phân tử	03	01	25	DH15SM	A203	Nguyễn Phan Thành
211106	Sinh học phân tử	03	03	25	DH15SM	A203	Nguyễn Phan Thành
206208	KT Nuôi cá cảnh & thủy đặc sản	02		65	DH13NT	RD305	Lê Thị Bình
206208	KT Nuôi cá cảnh & thủy đặc sản	01		65	DH13NT	RD204	Lê Thị Bình
208226	Kinh tế lượng ứng dụng	02		75	DH15KS	RD202	Trần Đức Luân
208226	Kinh tế lượng ứng dụng	03		75	DH14PT	RD304	Trần Đức Luân
208226	Kinh tế lượng ứng dụng	01		75	DH14KT	RD303	Trần Đức Luân
208226	Kinh tế lượng ứng dụng	01	01	25	DH14KT	TT.KT1	Trần Đức Luân
208226	Kinh tế lượng ứng dụng	01	03	25	DH14KT	TT.KT3	Trần Đức Luân
208226	Kinh tế lượng ứng dụng	01	02	25	DH14KT	TT.KT2	Trần Đức Luân

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
208226	Kinh tế lượng ứng dụng	03	01	25	DH14PT	TT.KT3	Trần Đức Luân
208226	Kinh tế lượng ứng dụng	03	02	25	DH14PT	TT.KT3	Trần Đức Luân
208226	Kinh tế lượng ứng dụng	03	03	25	DH14PT	TT.KT3	Trần Đức Luân
208226	Kinh tế lượng ứng dụng	02	02	25	DH15KS	TT.KT2	Trần Đức Luân
208226	Kinh tế lượng ứng dụng	02	01	25	DH15KS	TT.KT2	Trần Đức Luân
208226	Kinh tế lượng ứng dụng	02	03	25	DH15KS	TT.KT2	Trần Đức Luân
212530	Quản lý tài nguyên nước	02		100	DH14ES	RD104	Nguyễn Trần Liên Hương
212530	Quản lý tài nguyên nước	01		80	DH14GI	RD403	Nguyễn Trần Liên Hương
209317	Nguyên lý thiết kế kiến trúc	01		75	DH14QD	RD404	Đỗ Ngọc Nhuận
209317	Nguyên lý thiết kế kiến trúc	01	01	25	DH14QD	TT.QL5	Đỗ Ngọc Nhuận
209317	Nguyên lý thiết kế kiến trúc	01	03	25	DH14QD	TT.QL5	Đỗ Ngọc Nhuận
209317	Nguyên lý thiết kế kiến trúc	01	02	25	DH14QD	TT.QL5	Đỗ Ngọc Nhuận
209213	Marketing bất động sản	01		65	DH14TB	RD402	Tạ Thị Hiệp
208620	Thực tập kinh tế tài nguyên	01		160	DH13KM	TT.KT1	Khoa Phụ Trách - Khoa Kt
208603	Kinh tế ô nhiễm	01		65	DH14KM	RD301	Đặng Minh Phương
203703	Chăn nuôi đại cừong	01		80	DH15PT	RD305	Nguyễn Thị Kim Loan
203703	Chăn nuôi đại cừong	02		80	DH15CN	RD404	Nguyễn Thị Kim Loan
203703	Chăn nuôi đại cừong	04		80	DH15SP	PV333	Bùi Thị Kim Phụng
203703	Chăn nuôi đại cừong	03		80	DH15TA	TV202	Bùi Thị Kim Phụng
212315	Ô nhiễm không khí và tiếng ồn	01		75	DH14MT	RD504	Huỳnh Ngọc Anh Tuấn
202305	Thí nghiệm Hoá phân tích	11		25	DH16NY	I1	Nguyễn Thị Thanh Thúy
202305	Thí nghiệm Hoá phân tích	10		25	DH16NY	I1	Nguyễn Thị Thanh Thúy
202305	Thí nghiệm Hoá phân tích	05		25	DH16CT	I1	Nguyễn Thị Thanh Thúy
202305	Thí nghiệm Hoá phân tích	09		25	DH16NT	I1.2	Nguyễn Thị Thanh Thúy
202305	Thí nghiệm Hoá phân tích	07		25	DH16NT	I1	Nguyễn Thị Thanh Thúy
202305	Thí nghiệm Hoá phân tích	06		25	DH16CT	I1	Nguyễn Thị Thanh Thúy
202305	Thí nghiệm Hoá phân tích	08		25	DH16NT	I1	Nguyễn Thị Thanh Thúy
202305	Thí nghiệm Hoá phân tích	04		25	DH16CT	I1	Nguyễn Thị Thanh Thúy
206205	Kỹ thuật nuôi cá biển	01		65	DH14KS	PV219	Nguyễn Văn Trai
207509	Mô phỏng và mô hình hệ thống	01		80	DH14TD	HD205	Bùi Chấn Thạnh
207509	Mô phỏng và mô hình hệ thống	01	01	20	DH14TD	R205.2	Bùi Chấn Thạnh
207509	Mô phỏng và mô hình hệ thống	01	03	20	DH14TD	R205.2	Bùi Chấn Thạnh
207509	Mô phỏng và mô hình hệ thống	01	04	20	DH14TD	R205.2	Bùi Chấn Thạnh
207509	Mô phỏng và mô hình hệ thống	01	02	20	DH14TD	R205.2	Bùi Chấn Thạnh
207321	Đồ án máy canh tác	01		60	DH13CK	CNC.3	Đặng Hữu Dũng
206204	Kỹ thuật sản xuất giống cá	02		75	DH14KS	RD101	Ngô Văn Ngọc
206204	Kỹ thuật sản xuất giống cá	01		75	DH14NT	TV302	Ngô Văn Ngọc
206204	Kỹ thuật sản xuất giống cá	04		50	DH14NY	RD101	Ngô Văn Ngọc

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
206204	Kỹ thuật sản xuất giống cá	04	02	25	DH14NY	PV305	Ngô Văn Ngọc
206204	Kỹ thuật sản xuất giống cá	04	01	25	DH14NY	PV305	Ngô Văn Ngọc
206204	Kỹ thuật sản xuất giống cá	02	02	25	DH14KS	PV305	Ngô Văn Ngọc
206204	Kỹ thuật sản xuất giống cá	02	03	25	DH14KS	PV305	Ngô Văn Ngọc
206204	Kỹ thuật sản xuất giống cá	02	01	25	DH14KS	PV305	Ngô Văn Ngọc
206204	Kỹ thuật sản xuất giống cá	01	01	25	DH14NT	PV305	Ngô Văn Ngọc
206204	Kỹ thuật sản xuất giống cá	01	03	25	DH14NT	PV305	Ngô Văn Ngọc
206204	Kỹ thuật sản xuất giống cá	01	02	25	DH14NT	PV305	Ngô Văn Ngọc
211114	Công nghệ di truyền II	02		75	DH14SHA	RD404	Tôn Bảo Linh
211114	Công nghệ di truyền II	01		75	DH14SHB	HD305	Tôn Bảo Linh
211114	Công nghệ di truyền II	02	01	25	DH14SHA	A203	Tôn Bảo Linh
211114	Công nghệ di truyền II	02	02	25	DH14SHA	A203	Tôn Bảo Linh
211114	Công nghệ di truyền II	02	03	25	DH14SHA	A203	Tôn Bảo Linh
211114	Công nghệ di truyền II	01	01	25	DH14SHB	A203	Tôn Bảo Linh
211114	Công nghệ di truyền II	01	02	25	DH14SHB	A203	Tôn Bảo Linh
211114	Công nghệ di truyền II	01	03	25	DH14SHB	A203	Tôn Bảo Linh
211212	Thực tập vi sinh nâng cao	03		25	DH14SM	SH02	Nguyễn Phan Thành
211212	Thực tập vi sinh nâng cao	01		25	DH14SM	SH02	Nguyễn Phan Thành
211212	Thực tập vi sinh nâng cao	02		25	DH14SM	SH02	Nguyễn Phan Thành
209102	Trắc địa địa chính	01		75	TINCHI	PV227	Phạm Hồng Sơn
209102	Trắc địa địa chính	01	01	25	TINCHI	TT.QL1	Phạm Hồng Sơn
209102	Trắc địa địa chính	01	02	25	TINCHI	TT.QL1	Phạm Hồng Sơn
209102	Trắc địa địa chính	01	03	25	TINCHI	TT.QL1	Phạm Hồng Sơn
211309	Công nghệ SX Enzyme	01		75	DH14SHB	RD503	Bộ Môn Phụ Trách Cnsh
211309	Công nghệ SX Enzyme	02		75	DH14SHA	RD503	Bộ Môn Phụ Trách Cnsh
211309	Công nghệ SX Enzyme	02	03	25	DH14SHA	SH02	Lê Hồng Thủy Tiên
211309	Công nghệ SX Enzyme	02	01	25	DH14SHA	SH02	Lê Hồng Thủy Tiên
211309	Công nghệ SX Enzyme	02	02	25	DH14SHA	SH02	Lê Hồng Thủy Tiên
211309	Công nghệ SX Enzyme	01	01	25	DH14SHB	SH02	Lê Hồng Thủy Tiên
211309	Công nghệ SX Enzyme	01	03	25	DH14SHB	SH02	Lê Hồng Thủy Tiên
211309	Công nghệ SX Enzyme	01	02	25	DH14SHB	SH02	Lê Hồng Thủy Tiên
213306	Teaching practice	01		40	DH13AV	NN210	Bùi Thị Thục Quyên
213306	Teaching practice	02		40	DH13AV	NN208	Bùi Thị Thục Quyên
206214	AV chuyên ngành NTTS	01		65	DH14NT	RD102	Nguyễn Phú Hòa
210501	Quá trình chuyển hóa chất DD	01		80	DH13DD		Nguyễn Thị Phượng
210501	Quá trình chuyển hóa chất DD	02		80	DH13DD		Nguyễn Thị Phượng
210601	Luật thực phẩm	01		80	DH15DD	HD303	Nguyễn Anh Trinh
210601	Luật thực phẩm	02		80	DH15VT	CT102	Nguyễn Anh Trinh

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
210601	Luật thực phẩm	03		80	DH15BQ	PV225	Nguyễn Anh Trinh
207224	Truyền nhiệt và TB trao đổi	01		80	DH14CC	HD202	Nguyễn Văn Xuân
203912	Anh văn chuyên ngành	01		80	DH15DY	PV335	Nguyễn Đình Quát
203912	Anh văn chuyên ngành	03		80	DH15TA	PV325	Chế Minh Tùng
203912	Anh văn chuyên ngành	02		80	DH15CN	RD304	Chế Minh Tùng
214372	Lập trình .NET	01		50	DH14DTA, DH14DTB	RD401	Nguyễn Thanh Phước
214372	Lập trình .NET	01	01	50	DH14DTA, DH14DTB	R406	Nguyễn Thanh Phước
203614	Độc chất học thực phẩm	01		80	DH14TA	RD105	Nguyễn Văn Hiệp
212313	Xử lý nước thải đô thị	01		75	DH14MT	RD404	Phạm Trung Kiên
213117	The Art of public speaking	03		35	DH15AV	NN206	Dương Mỹ Thảo
213117	The Art of public speaking	04		35	DH15AV	NN206	Dương Mỹ Thảo
213117	The Art of public speaking	01		35	DH15AV	NN206	Bùi Thị Thục Quyên
213117	The Art of public speaking	02		35	DH15AV	NN212	Đào Như Nguyễn
213804	Tiếng Pháp 4	01		40	DH13AV	NN203	Nguyễn Thị Anh Thư
212906	Đồ án QLMT&DLST	01		65	DH13DL	TT.MT7	Khoa Quản Lý - Khoa Mt
216204	Thực tập nghề nghiệp 2	01		80	DH14CH	TT.MT4	Nguyễn Thiện Thanh
218108	Internet_Web GIS	01		50	DH14GI	PV315	Khưu Minh Cảnh
218108	Internet_Web GIS	01	02	25	DH14GI	R405	Khưu Minh Cảnh
218108	Internet_Web GIS	01	01	25	DH14GI	R405	Khưu Minh Cảnh
203604	Đồng cỏ và cây thức ăn	01		75	DH14CN	RD203	Nguyễn Văn Hiệp
203604	Đồng cỏ và cây thức ăn	01	03	25	DH14CN	TT.TY1	Nguyễn Văn Hiệp
203604	Đồng cỏ và cây thức ăn	01	02	25	DH14CN	TT.TY1	Nguyễn Văn Hiệp
203604	Đồng cỏ và cây thức ăn	01	01	25	DH14CN	TT.TY1	Nguyễn Văn Hiệp
214442	Nhập môn cơ sở dữ liệu	03		80	DH15DTB	HD202	Trần Lê Như Quỳnh
214442	Nhập môn cơ sở dữ liệu	01		80	DH15DTC	HD203	Trần Lê Như Quỳnh
214442	Nhập môn cơ sở dữ liệu	02		80	DH15DTA	HD204	Nguyễn Thị Minh Hương
214442	Nhập môn cơ sở dữ liệu	01	01	40	DH15DTC	P3	Trần Lê Như Quỳnh
214442	Nhập môn cơ sở dữ liệu	01	02	40	DH15DTC	P3	Trần Lê Như Quỳnh
214442	Nhập môn cơ sở dữ liệu	03	01	40	DH15DTB	P2	Trần Lê Như Quỳnh
214442	Nhập môn cơ sở dữ liệu	03	02	40	DH15DTB	P3	Trần Lê Như Quỳnh
214442	Nhập môn cơ sở dữ liệu	02	02	40	DH15DTA	P2	Nguyễn Thị Minh Hương
214442	Nhập môn cơ sở dữ liệu	02	01	40	DH15DTA	R406	Nguyễn Thị Minh Hương
212539	Kiểm toán năng lượng	01		65	DH14QM	RD302	Bùi Thị Cẩm Nhi
212109	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	01		95	DH14MT	PV337	Nguyễn Trần Liên Hương
212517	Quản lý tài nguyên rừng	01		65	DH14DL	RD202	Ngô An
209204	Phân tích thị trường BĐS	01		65	DH14TB	RD401	Tạ Thị Hiệp
208116	Kinh tế phát triển	01		65	DH14KT	PV315	Trần Minh Trí
207503	Kỹ thuật đo lường, cảm biến	01		100	DH14CD	CT102	Lê Văn Bạ

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
207503	Kỹ thuật đo lường, cảm biến	01	03	20	DH14CD	I3.1	Lê Văn Bạ
207503	Kỹ thuật đo lường, cảm biến	01	01	20	DH14CD	I3.2	Lê Văn Bạ
207503	Kỹ thuật đo lường, cảm biến	01	05	20	DH14CD	I3.1	Lê Văn Bạ
207503	Kỹ thuật đo lường, cảm biến	01	04	20	DH14CD	I3.1	Lê Văn Bạ
207503	Kỹ thuật đo lường, cảm biến	01	02	20	DH14CD	I3.1	Lê Văn Bạ
213119	Writing 3	04		35	DH15AV	NN207	Lê Thị Ngân Vang
213119	Writing 3	02		35	DH15AV	NN206	Nguyễn Liên Hương
213119	Writing 3	03		35	DH15AV	NN203	Bùi Thị Thục Quyên
213119	Writing 3	01		35	DH15AV	NN210	Lê Thị Ngân Vang
207609	Kỹ thuật ROBOT 2	01		40	DH13CD	RD401	Nguyễn Tấn Phúc
207609	Kỹ thuật ROBOT 2	01	02	20	DH13CD	CK06.1	Nguyễn Tấn Phúc
207609	Kỹ thuật ROBOT 2	01	01	20	DH13CD	CK06.1	Nguyễn Tấn Phúc
212106	Sinh thái đất ngập nước	02		90	DH14ES	PV333	Lê Quốc Tuấn
212106	Sinh thái đất ngập nước	01		90	DH14ES	PV333	Lê Quốc Tuấn
211215	Di truyền phân tử	02		75	DH16SM	PV227	Phan Đặng Thái Phương
211215	Di truyền phân tử	01		75	DH16SH	PV323	Phan Đặng Thái Phương
211215	Di truyền phân tử	02	03	25	DH16SM	BIO112	Phan Đặng Thái Phương
211215	Di truyền phân tử	02	02	25	DH16SM	BIO112	Phan Đặng Thái Phương
211215	Di truyền phân tử	02	01	25	DH16SM	BIO112	Phan Đặng Thái Phương
211215	Di truyền phân tử	01	03	25	DH16SH	BIO112	Phan Đặng Thái Phương
211215	Di truyền phân tử	01	02	25	DH16SH	BIO112	Phan Đặng Thái Phương
211215	Di truyền phân tử	01	01	25	DH16SH	BIO112	Phan Đặng Thái Phương
205542	Công nghệ bảo quản gỗ	01		60	DH14GN	RD201	Tăng Thị Kim Hồng
205542	Công nghệ bảo quản gỗ	01	03	20	DH14GN	P336	Tăng Thị Kim Hồng
205542	Công nghệ bảo quản gỗ	01	02	20	DH14GN	P336	Tăng Thị Kim Hồng
205542	Công nghệ bảo quản gỗ	01	01	20	DH14GN	P336	Tăng Thị Kim Hồng
211127	Anh văn chuyên ngành SHMT	01		65	DH14SM	PV219	Nguyễn Tấn Chung
202202	Thí nghiệm Vật Lý 1	09		25	DH16TD	P317.1	Bùi Thị Thu Tiên
202202	Thí nghiệm Vật Lý 1	07		25	DH16OT	P317.1	Lê Nguyễn Mai Anh
202202	Thí nghiệm Vật Lý 1	08		25	DH16OT	P317.1	Bùi Thị Thu Tiên
202202	Thí nghiệm Vật Lý 1	04		25	DH16NL	P317.1	Lê Nguyễn Mai Anh
202202	Thí nghiệm Vật Lý 1	05		25	DH16NL	P317.1	Lê Nguyễn Mai Anh
202202	Thí nghiệm Vật Lý 1	10		25	DH16TD	P317.1	Bùi Thị Thu Tiên
202202	Thí nghiệm Vật Lý 1	06		25	DH16NL	P317.1	Lê Nguyễn Mai Anh
218104	Hệ thống định vị toàn cầu	01		50	DH14GI, DH15GI	RD502	Nguyễn Duy Liêm
218104	Hệ thống định vị toàn cầu	01	01	25	DH14GI, DH15GI	R405	Nguyễn Duy Liêm
218104	Hệ thống định vị toàn cầu	01	02	25	DH14GI, DH15GI	R405	Nguyễn Duy Liêm
209203	Thị trường bất động sản	01		80	DH14QD	RD504	Nguyễn Mạnh Hùng

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
209203	Thị trường bất động sản	04		80	DH14TB	HD202	Nguyễn Mạnh Hùng
209203	Thị trường bất động sản	02		95	DH14QLB	RD103	Nguyễn Mạnh Hùng
209203	Thị trường bất động sản	03		95	DH14QLA	RD103	Nguyễn Mạnh Hùng
217224	Thống kê & PPTN	01		50	DH14HD	RD301	Trương Vĩnh
217224	Thống kê & PPTN	03		50	DH14HS	RD401	Trương Vĩnh
217224	Thống kê & PPTN	02		50	DH14HT	RD301	Trương Vĩnh
217224	Thống kê & PPTN	01	01	25	DH14HD	I4	Trương Vĩnh
217224	Thống kê & PPTN	01	02	25	DH14HD	I4	Trương Vĩnh
217224	Thống kê & PPTN	02	02	25	DH14HT	I4	Trương Vĩnh
217224	Thống kê & PPTN	02	01	25	DH14HT	I4	Trương Vĩnh
217224	Thống kê & PPTN	03	02	25	DH14HS	I4	Trương Vĩnh
217224	Thống kê & PPTN	03	01	25	DH14HS	I4	Trương Vĩnh
207734	Hệ thống điện thân xe	01		60	DH14OT	RD501	Nguyễn Trịnh Nguyên
207734	Hệ thống điện thân xe	01	01	20	DH14OT	CK03.3	Nguyễn Trịnh Nguyên
207734	Hệ thống điện thân xe	01	03	20	DH14OT	CK03.3	Nguyễn Trịnh Nguyên
207734	Hệ thống điện thân xe	01	02	20	DH14OT	CK03.1	Nguyễn Văn Tuấn Anh
209131	Mạng HT thông tin địa lý	01		50	DH14DC	RD401	Nguyễn Ngọc Thy
209131	Mạng HT thông tin địa lý	01	02	25	DH14DC	P352	Nguyễn Ngọc Thy
209131	Mạng HT thông tin địa lý	01	01	25	DH14DC	P352	Nguyễn Ngọc Thy
209113	Thành lập bản đồ địa chính	01		75	TINCHI	PV227	Phạm Hồng Sơn
209113	Thành lập bản đồ địa chính	01	03	25	TINCHI	TT.QL1	Phạm Hồng Sơn
209113	Thành lập bản đồ địa chính	01	01	25	TINCHI	TT.QL1	Phạm Hồng Sơn
209113	Thành lập bản đồ địa chính	01	02	25	TINCHI	TT.QL9	Phạm Hồng Sơn
208523	Quy hoạch PTNT	01		75	DH14PT	RD204	Lê Quang Thông
208523	Quy hoạch PTNT	01	01	25	DH14PT	TT.KT3	Lê Quang Thông
208523	Quy hoạch PTNT	01	02	25	DH14PT	TT.KT3	Lê Quang Thông
208523	Quy hoạch PTNT	01	03	25	DH14PT	TT.KT3	Lê Quang Thông
205101	Bảo vệ môi trường	04		80	DH15KT	RD104	Nguyễn Văn Thêm
205101	Bảo vệ môi trường	02		60	DH15CB	RD201	Nguyễn Văn Thêm
205101	Bảo vệ môi trường	03		80	DH15PT	RD104	Nguyễn Văn Thêm
205101	Bảo vệ môi trường	06		60	DH15GB, DH15KM	PV223	Nguyễn Văn Thêm
205101	Bảo vệ môi trường	01		80	DH15KN	PV223	Nguyễn Văn Thêm
217225	Công nghệ màng lọc ứng dụng	01		50	DH14HD, DH14HS, DH14HT	RD402	Mai Huỳnh Cang
217225	Công nghệ màng lọc ứng dụng	01	01	25	DH14HD, DH14HS, DH14HT	I7	Mai Huỳnh Cang
217225	Công nghệ màng lọc ứng dụng	01	02	25	DH14HD, DH14HS, DH14HT	I7	Mai Huỳnh Cang
202121	Xác suất thống kê	22		80	DH16KE	TV202	Bùi Đại Nghĩa
202121	Xác suất thống kê	03		95	DH15CB	HD301	Đặng Thành Danh
202121	Xác suất thống kê	18		120	DH16QT	CT202	Hà Thị Thảo Trâm

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
202121	Xác suất thống kê	21		100	DH16KT	TV201	Bùi Đại Nghĩa
202121	Xác suất thống kê	06		95	DH15GI	RD104	Đặng Thành Danh
202121	Xác suất thống kê	19		110	DH16QT	TV102	Bùi Đại Nghĩa
202121	Xác suất thống kê	04		95	DH16KS	RD103	Đặng Thành Danh
202121	Xác suất thống kê	05		95	DH15OT	CT202	Đặng Thành Danh
202121	Xác suất thống kê	17		120	DH15GB, DH15GN	CT202	Hà Thị Thảo Trâm
202121	Xác suất thống kê	10		95	DH15TD	HD301	Đặng Thành Danh
202121	Xác suất thống kê	13		120	DH15CK	CT202	Hà Thị Thảo Trâm
202121	Xác suất thống kê	20		100	DH16KT	TV201	Bùi Đại Nghĩa
202121	Xác suất thống kê	11		120	DH15CC, DH15NL	CT202	Hà Thị Thảo Trâm
202121	Xác suất thống kê	15		120	DH16KM, DH16KN, DH16PT	CT202	Hà Thị Thảo Trâm
202121	Xác suất thống kê	01		95	DH15CD	RD104	Đặng Thành Danh
202121	Xác suất thống kê	23		80	DH16KE	TV201	Bùi Đại Nghĩa
211126	Anh văn chuyên ngành CNSH	01		75	DH14SHB	RD504	Lê Hồng Thủy Tiên
211126	Anh văn chuyên ngành CNSH	02		75	DH14SHA	RD305	Lê Hồng Thủy Tiên
207623	Mạch điện	01		65	DH14CD	RD501	Nguyễn Đăng Khoa
204534	Nông học đại cương	02		80	DH15PT	RD105	Huỳnh Thanh Hùng
204534	Nông học đại cương	01		80	DH16BQ	RD106	Trần Văn Lột
204534	Nông học đại cương	03		80	DH16DD	RD204	Nguyễn Đức Xuân Chương
206507	CN chế biến lạnh thủy sản	01		80	DH14CT	RD104	Lê Thị Ngọc Hân
207532	ĐA lập trình điều khiển MT	01		65	DH14TD	HD201	Lê Văn Bạ
204424	Thực tập cơ sở 1	01		80	DH16NHA	TT.NH2	Nguyễn Văn Phú
204424	Thực tập cơ sở 1	02		80	DH16NHB	TT.NH1	Nguyễn Văn Phú
205532	Văn hóa đại cương	01		65	DH15CB	RD201	Đặng Minh Hải
205532	Văn hóa đại cương	02		65	DH15GB, DH15GN	RD202	Đặng Minh Hải
213120	Theory of Translation	02		40	DH15AV	NN206	Bùi Quốc Chính
213120	Theory of Translation	03		40	DH15AV	NN205	Bùi Quốc Chính
213120	Theory of Translation	04		40	DH15AV	NN205	Bùi Quốc Chính
213120	Theory of Translation	01		40	DH15AV	NN206	Bùi Quốc Chính
213128	Technology in Teaching English	03		30	DH14AV	NN208	Huỳnh Trung Chánh
213128	Technology in Teaching English	01		30	DH14AV	NN210	Huỳnh Trung Chánh
213128	Technology in Teaching English	02		30	DH14AV	NN207	Huỳnh Trung Chánh
218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	02		100	DH15ES	TV102	Nguyễn Kim Lợi
218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	01		100	DH14QM	TV302	Nguyễn Kim Lợi
218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	02	04	25	DH15ES	TT.MT6	Nguyễn Kim Lợi
218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	02	02	25	DH15ES	TT.MT1	Nguyễn Kim Lợi
218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	02	03	25	DH15ES	TT.MT1	Nguyễn Kim Lợi
218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	02	01	25	DH15ES	TT.MT1	Nguyễn Kim Lợi

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	01	01	25	DH14QM	TT.MT5	Nguyễn Kim Lợi
218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	01	04	25	DH14QM	TT.MT5	Nguyễn Kim Lợi
218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	01	02	25	DH14QM	TT.MT4	Nguyễn Kim Lợi
218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	01	03	25	DH14QM	TT.MT4	Nguyễn Kim Lợi
213112	Writing 1	01		35	DH16AV	NN207	Lê Thị Ngân Vang
213112	Writing 1	03		35	DH16AV	NN212	Nguyễn Liên Hương
213112	Writing 1	02		35	DH16AV	NN212	Nguyễn Liên Hương
202304	Thí nghiệm Hóa ĐC	10		25	DH16SP	I1	Nguyễn Văn Hiền
202304	Thí nghiệm Hóa ĐC	04		25	DH16ES	I1	Phạm Thị Bích Vân
202304	Thí nghiệm Hóa ĐC	12		25	DH16SP	I1.1	Lâm Ngọc ánh
202304	Thí nghiệm Hóa ĐC	13		25	DH16SP	I1	Lâm Ngọc ánh
202304	Thí nghiệm Hóa ĐC	05		25	DH16ES	I1.1	Phạm Thị Bích Vân
202304	Thí nghiệm Hóa ĐC	07		25	DH16QM	I1.1	Phạm Thị Bích Vân
202304	Thí nghiệm Hóa ĐC	06		25	DH16QM	I1	Phạm Thị Bích Vân
202304	Thí nghiệm Hóa ĐC	11		25	DH16SP	I1	Nguyễn Văn Hiền
202304	Thí nghiệm Hóa ĐC	09		25	DH16QM	I1.1	Nguyễn Văn Hiền
202304	Thí nghiệm Hóa ĐC	08		25	DH16QM	I1.1	Nguyễn Văn Hiền
216212	Kỹ thuật Bonsai và cây cảnh	01		75	DH14CH	RD304	Cao Thị Ngọc Cường
216212	Kỹ thuật Bonsai và cây cảnh	01	01	25	DH14CH	VU'TN	Cao Thị Ngọc Cường
216212	Kỹ thuật Bonsai và cây cảnh	01	03	25	DH14CH	VU'TN	Cao Thị Ngọc Cường
216212	Kỹ thuật Bonsai và cây cảnh	01	02	25	DH14CH	VU'TN	Cao Thị Ngọc Cường
208403	Phương pháp NCKH Quản trị	01		80	DH14QT	RD204	Lê Quang Thông
207720	Thiết bị tiên nghi trên Ôtô	01		80	DH14OT	RD106	Thị Hồng Xuân
208336	Nguyên lý kế toán	01		110	DH16KE	TV102	Đàm Thị Hải Âu
208336	Nguyên lý kế toán	02		80	DH15KM	PV400B	Trần Minh Dạ Hạnh
210330	Công nghệ chế biến sữa	01		100	DH13HH	CT201	Lê Trung Thiên
210330	Công nghệ chế biến sữa	01	03	25	DH13HH	BQ05	Lê Trung Thiên
210330	Công nghệ chế biến sữa	01	01	25	DH13HH	BQ05	Lê Trung Thiên
210330	Công nghệ chế biến sữa	01	04	25	DH13HH	BQ05	Lê Trung Thiên
210330	Công nghệ chế biến sữa	01	02	25	DH13HH	BQ05	Lê Trung Thiên
209227	Luật nhà ở	04		80	DH15QLB	RD304	Dương Thị Tuyết Hà
209227	Luật nhà ở	03		80	DH15QD	PV400B	Dương Thị Tuyết Hà
209227	Luật nhà ở	01		80	DH15DC, DH15TB	PV333	Dương Thị Tuyết Hà
209227	Luật nhà ở	02		80	DH15QLA	RD106	Dương Thị Tuyết Hà
203500	Thống kê trong CNTY	05		100	DH16TY	PV400B	Trần Văn Chính
203500	Thống kê trong CNTY	01		100	DH16TA	HD301	Trần Văn Chính
203500	Thống kê trong CNTY	06		100	DH16TY	HD301	Trần Văn Chính
203500	Thống kê trong CNTY	04		100	DH16CN	PV323	Trần Văn Chính

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:				https://goo.gl/L4sVOM			
203500	Thống kê trong CNTY	03		100	DH16DY	PV400B	Trần Văn Chính
213123	Interpretation E-V	03		40	DH14AV	NN205	Bùi Quốc Chính
213123	Interpretation E-V	02		40	DH14AV	NN205	Nguyễn Viết Lâm
213123	Interpretation E-V	01		40	DH14AV	NN205	Nguyễn Viết Lâm
211505	Kỹ thuật PCR nâng cao	01		25	DH14SM	A204	Huỳnh Văn Biết
211505	Kỹ thuật PCR nâng cao	02		25	DH14SM	A204	Huỳnh Văn Biết
208326	Thẩm định giá	03		80	DH14QT	RD204	Trần Khánh Linh
208326	Thẩm định giá	02		80	DH14TC	RD503	Trần Khánh Linh
208326	Thẩm định giá	01		80	DH14TM	RD203	Trần Khánh Linh
203720	Khoa học thú thí nghiệm	02		95	DH13TY	PV335	Chế Minh Tùng
203720	Khoa học thú thí nghiệm	01		95	DH13DY	PV335	Chế Minh Tùng
213135	Phương pháp NC Khoa học	01		40	DH14AV	NN205	Lưu Đình Phúc
213135	Phương pháp NC Khoa học	03		40	DH14AV	NN205	Lưu Đình Phúc
213135	Phương pháp NC Khoa học	02		40	DH14AV	NN205	Lưu Đình Phúc
216903	Thực tập giáo trình 2	01		100	DH14CH	TT.MT4	Nguyễn Thiện Thanh
207125	ƯD tin học trong thiết kế máy	01		60	DH14NL	RD202	Phạm Quang Thắng
207125	ƯD tin học trong thiết kế máy	01	01	20	DH14NL	TH.P01	Phạm Quang Thắng
207125	ƯD tin học trong thiết kế máy	01	03	20	DH14NL	TH.P02	Phạm Quang Thắng
207125	ƯD tin học trong thiết kế máy	01	02	20	DH14NL	TH.P02	Phạm Quang Thắng
213813	Pháp văn 3	04		30	DH16DY	F2	Huỳnh Thanh Nhã
213813	Pháp văn 3	06		30	DH16TY	F2	Nguyễn Thị Tuyết Trinh
213813	Pháp văn 3	05		30	DH16TY	F2	Nguyễn Thị Anh Thư
213813	Pháp văn 3	03		30	DH16DY	F2	Nguyễn Thị Tuyết Trinh
209311	Lập luận chứng KT-KT	05		75	DH14QD	RD404	Trần Duy Hùng
209311	Lập luận chứng KT-KT	03		100	DH14QLA	CT102	Trần Duy Hùng
209311	Lập luận chứng KT-KT	01		75	DH14DC, DH14TB	RD404	Trần Duy Hùng
209311	Lập luận chứng KT-KT	02		100	DH14QLB	PV325	Trần Duy Hùng
209311	Lập luận chứng KT-KT	05	02	25	DH14QD	TT.QL9	Trần Duy Hùng
209311	Lập luận chứng KT-KT	05	01	25	DH14QD	TT.QL5	Trần Duy Hùng
209311	Lập luận chứng KT-KT	05	03	25	DH14QD	TT.QL5	Trần Duy Hùng
209311	Lập luận chứng KT-KT	03	03	25	DH14QLA	TT.QL2	Trần Duy Hùng
209311	Lập luận chứng KT-KT	03	02	25	DH14QLA	TT.QL2	Trần Duy Hùng
209311	Lập luận chứng KT-KT	03	01	25	DH14QLA	TT.QL1	Trần Duy Hùng
209311	Lập luận chứng KT-KT	03	04	25	DH14QLA	TT.QL3	Trần Duy Hùng
209311	Lập luận chứng KT-KT	02	01	25	DH14QLB	TT.QL2	Trần Duy Hùng
209311	Lập luận chứng KT-KT	02	04	25	DH14QLB	TT.QL1	Trần Duy Hùng
209311	Lập luận chứng KT-KT	02	02	25	DH14QLB	TT.QL1	Trần Duy Hùng
209311	Lập luận chứng KT-KT	02	03	25	DH14QLB	TT.QL1	Trần Duy Hùng

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
209311	Lập luận chứng KT-KT	01	03	25	DH14DC, DH14TB	TT.QL1	Trần Duy Hùng
209311	Lập luận chứng KT-KT	01	02	25	DH14DC, DH14TB	TT.QL1	Trần Duy Hùng
209311	Lập luận chứng KT-KT	01	01	25	DH14DC, DH14TB	TT.QL1	Trần Duy Hùng
208122	Kinh tế vi mô 2	02		80	DH15KT	PV325	Đặng Lê Hoa
208122	Kinh tế vi mô 2	01		80	DH15KT	RD105	Đặng Lê Hoa
214251	Hệ điều hành nâng cao	01		50	DH15DTC	RD401	Phạm Công Thiện
214251	Hệ điều hành nâng cao	03		90	DH15DTB	PV337	Trần Huy Cường
214251	Hệ điều hành nâng cao	02		90	DH15DTA	RD104	Phan Vĩnh Thuận
214251	Hệ điều hành nâng cao	03	02	45	DH15DTB	P1	Trần Huy Cường
214251	Hệ điều hành nâng cao	03	01	45	DH15DTB	P1	Trần Huy Cường
214251	Hệ điều hành nâng cao	01	01	50	DH15DTC	R406	Phạm Công Thiện
214251	Hệ điều hành nâng cao	02	02	45	DH15DTA	R406	Phan Vĩnh Thuận
214251	Hệ điều hành nâng cao	02	01	45	DH15DTA	R406	Phan Vĩnh Thuận
208435	Đàm phán thương lượng	01		65	DH15KS	RD402	Vũ Thanh Liêm
208152	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	02		80	DH15KM	TV103	Lê Văn Lạng
208152	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	03		65	DH14PT	PV319	Võ Ngân Thơ
208152	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	01		80	DH15PT	HD204	Lê Văn Lạng
207100	Chi tiết máy	05		75	DH15CC	RD504	Phạm Quang Thắng
207100	Chi tiết máy	03		75	DH15OT	CT201	Nguyễn Đức Khuyến
207100	Chi tiết máy	04		75	DH15NL	PV337	Nguyễn Đức Khuyến
207100	Chi tiết máy	01		75	DH15CD	RD102	Nguyễn Đức Khuyến
207100	Chi tiết máy	06		75	DH15CK	RD502	Phạm Quang Thắng
208154	Kinh tế lâm nghiệp	01		65	DH14KT	PV227	Lê Vũ
215902	Thực tập sư phạm 2	10		10	DH13SP	TT.SP1	Bộ Môn Phụ Trách Bm Sp
215902	Thực tập sư phạm 2	03		10	DH13SP	TT.SP1	Bộ Môn Phụ Trách Bm Sp
215902	Thực tập sư phạm 2	02		10	DH13SP	TT.SP1	Bộ Môn Phụ Trách Bm Sp
215902	Thực tập sư phạm 2	04		10	DH13SP	TT.SP1	Bộ Môn Phụ Trách Bm Sp
215902	Thực tập sư phạm 2	06		10	DH13SP	TT.SP1	Bộ Môn Phụ Trách Bm Sp
215902	Thực tập sư phạm 2	08		10	DH13SP	TT.SP1	Bộ Môn Phụ Trách Bm Sp
215902	Thực tập sư phạm 2	09		10	DH13SP	TT.SP1	Bộ Môn Phụ Trách Bm Sp
215902	Thực tập sư phạm 2	01		10	DH13SP	TT.SP1	Bộ Môn Phụ Trách Bm Sp
215902	Thực tập sư phạm 2	07		10	DH13SP	TT.SP1	Bộ Môn Phụ Trách Bm Sp
215902	Thực tập sư phạm 2	05		10	DH13SP	TT.SP1	Bộ Môn Phụ Trách Bm Sp
214385	ĐACN Công nghệ phần mềm	02		60	DH13DT	RD102	Lê Phi Hùng
214385	ĐACN Công nghệ phần mềm	01		60	DH13DT	HD201	Phạm Văn Tính
209228	Luật xây dựng	01		90	DH14DC, DH14TB	PV333	Dương Thị Tuyết Hà
209228	Luật xây dựng	02		90	DH14QLB	PV225	Dương Thị Tuyết Hà
209228	Luật xây dựng	05		90	DH14QD	RD104	Dương Thị Tuyết Hà

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
209228	Luật xây dựng	03		90	DH14QLA	PV225	Dương Thị Tuyết Hà
205547	Công nghệ mộc	01		60	DH14GN	RD202	Hoàng Thị Thanh Hương
205547	Công nghệ mộc	01	01	20	DH14GN	LN04	Hoàng Thị Thanh Hương
205547	Công nghệ mộc	01	02	20	DH14GN	LN04	Hoàng Thị Thanh Hương
205547	Công nghệ mộc	01	03	20	DH14GN	LN04	Hoàng Thị Thanh Hương
202403	Đa dạng sinh học	03		80	DH14ES	RD105	Nguyễn Thị Mai
202403	Đa dạng sinh học	04		80	DH14ES	RD105	Nguyễn Thị Mai
202403	Đa dạng sinh học	02		80	DH14NY	RD204	Nguyễn Thị Mai
205557	Thiết kế xưởng CBG	01		75	DH14CB	RD101	Hoàng Văn Hòa
205557	Thiết kế xưởng CBG	01	03	25	DH14CB	P336	Hoàng Văn Hòa
205557	Thiết kế xưởng CBG	01	02	25	DH14CB	P336	Hoàng Văn Hòa
205557	Thiết kế xưởng CBG	01	01	25	DH14CB	P336	Hoàng Văn Hòa
212326	Kỹ thuật công trình	02		80	DH14MT	RD404	Nguyễn Văn Hiến
212326	Kỹ thuật công trình	01		80	DH14QM	RD305	Nguyễn Văn Hiến
202602	Cơ sở văn hóa Việt Nam	01		160	DH15AV	RD100	Võ Thị Hồng
203503	Dịch tễ học	01		80	DH13DY	RD402	Lê Thanh Hiền
202417	Động vật học và phân loại ĐV	02		80	DH16CH	RD203	Nguyễn Hữu Trí
202417	Động vật học và phân loại ĐV	01		80	DH16TK	RD105	Nguyễn Hữu Trí
212340	Suy thoái và bảo vệ đất	01		125	DH14DL	HD303	Ngô Thị Minh Thê
212340	Suy thoái và bảo vệ đất	01	01	25	DH14DL, DH14QM	KMT.1	Ngô Thị Minh Thê
212340	Suy thoái và bảo vệ đất	01	03	25	DH14DL, DH14QM	KMT.2	Trần Thị Yên Phương
212340	Suy thoái và bảo vệ đất	01	04	25	DH14DL, DH14QM	KMT.2	Trần Thị Yên Phương
212340	Suy thoái và bảo vệ đất	01	05	25	DH14DL, DH14QM	KMT.2	Trần Thị Yên Phương
212340	Suy thoái và bảo vệ đất	01	02	25	DH14DL, DH14QM	KMT.1	Ngô Thị Minh Thê
206516	Phụ gia thực phẩm Thủy sản	01		80	DH13CT	RD303	Nguyễn Thùy Linh
205731	Công nghệ sản xuất giấy	01		50	DH14GB, DH15GB	RD302	Nguyễn Duy Linh
212104	Sinh thái học môi trường	03		80	DH15MT	HD303	Nguyễn Thị Hà Vy
212104	Sinh thái học môi trường	04		80	DH16SM	RD404	Nguyễn Thị Hà Vy
212104	Sinh thái học môi trường	01		80	DH15QM	PV335	Nguyễn Thị Hà Vy
212104	Sinh thái học môi trường	02		80	DH16SH	RD204	Nguyễn Thị Hà Vy
212104	Sinh thái học môi trường	05		80	DH16KM	RD204	Nguyễn Thị Hà Vy
206509	CN Chế biến đồ hộp thủy sản	01		75	DH14CT	HD305	Nguyễn Thùy Linh
213411	Tiếng Việt thực hành	01		80	DH15AV	NN207	Nguyễn Khắc Hóa
213411	Tiếng Việt thực hành	02		80	DH15AV	NN207	Nguyễn Khắc Hóa
204737	Côn trùng và động vật hại NN	01		100	DH14BV	PV225	Lê Cao Lượng
204737	Côn trùng và động vật hại NN	01	02	25	DH14BV	P215	Lê Cao Lượng
204737	Côn trùng và động vật hại NN	01	01	25	DH14BV	P215	Lê Cao Lượng
204737	Côn trùng và động vật hại NN	01	04	25	DH14BV	P215	Lê Cao Lượng

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
204737	Côn trùng và động vật hại NN	01	03	25	DH14BV	P215	Lê Cao Lượng
212612	Tiếp thị du lịch	01		65	DH14DL	PV315	Võ Thị Bích Thùy
207217	Máy nâng chuyển	02		75	DH14TD	HD201	Nguyễn Hải Đăng
207217	Máy nâng chuyển	01		80	DH14CC, DH14NL	RD503	Nguyễn Hải Đăng
208356	Lý thuyết kiểm toán	01		120	DH14KE	PV400B	Nguyễn ý Nguyên Hân
205107	Lâm luật và CSLN	01		60	DH14LN, DH14NK	RD302	La Vĩnh Hải Hà
217902	Đồ án CNHH	01		50	DH14HD	PV319	Trương Vĩnh
217902	Đồ án CNHH	02		50	DH14HT	RD501	Trương Vĩnh
217902	Đồ án CNHH	03		50	DH14HS	RD401	Trương Vĩnh
217902	Đồ án CNHH	01	01	50	DH14HD	I7	Bộ Môn Cnhh Bmcnhh
217902	Đồ án CNHH	02	01	50	DH14HT	I4	Bộ Môn Cnhh Bmcnhh
217902	Đồ án CNHH	03	01	50	DH14HS	I4	Bộ Môn Cnhh Bmcnhh
205133	Kỹ thuật nhân giống cây rừng M	01		65	DH14LN	RD102	Bùi Việt Hải
208325	Đối chiếu kế toán quốc tế	01		80	DH14KE	RD303	Trần Khánh Linh
208102	Địa lý kinh tế	01		65	DH14GI	RD401	Lê Vũ
208337	Thuế	01		80	DH15TM	RD204	Khúc Đình Nam
208337	Thuế	02		80	DH15QT	RD404	Khúc Đình Nam
205916	Nguyên vật liệu và sản phẩm gỗ	01		60	DH13CB	RD201	Hoàng Thị Thanh Hương
212910	Thực tập giáo trình 1-MT	03		80	DH15ES	TT.MT6	Nguyễn Thị Hà Vy
212910	Thực tập giáo trình 1-MT	02		80	DH15QM	TT.MT6	Lê Thị Thủy
212910	Thực tập giáo trình 1-MT	01		80	DH15DL	TT.MT5	Lê Trương Ngọc Hân
208213	Thống kê doanh nghiệp	01		75	DH15KN	TV303	Tiêu Nguyên Thảo
208213	Thống kê doanh nghiệp	01	02	25	DH15KN	CT101	Tiêu Nguyên Thảo
208213	Thống kê doanh nghiệp	01	01	25	DH15KN	TV303	Tiêu Nguyên Thảo
208213	Thống kê doanh nghiệp	01	03	25	DH15KN	HD205	Tiêu Nguyên Thảo
216117	Phương pháp xây dựng đồ án	01		75	DH15TK	PV400A	Cao Thị Ngọc Cường
216117	Phương pháp xây dựng đồ án	01	01	25	DH15TK	P105	Cao Thị Ngọc Cường
216117	Phương pháp xây dựng đồ án	01	02	25	DH15TK	P105	Cao Thị Ngọc Cường
216117	Phương pháp xây dựng đồ án	01	03	25	DH15TK	P105	Cao Thị Ngọc Cường
205218	Bảo tồn đa dạng sinh học	01		60	DH14NK	RD102	Viên Ngọc Nam
205218	Bảo tồn đa dạng sinh học	02		60	DH14LN	RD301	Viên Ngọc Nam
205218	Bảo tồn đa dạng sinh học	02	02	20	DH14LN	TT.LN3	Viên Ngọc Nam
205218	Bảo tồn đa dạng sinh học	02	03	20	DH14LN	TT.LN3	Viên Ngọc Nam
205218	Bảo tồn đa dạng sinh học	02	01	20	DH14LN	TT.LN3	Viên Ngọc Nam
205218	Bảo tồn đa dạng sinh học	01	01	20	DH14NK	TT.LN2	Viên Ngọc Nam
205218	Bảo tồn đa dạng sinh học	01	03	20	DH14NK	TT.LN2	Viên Ngọc Nam
205218	Bảo tồn đa dạng sinh học	01	02	20	DH14NK	TT.LN2	Viên Ngọc Nam
216309	Đồ họa ứng dụng	02		75	DH15TK	PV337	Dương Thị Mỹ Tiên

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
216309	Đồ họa ứng dụng	01		75	DH15CH	TV302	Dương Thị Mỹ Tiên
216309	Đồ họa ứng dụng	01	03	25	DH15CH	TT.MT8	Dương Thị Mỹ Tiên
216309	Đồ họa ứng dụng	01	01	25	DH15CH	TT.MT8	Dương Thị Mỹ Tiên
216309	Đồ họa ứng dụng	01	02	25	DH15CH	TT.MT8	Dương Thị Mỹ Tiên
216309	Đồ họa ứng dụng	02	01	25	DH15TK	R405	Dương Thị Mỹ Tiên
216309	Đồ họa ứng dụng	02	03	25	DH15TK	TT.MT7	Dương Thị Mỹ Tiên
216309	Đồ họa ứng dụng	02	02	25	DH15TK	TT.MT7	Dương Thị Mỹ Tiên
217212	Thực hành quá trình thiết bị	07		25	DH14HS	I7	Bùi Hữu Tài
217212	Thực hành quá trình thiết bị	09		25	DH14HT	I7	Bùi Hữu Tài
217212	Thực hành quá trình thiết bị	05		25	DH14HD	I7	Bùi Hữu Tài
217212	Thực hành quá trình thiết bị	04		25	DH14HD	I4	Bùi Hữu Tài
217212	Thực hành quá trình thiết bị	08		25	DH14HT	I7	Bùi Hữu Tài
217212	Thực hành quá trình thiết bị	06		25	DH14HS	I7	Bùi Hữu Tài
208607	Kinh tế QL thủy hải sản	01		65	DH14KM	PV219	Phạm Thị ánh Ngọc
216304	Nhập môn kiến trúc cảnh quan	01		90	DH15CH	RD305	Tôn Nữ Gia ái
216304	Nhập môn kiến trúc cảnh quan	02		90	DH15TK	PV335	Tôn Nữ Gia ái
206402	Khai thác thủy sản đại cương	02		65	DH14CT	RD302	Vũ Cẩm Lương
206402	Khai thác thủy sản đại cương	03		65	DH14NY	RD302	Vũ Cẩm Lương
206402	Khai thác thủy sản đại cương	01		65	DH14NT	RD301	Vũ Cẩm Lương
211107	Công nghệ SH đại cương	01		80	DH16SH	RD503	Nguyễn Vũ Phong
211107	Công nghệ SH đại cương	02		80	DH16SM	RD503	Nguyễn Vũ Phong
211107	Công nghệ SH đại cương	03		80	DH15SP	RD504	Nguyễn Vũ Phong
207713	Lý thuyết động cơ ĐT	01		65	DH14OT	RD302	Nguyễn Văn Xuân
207713	Lý thuyết động cơ ĐT	02		65	DH14OT	RD302	Nguyễn Văn Xuân
208211	Kinh tế lượng căn bản	04		100	DH15PT	CT202	Hồ Thanh Tâm
208211	Kinh tế lượng căn bản	03		75	DH15QM	RD304	Trần Anh Kiệt
208211	Kinh tế lượng căn bản	01		75	DH15TM	PV325	Trần Anh Kiệt
208211	Kinh tế lượng căn bản	02		100	DH15KN	TV303	Phạm Thị Thuỳên
208211	Kinh tế lượng căn bản	07		75	DH15TC	PV319	Tôn Thất Đào
208211	Kinh tế lượng căn bản	05		100	DH15KT	RD104	Hồ Thanh Tâm
208211	Kinh tế lượng căn bản	06		75	DH15QT	CT201	Phạm Thị Thuỳên
208211	Kinh tế lượng căn bản	08		100	DH15KM	TV301	Tôn Thất Đào
208211	Kinh tế lượng căn bản	04	03	25	DH15PT	TT.KT4	Hồ Thanh Tâm
208211	Kinh tế lượng căn bản	04	02	25	DH15PT	TT.KT3	Hồ Thanh Tâm
208211	Kinh tế lượng căn bản	04	04	25	DH15PT	TT.KT5	Hồ Thanh Tâm
208211	Kinh tế lượng căn bản	04	01	25	DH15PT	TT.KT5	Hồ Thanh Tâm
208211	Kinh tế lượng căn bản	05	03	25	DH15KT	TT.KT4	Hồ Thanh Tâm
208211	Kinh tế lượng căn bản	05	02	25	DH15KT	TT.KT3	Hồ Thanh Tâm

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
208211	Kinh tế lượng căn bản	05	01	25	DH15KT	TT.KT3	Hồ Thanh Tâm
208211	Kinh tế lượng căn bản	05	04	25	DH15KT	TT.KT3	Hồ Thanh Tâm
208211	Kinh tế lượng căn bản	06	01	25	DH15QT	I6	Hồ Thanh Tâm
208211	Kinh tế lượng căn bản	06	02	25	DH15QT	I6	Hồ Thanh Tâm
208211	Kinh tế lượng căn bản	06	03	25	DH15QT	I6	Hồ Thanh Tâm
208211	Kinh tế lượng căn bản	07	02	25	DH15TC	I6	Tôn Thất Đào
208211	Kinh tế lượng căn bản	07	03	25	DH15TC	I6	Tôn Thất Đào
208211	Kinh tế lượng căn bản	07	01	25	DH15TC	I6	Tôn Thất Đào
208211	Kinh tế lượng căn bản	02	02	25	DH15KN	TT.KT5	Hồ Thanh Tâm
208211	Kinh tế lượng căn bản	02	04	25	DH15KN	TT.KT4	Hồ Thanh Tâm
208211	Kinh tế lượng căn bản	02	03	25	DH15KN	TT.KT1	Hồ Thanh Tâm
208211	Kinh tế lượng căn bản	02	01	25	DH15KN	TT.KT1	Hồ Thanh Tâm
208211	Kinh tế lượng căn bản	01	03	25	DH15TM	I6	Trần Anh Kiệt
208211	Kinh tế lượng căn bản	01	02	25	DH15TM	I6	Trần Anh Kiệt
208211	Kinh tế lượng căn bản	01	01	25	DH15TM	I6	Trần Anh Kiệt
208211	Kinh tế lượng căn bản	03	03	25	DH15QM	TT.KT5	Trần Anh Kiệt
208211	Kinh tế lượng căn bản	03	02	25	DH15QM	TT.KT5	Trần Anh Kiệt
208211	Kinh tế lượng căn bản	03	01	25	DH15QM	TT.KT2	Trần Anh Kiệt
208211	Kinh tế lượng căn bản	08	02	25	DH15KM	TT.KT1	Tôn Thất Đào
208211	Kinh tế lượng căn bản	08	04	25	DH15KM	TT.KT1	Tôn Thất Đào
208211	Kinh tế lượng căn bản	08	01	25	DH15KM	TT.KT1	Tôn Thất Đào
208211	Kinh tế lượng căn bản	08	03	25	DH15KM	TT.KT1	Tôn Thất Đào
214352	Thiết kế hướng đối tượng	02		80	DH15DTA	RD105	Trần Thị Thanh Nga
214352	Thiết kế hướng đối tượng	03		80	DH15DTB	HD203	Lê Phi Hùng
214352	Thiết kế hướng đối tượng	01		80	DH15DTC	HD203	Lê Phi Hùng
214352	Thiết kế hướng đối tượng	01	01	40	DH15DTC	P2	Lê Phi Hùng
214352	Thiết kế hướng đối tượng	01	02	40	DH15DTC	P2	Lê Phi Hùng
214352	Thiết kế hướng đối tượng	03	01	40	DH15DTB	P2	Lê Phi Hùng
214352	Thiết kế hướng đối tượng	03	02	40	DH15DTB	P3	Võ Tấn Toàn
214352	Thiết kế hướng đối tượng	02	01	40	DH15DTA	R406	Trần Thị Thanh Nga
214352	Thiết kế hướng đối tượng	02	02	40	DH15DTA	R406	Trần Thị Thanh Nga
217109	Hóa lý 2	02		75	DH15HH	RD502	Đào Ngọc Duy
217109	Hóa lý 2	01		100	DH15HH	PV323	Đào Ngọc Duy
217109	Hóa lý 2	02	01	25	DH15HH	I7	Đào Ngọc Duy
217109	Hóa lý 2	02	02	25	DH15HH	TT.HH1	Đào Ngọc Duy
217109	Hóa lý 2	02	03	25	DH15HH	TT.HH1	Đào Ngọc Duy
217109	Hóa lý 2	01	03	25	DH15HH	I7	Đào Ngọc Duy
217109	Hóa lý 2	01	01	25	DH15HH	I4	Đào Ngọc Duy

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
217109	Hóa lý 2	01	04	25	DH15HH	I7	Đào Ngọc Duy
217109	Hóa lý 2	01	02	25	DH15HH	TT.HH1	Đào Ngọc Duy
208372	Kế toán ngân hàng	02		65	DH15KE	RD101	Lê Văn Hoa
208372	Kế toán ngân hàng	01		65	DH15KE	RD501	Trần Minh Dạ Hạnh
200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	23		120	DH15KM, DH15PT	CT102	Dương Thị Kiều Linh
200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	20		120	DH15TC, DH15TM	TV102	Dương Thị Kiều Linh
200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	22		120	DH16QM	CT102	Dương Thị Kiều Linh
200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	21		120	DH15BQ	CT102	Dương Thị Kiều Linh
200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	18		140	DH15QT	RD100	Võ Thị Hồng
200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	09		140	DH16SH, DH16SM	RD100	Võ Thị Hồng
200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	01		140	DH16ES	RD100	Võ Thị Hồng
200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	15		140	DH14CT, DH14NT	RD100	Võ Thị Hồng
200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	19		120	DH14TA	RD100	Võ Thị Hồng
200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	17		140	DH14BV	RD100	Võ Thị Hồng
200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	16		120	DH16TD	RD100	Võ Thị Hồng
200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	12		120	DH15NHB	RD100	Võ Thị Hồng
200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	03		140	DH14CN	RD100	Võ Thị Hồng
200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	14		140	DH15SP	RD100	Võ Thị Hồng
200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	13		120	DH15VT	RD100	Võ Thị Hồng
200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	07		120	DH15NHA	RD100	Võ Thị Hồng
200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	04		120	DH15CH	RD100	Võ Thị Hồng
200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	05		120	DH15TK	RD100	Võ Thị Hồng
203108	Công nghệ SH ứng dụng trong TY	01		80	DH14DY	RD504	Đường Chi Mai
212526	ISO 14000	02		80	DH14QM	RD403	Lê Thị Thủy
212526	ISO 14000	01		80	DH14QM	HD205	Lê Thị Thủy
214370	Nhập môn CN phần mềm	02		120	DH14DTA	CT101	Nguyễn Thị Thanh Thủy
214370	Nhập môn CN phần mềm	01		120	DH14DTB	CT101	Nguyễn Thị Thanh Thủy
214370	Nhập môn CN phần mềm	02	01	40	DH14DTA	P2	Nguyễn Thị Thanh Thủy
214370	Nhập môn CN phần mềm	02	02	40	DH14DTA	P1	Võ Tấn Toàn
214370	Nhập môn CN phần mềm	02	03	40	DH14DTA	P1	Võ Tấn Toàn
214370	Nhập môn CN phần mềm	01	02	40	DH14DTB	P2	Võ Tấn Toàn
214370	Nhập môn CN phần mềm	01	01	40	DH14DTB	P2	Nguyễn Thị Thanh Thủy
214370	Nhập môn CN phần mềm	01	03	40	DH14DTB	R406	Võ Tấn Toàn
207102	Cơ học kỹ thuật	02		75	DH13CK	HD202	Trương Quang Trường
207102	Cơ học kỹ thuật	03		75	DH13CC	HD202	Trương Quang Trường
207102	Cơ học kỹ thuật	01		75	DH13OT	HD203	Vương Thành Tiên
212519	Quản lý môi trường khu CN_ĐT	01		80	DH14MT	HD305	Nguyễn Linh Vũ
217216	Kỹ thuật xúc tác	01		90	DH14HT	RD103	Nguyễn Đình Thành

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:				https://goo.gl/L4sVOM			
207704	Cấu tạo truyền động Ôtô	01		65	DH14OT	RD201	Phan Minh Hiếu
207704	Cấu tạo truyền động Ôtô	02		65	DH14OT	RD501	Phan Minh Hiếu
209224	Đăng ký đất đai & BĐS	01		50	TINCHI	PV319	Ngô Minh Thụy
209224	Đăng ký đất đai & BĐS	01	02	25	TINCHI	TT.QL2	Ngô Minh Thụy
209224	Đăng ký đất đai & BĐS	01	01	25	TINCHI	TT.QL9	Ngô Minh Thụy
212316	Sản xuất sạch hơn	01		80	DH14DL, DH14MT	RD304	Nguyễn Vinh Quy
204616	Phương pháp thí nghiệm	01		100	DH15BV	PV337	Nguyễn Duy Năng
204616	Phương pháp thí nghiệm	01	04	25	DH15BV	P221	Nguyễn Thị ái Hà
204616	Phương pháp thí nghiệm	01	03	25	DH15BV	P221	Nguyễn Thị ái Hà
204616	Phương pháp thí nghiệm	01	02	25	DH15BV	P221	Nguyễn Duy Năng
204616	Phương pháp thí nghiệm	01	01	25	DH15BV	P221	Nguyễn Duy Năng
210303	Bảo quản sau thu hoạch	02		80	DH14NHB	HD203	Dương Thị Ngọc Diệp
210303	Bảo quản sau thu hoạch	01		80	DH14NHA	HD203	Dương Thị Ngọc Diệp
207412	Đồ án kỹ thuật lạnh	02		20	DH14NL	CNC.1	Nguyễn Thanh Hào
207412	Đồ án kỹ thuật lạnh	01		20	DH14NL	CNC.1	Nguyễn Thanh Hào
206108	Sinh lý động vật thủy sản	05		75	DH15TA	PV319	Lưu Thị Thanh Trúc
206108	Sinh lý động vật thủy sản	02		100	DH15NT	PV333	Nguyễn Văn Tư
206108	Sinh lý động vật thủy sản	03		75	DH15CN	PV333	Nguyễn Văn Tư
206108	Sinh lý động vật thủy sản	01		75	DH15NY	HD202	Lưu Thị Thanh Trúc
206108	Sinh lý động vật thủy sản	04		75	DH15KS	RD404	Lưu Thị Thanh Trúc
206108	Sinh lý động vật thủy sản	03	03	25	DH15CN	P301.1	Nguyễn Thị Bạch Mai
206108	Sinh lý động vật thủy sản	03	01	25	DH15CN	P301	Nguyễn Thị Bạch Mai
206108	Sinh lý động vật thủy sản	03	02	25	DH15CN	P301.1	Nguyễn Thị Bạch Mai
206108	Sinh lý động vật thủy sản	01	03	25	DH15NY	P301.3	Lưu Thị Thanh Trúc
206108	Sinh lý động vật thủy sản	01	02	25	DH15NY	P301.3	Lưu Thị Thanh Trúc
206108	Sinh lý động vật thủy sản	01	01	25	DH15NY	P301.3	Lưu Thị Thanh Trúc
206108	Sinh lý động vật thủy sản	05	01	25	DH15TA	P301.1	Nguyễn Thị Bạch Mai
206108	Sinh lý động vật thủy sản	05	02	25	DH15TA	P301.1	Nguyễn Thị Bạch Mai
206108	Sinh lý động vật thủy sản	05	03	25	DH15TA	P301	Nguyễn Thị Bạch Mai
206108	Sinh lý động vật thủy sản	02	03	25	DH15NT	P301.4	Nguyễn Thị Bạch Mai
206108	Sinh lý động vật thủy sản	02	01	25	DH15NT	P301	Nguyễn Thị Bạch Mai
206108	Sinh lý động vật thủy sản	02	04	25	DH15NT	P301.4	Nguyễn Thị Bạch Mai
206108	Sinh lý động vật thủy sản	02	02	25	DH15NT	P301.4	Nguyễn Thị Bạch Mai
206108	Sinh lý động vật thủy sản	04	02	25	DH15KS	P301.2	Nguyễn Thị Bạch Mai
206108	Sinh lý động vật thủy sản	04	01	25	DH15KS	P301.2	Nguyễn Thị Bạch Mai
206108	Sinh lý động vật thủy sản	04	03	25	DH15KS	P301.2	Nguyễn Thị Bạch Mai
207431	Truyền nhiệt	01		80	DH15NL	RD303	Lê Quang Giảng
205132	Kỹ thuật lâm sinh	01		60	DH14QR, DH15KL	RD102	Nguyễn Thị Minh Hải

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
205132	Kỹ thuật lâm sinh	01	03	20	DH14QR, DH15KL	TT.LN1	Nguyễn Thị Minh Hải
205132	Kỹ thuật lâm sinh	01	01	20	DH14QR, DH15KL	TT.LN1	Nguyễn Thị Minh Hải
205132	Kỹ thuật lâm sinh	01	02	20	DH14QR, DH15KL	TT.LN1	Nguyễn Thị Minh Hải
203404	Dược lý cơ bản	01		100	DH14CN	TV301	Đặng Thị Xuân Thiệp
203404	Dược lý cơ bản	06		100	DH14TYA	PV225	Võ Thị Trà An
203404	Dược lý cơ bản	04		100	DH14DY	PV225	Võ Thị Trà An
203404	Dược lý cơ bản	05		100	DH14TA	PV335	Đặng Thị Xuân Thiệp
203404	Dược lý cơ bản	02		100	DH14TYB	PV400A	Võ Thị Trà An
203404	Dược lý cơ bản	06	02	25	DH14TYA	P205	Đặng Thị Xuân Thiệp
203404	Dược lý cơ bản	06	04	25	DH14TYA	P207	Đặng Thị Xuân Thiệp
203404	Dược lý cơ bản	06	03	25	DH14TYA	P207	Đặng Thị Xuân Thiệp
203404	Dược lý cơ bản	06	01	25	DH14TYA	P205	Đặng Thị Xuân Thiệp
203404	Dược lý cơ bản	01	03	25	DH14CN	P207	Đặng Thị Xuân Thiệp
203404	Dược lý cơ bản	01	04	25	DH14CN	P207	Đặng Thị Xuân Thiệp
203404	Dược lý cơ bản	01	02	25	DH14CN	P205	Đặng Thị Xuân Thiệp
203404	Dược lý cơ bản	01	01	25	DH14CN	P205	Đặng Thị Xuân Thiệp
203404	Dược lý cơ bản	04	03	25	DH14DY	P205	Đặng Thị Xuân Thiệp
203404	Dược lý cơ bản	04	02	25	DH14DY	P207	Đặng Thị Xuân Thiệp
203404	Dược lý cơ bản	04	04	25	DH14DY	P205	Đặng Thị Xuân Thiệp
203404	Dược lý cơ bản	04	01	25	DH14DY	P207	Đặng Thị Xuân Thiệp
203404	Dược lý cơ bản	05	01	25	DH14TA	P205	Đặng Thị Xuân Thiệp
203404	Dược lý cơ bản	05	03	25	DH14TA	P207	Đặng Thị Xuân Thiệp
203404	Dược lý cơ bản	05	02	25	DH14TA	P205	Đặng Thị Xuân Thiệp
203404	Dược lý cơ bản	05	04	25	DH14TA	P207	Đặng Thị Xuân Thiệp
203404	Dược lý cơ bản	02	03	25	DH14TYB	P207	Đặng Thị Xuân Thiệp
203404	Dược lý cơ bản	02	04	25	DH14TYB	P207	Đặng Thị Xuân Thiệp
203404	Dược lý cơ bản	02	02	25	DH14TYB	P207	Đặng Thị Xuân Thiệp
203404	Dược lý cơ bản	02	01	25	DH14TYB	P207	Đặng Thị Xuân Thiệp
208130	Kinh tế công	02		65	DH14PT	PV223	Phạm Thị Hồng Nhung
208130	Kinh tế công	01		65	DH14KT	RD303	Phạm Thị Hồng Nhung
217306	Thực hành công nghệ hóa sinh	01		30	DH13HH, DH15HH	I7	Vũ Thùy Anh
210506	An toàn vệ sinh thực phẩm	01		100	DH14VT	PV325	Nguyễn Anh Trinh
210506	An toàn vệ sinh thực phẩm	03		100	DH14DD	CT202	Nguyễn Anh Trinh
210506	An toàn vệ sinh thực phẩm	02		100	DH14BQ	PV400A	Nguyễn Anh Trinh
213906	Tổng hợp ngôn ngữ học	04		35	DH13AV	NN212	Lê Minh Hà
213906	Tổng hợp ngôn ngữ học	01		35	DH13AV	NN203	Phan Thị Lan Anh
213906	Tổng hợp ngôn ngữ học	03		35	DH13AV	NN203	Phan Thị Lan Anh
213906	Tổng hợp ngôn ngữ học	02		35	DH13AV	NN205	Đào Như Nguyễn

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
207225	Máy chế biến 1	01		80	DH13CC	HD201	Bùi Ngọc Hùng
208145	Phân tích rủi ro trong NN	03		80	DH13KT	PV323	Trần Độc Lập
202404	Thí nghiệm Sinh học thực vật	07		25	DH15TK	TNSD.1	Trần Thị Thanh Hương
202404	Thí nghiệm Sinh học thực vật	04		25	DH15CH	TNSD.1	Trần Thị Ngọc ánh
202404	Thí nghiệm Sinh học thực vật	09		25	DH15TK	TNSD.1	Trần Thị Thanh Hương
202404	Thí nghiệm Sinh học thực vật	06		25	DH15CH	TNST.2	Trần Thị Thanh Hương
202404	Thí nghiệm Sinh học thực vật	03		25	DH15CH	TNST.2	Trần Thị Ngọc ánh
202404	Thí nghiệm Sinh học thực vật	08		25	DH15TK	TNSD.1	Trần Thị Thanh Hương
202404	Thí nghiệm Sinh học thực vật	05		25	DH15CH	TNST.2	Trần Thị Thanh Hương
215340	Xã hội học giáo dục	01		75	DH14SP	PV223	Võ Văn Việt
202621	Xã hội học đại cương	10		120	DH16NHA, DH16NHB	HD303	Nguyễn Đức Thành
202621	Xã hội học đại cương	08		120	DH15SP	TV101	Nguyễn Đức Thành
202621	Xã hội học đại cương	01		120	DH15KN, DH15KT	CT101	Võ Văn Việt
202621	Xã hội học đại cương	05		120	DH16KS, DH16TK	CT101	Võ Văn Việt
202621	Xã hội học đại cương	09		120	DH14CT, DH14NY	PV400A	Nguyễn Đức Thành
202621	Xã hội học đại cương	06		120	DH16BV, DH16CH	CT101	Võ Văn Việt
207126	Thực tập gia công cắt - gọt	14		20	DH15TD	CK02	Nguyễn Văn Kiệp
207126	Thực tập gia công cắt - gọt	09		20	DH14CK	CK02	Nguyễn Văn Kiệp
207126	Thực tập gia công cắt - gọt	04		20	DH14CD	CK02	Phạm Quang Thắng
202605	Kinh tế học đại cương	03		80	DH15GI	HD203	Lê Vũ
202605	Kinh tế học đại cương	04		80	DH15VT	HD203	Lê Vũ
202605	Kinh tế học đại cương	02		80	DH15MT	TV302	Lê Vũ
202605	Kinh tế học đại cương	01		80	DH15DD	TV301	Lê Vũ
209129	Đo đạc địa chính	01		100	DH14QLB	PV333	Phạm Hồng Sơn
209129	Đo đạc địa chính	03		75	DH14DC	PV227	Phạm Hồng Sơn
209129	Đo đạc địa chính	02		100	DH14QLA	PV225	Phạm Hồng Sơn
209129	Đo đạc địa chính	03	03	25	DH14DC	TT.QL2	Phạm Hồng Sơn
209129	Đo đạc địa chính	03	02	25	DH14DC	TT.QL2	Phạm Hồng Sơn
209129	Đo đạc địa chính	03	01	25	DH14DC	TT.QL2	Phạm Hồng Sơn
209129	Đo đạc địa chính	01	01	25	DH14QLB	TT.QL1	Phạm Hồng Sơn
209129	Đo đạc địa chính	01	02	25	DH14QLB	TT.QL1	Phạm Hồng Sơn
209129	Đo đạc địa chính	01	04	25	DH14QLB	TT.QL2	Phạm Hồng Sơn
209129	Đo đạc địa chính	01	03	25	DH14QLB	TT.QL9	Phạm Hồng Sơn
209129	Đo đạc địa chính	02	04	25	DH14QLA	TT.QL1	Phạm Hồng Sơn
209129	Đo đạc địa chính	02	01	25	DH14QLA	TT.QL2	Phạm Hồng Sơn
209129	Đo đạc địa chính	02	02	25	DH14QLA	TT.QL2	Phạm Hồng Sơn
209129	Đo đạc địa chính	02	03	25	DH14QLA	TT.QL1	Phạm Hồng Sơn
206109	Thuỷ sản đại cương	05		80	DH16DD	RD204	Ngô Văn Ngọc

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:				https://goo.gl/L4sVOM			
206109	Thủy sản đại cương	02		80	DH16BQ	RD403	Đinh Thế Nhân
206109	Thủy sản đại cương	06		80	DH16NT	RD204	Ngô Văn Ngọc
206109	Thủy sản đại cương	04		80	DH15PT	HD204	Đinh Thế Nhân
206109	Thủy sản đại cương	01		100	DH16KS	RD104	Đinh Thế Nhân
202413	Sinh học động vật	01		80	DH14QM	HD305	Nguyễn Hữu Trí
209118	Tin học chuyên ngành	04		100	DH15QLB	CT201	Lê Ngọc Lãm
209118	Tin học chuyên ngành	01		75	DH15DC, DH15TB	HD202	Lê Ngọc Lãm
209118	Tin học chuyên ngành	02		100	DH15QLA	CT201	Lê Ngọc Lãm
209118	Tin học chuyên ngành	03		75	DH15QD	HD202	Lê Ngọc Lãm
209118	Tin học chuyên ngành	03	02	25	DH15QD	P352	Lê Ngọc Lãm
209118	Tin học chuyên ngành	03	01	25	DH15QD	P352	Lê Ngọc Lãm
209118	Tin học chuyên ngành	03	03	25	DH15QD	P352	Lê Ngọc Lãm
209118	Tin học chuyên ngành	01	02	25	DH15DC, DH15TB	P352	Lê Ngọc Lãm
209118	Tin học chuyên ngành	01	01	25	DH15DC, DH15TB	P352	Lê Ngọc Lãm
209118	Tin học chuyên ngành	01	03	25	DH15DC, DH15TB	P352	Lê Ngọc Lãm
209118	Tin học chuyên ngành	02	04	25	DH15QLA	P352	Lê Ngọc Lãm
209118	Tin học chuyên ngành	02	02	25	DH15QLA	P352	Lê Ngọc Lãm
209118	Tin học chuyên ngành	02	03	25	DH15QLA	P352	Lê Ngọc Lãm
209118	Tin học chuyên ngành	02	01	25	DH15QLA	P352	Lê Ngọc Lãm
209118	Tin học chuyên ngành	04	04	25	DH15QLB	P352	Lê Ngọc Lãm
209118	Tin học chuyên ngành	04	01	25	DH15QLB	P352	Lê Ngọc Lãm
209118	Tin học chuyên ngành	04	02	25	DH15QLB	P352	Lê Ngọc Lãm
209118	Tin học chuyên ngành	04	03	25	DH15QLB	P352	Lê Ngọc Lãm
217305	PT dư lượng& độc tố trong SPNN	01		50	DH14HD	RD201	Phùng Võ Cẩm Hồng
217305	PT dư lượng& độc tố trong SPNN	01	02	25	DH14HD	A204	Phùng Võ Cẩm Hồng
217305	PT dư lượng& độc tố trong SPNN	01	01	25	DH14HD	A204	Phùng Võ Cẩm Hồng
216101	Thực vật cảnh quan	02		75	DH15TK	RD305	Vương Thị Thủy
216101	Thực vật cảnh quan	01		100	DH15CH	RD103	Vương Thị Thủy
216101	Thực vật cảnh quan	01	04	25	DH15CH	TT.MT5	Vương Thị Thủy
216101	Thực vật cảnh quan	01	02	25	DH15CH	TT.MT5	Vương Thị Thủy
216101	Thực vật cảnh quan	01	03	25	DH15CH	TT.MT4	Vương Thị Thủy
216101	Thực vật cảnh quan	01	01	25	DH15CH	TT.MT5	Vương Thị Thủy
216101	Thực vật cảnh quan	02	01	25	DH15TK	TT.MT4	Vương Thị Thủy
216101	Thực vật cảnh quan	02	03	25	DH15TK	TT.MT7	Vương Thị Thủy
216101	Thực vật cảnh quan	02	02	25	DH15TK	TT.MT7	Vương Thị Thủy
212107	Biến đổi khí hậu	02		90	DH14ES	RD503	Nguyễn Tri Quang Hưng
212107	Biến đổi khí hậu	01		90	DH14ES	RD504	Nguyễn Tri Quang Hưng
205988	Thực tập các môn cơ sở CB	01		60	DH14CB	TT.LN5	Hoàng Thị Thanh Hương

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
208110	Kinh tế vĩ mô 1	04		120	DH16KM	CT202	Nguyễn Văn Cường
208110	Kinh tế vĩ mô 1	01		120	DH16QT	TV102	Đỗ Minh Hoàng
208110	Kinh tế vĩ mô 1	02		120	DH16QL	TV303	Phạm Thị Nhiên
208110	Kinh tế vĩ mô 1	03		120	DH16KE	PV400B	Phạm Thị Nhiên
208419	Văn hóa DN và đạo đức KD	01		65	DH14TM	PV227	Lê Thành Hưng
208419	Văn hóa DN và đạo đức KD	03		65	DH14QT	PV319	Vũ Thanh Liêm
208419	Văn hóa DN và đạo đức KD	05		80	DH13TC	PV227	Vũ Thanh Liêm
208419	Văn hóa DN và đạo đức KD	02		80	DH14TC	HD305	Vũ Thanh Liêm
208419	Văn hóa DN và đạo đức KD	04		80	DH13QT	PV227	Vũ Thanh Liêm
208419	Văn hóa DN và đạo đức KD	06		65	DH13TM	RD501	Lê Thành Hưng
203107	Công nghệ SH ứng dụng trong CN	01		80	DH14CN	RD305	Chế Minh Tùng
203107	Công nghệ SH ứng dụng trong CN	02		80	DH14TA	PV223	Chế Minh Tùng
207216	Máy gia công cơ học NSTP	01		80	DH14CC	RD203	Nguyễn Văn Công Chính
207216	Máy gia công cơ học NSTP	01	02	20	DH14CC	CK09.1	Nguyễn Văn Công Chính
207216	Máy gia công cơ học NSTP	01	04	20	DH14CC	CK09.1	Nguyễn Văn Công Chính
207216	Máy gia công cơ học NSTP	01	01	20	DH14CC	CK09.1	Nguyễn Văn Công Chính
207216	Máy gia công cơ học NSTP	01	03	20	DH14CC	CK09.1	Nguyễn Văn Công Chính
207316	Máy canh tác	01		80	DH13CK	HD202	Đặng Hữu Dũng
214481	Chuyên đề hệ thống thông tin	01		50	DH13DT	RD201	Phan Đình Long
214481	Chuyên đề hệ thống thông tin	01	01	50	DH13DT	P1	Phan Đình Long
206312	Quản lý sức khoẻ động vật TS	01		80	DH13NY	RD303	Hồ Thị Trường Thy
205427	Chẩn đoán và thiết kế NLKH	01		50	DH13NK	RD203	Nguyễn Thị Lan Phương
214462	Lập trình Web	03		80	DH15DTB	PV223	Mai Anh Thơ
214462	Lập trình Web	02		80	DH15DTA	HD305	Phan Đình Long
214462	Lập trình Web	01		80	DH15DTC	PV223	Mai Anh Thơ
214462	Lập trình Web	01	02	40	DH15DTC	R406	Mai Anh Thơ
214462	Lập trình Web	01	01	40	DH15DTC	R406	Mai Anh Thơ
214462	Lập trình Web	03	01	40	DH15DTB	P2	Mai Anh Thơ
214462	Lập trình Web	03	02	40	DH15DTB	P2	Mai Anh Thơ
214462	Lập trình Web	02	01	40	DH15DTA	R406	Phan Đình Long
214462	Lập trình Web	02	02	40	DH15DTA	R406	Phan Đình Long
206209	Công trình nuôi thủy sản	01		65	DH13NT	RD502	Đinh Thế Nhân
206209	Công trình nuôi thủy sản	02		65	DH13NT	RD501	Đinh Thế Nhân
205721	Máy&TB SX bột giấy và giấy	01		50	DH13GB, DH14GB	RD201	Nguyễn Duy Linh
205721	Máy&TB SX bột giấy và giấy	01	01	25	DH13GB, DH14GB	LN01	Nguyễn Duy Linh
205721	Máy&TB SX bột giấy và giấy	01	02	25	DH13GB, DH14GB	LN01	Nguyễn Duy Linh
209408	Thanh tra đất đai	01		75	TINCHI	TV202	Nguyễn Thị Ngọc ánh
211117	Sinh tin học	01		75	DH14SHB	RD404	Nguyễn Bảo Quốc

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
211117	Sinh tin học	02		75	DH14SHA	RD404	Nguyễn Bảo Quốc
211117	Sinh tin học	02	03	25	DH14SHA	TH.P01	Nguyễn Phan Thành
211117	Sinh tin học	02	02	25	DH14SHA	TH.P03	Nguyễn Phan Thành
211117	Sinh tin học	02	01	25	DH14SHA	TH.P02	Nguyễn Phan Thành
211117	Sinh tin học	01	01	25	DH14SHB	TH.P04	Nguyễn Phan Thành
211117	Sinh tin học	01	02	25	DH14SHB	TH.P04	Nguyễn Phan Thành
211117	Sinh tin học	01	03	25	DH14SHB	TH.P04	Nguyễn Phan Thành
209418	Chính sách quản lý đô thị	01		75	DH14QD	RD304	Lê Mộng Triết
209418	Chính sách quản lý đô thị	01	03	25	DH14QD	TT.QL1	Lê Mộng Triết
209418	Chính sách quản lý đô thị	01	01	25	DH14QD	TT.QL8	Lê Mộng Triết
209418	Chính sách quản lý đô thị	01	02	25	DH14QD	TT.QL8	Lê Mộng Triết
217603	Bao bì đóng gói	01		40	DH14HD, DH14HT	RD402	Vũ Ngọc Hà Vi
206421	Quản trị sản xuất thủy sản	01		65	DH14NT	RD502	Võ Thanh Liêm
206421	Quản trị sản xuất thủy sản	02		65	DH15KS	PV400A	Võ Thanh Liêm
206421	Quản trị sản xuất thủy sản	03		65	DH14CT	RD401	Võ Thanh Liêm
204617	Thủy nông	01		100	DH15BV	PV333	Nguyễn Duy Năng
205310	Quản lý lưu vực	01		60	DH14QR	RD101	Viên Ngọc Nam
205310	Quản lý lưu vực	01	02	20	DH14QR	TT.LN5	Viên Ngọc Nam
205310	Quản lý lưu vực	01	01	20	DH14QR	TT.LN2	Viên Ngọc Nam
205310	Quản lý lưu vực	01	03	20	DH14QR	TT.LN5	Viên Ngọc Nam
209415	Môi giới bất động sản	01		50	TINCHI	RD200	Nguyễn Đức Thành
209415	Môi giới bất động sản	01	01	25	TINCHI	TT.QL8	Nguyễn Đức Thành
209415	Môi giới bất động sản	01	02	25	TINCHI	TT.QL8	Nguyễn Đức Thành
205808	Vẽ phối cảnh	01		75	DH14GN	RD303	Lê Quang Nghĩa
205808	Vẽ phối cảnh	01	02	25	DH14GN	P336	Lê Quang Nghĩa
205808	Vẽ phối cảnh	01	01	25	DH14GN	LN01	Lê Quang Nghĩa
205808	Vẽ phối cảnh	01	03	25	DH14GN	P336	Lê Quang Nghĩa
205321	Quản lý sử dụng đất	01		50	DH14QR	RD102	Nguyễn Thị Kiều Nương
205321	Quản lý sử dụng đất	01	02	25	DH14QR	TT.LN3	Nguyễn Thị Kiều Nương
205321	Quản lý sử dụng đất	01	01	25	DH14QR	TT.LN5	Nguyễn Thị Kiều Nương
209417	Quản trị bất động sản	01		50	DH13TB	RD402	Nguyễn Thị Hoàng Yến
208322	Toán tài chính	02		110	DH15TC	CT201	Bùi Công Luận
208322	Toán tài chính	01		110	DH15KE	TV103	Tôn Thất Đào
211319	Đánh giá ô nhiễm Môi trường	01		80	DH15SHA	PV400B	Nguyễn Ngọc Hà
211319	Đánh giá ô nhiễm Môi trường	03		80	DH15SM	RD203	Nguyễn Ngọc Hà
211319	Đánh giá ô nhiễm Môi trường	02		80	DH15SHB	PV400B	Nguyễn Ngọc Hà
207727	Thực tập xí nghiệp	02		20	DH13OT	TT.CK1	Phan Minh Hiếu
207727	Thực tập xí nghiệp	01		20	DH13OT	TT.CK1	Phan Minh Hiếu

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
216203	Nhân giống hoa cây cảnh	02		75	DH15CH	RD402	Phạm Minh Thịnh
216203	Nhân giống hoa cây cảnh	01		75	DH14TK	RD504	Phạm Minh Thịnh
216203	Nhân giống hoa cây cảnh	02	01	25	DH15CH	TT.MT8	Phạm Minh Thịnh
216203	Nhân giống hoa cây cảnh	02	02	25	DH15CH	TT.MT5	Phạm Minh Thịnh
216203	Nhân giống hoa cây cảnh	02	03	25	DH15CH	TT.MT8	Phạm Minh Thịnh
216203	Nhân giống hoa cây cảnh	01	02	25	DH14TK	VU'TN	Phạm Minh Thịnh
216203	Nhân giống hoa cây cảnh	01	01	25	DH14TK	VU'TN	Phạm Minh Thịnh
216203	Nhân giống hoa cây cảnh	01	03	25	DH14TK	TT.MT7	Phạm Minh Thịnh
217901	Tham quan nhà máy	02		65	DH15HH	TT.HH3	Diệp Thanh Tùng
217901	Tham quan nhà máy	01		65	DH15HH	TT.HH2	Diệp Thanh Tùng
208477	Kinh doanh ngoại hối	01		80	DH14TC	HD201	Hà Thị Thu Hòa
211136	Hệ thống thông tin địa lý GIS	01		65	DH14SM	RD501	Nguyễn Kim Lợi
204921	Tiếp thị nông nghiệp	03		100	DH16NHA, DH16NHB	PV225	Trần Đình Lý
204921	Tiếp thị nông nghiệp	02		100	DH16BV	PV225	Trần Đình Lý
208365	Thực hành khai báo thuế	01		75	DH15KE	RD101	Nguyễn ý Nguyên Hân
208365	Thực hành khai báo thuế	02		75	DH15KE	RD304	Khúc Đình Nam
208365	Thực hành khai báo thuế	01	03	25	DH15KE	CT102	Nguyễn ý Nguyên Hân
208365	Thực hành khai báo thuế	01	02	25	DH15KE	RD304	Nguyễn ý Nguyên Hân
208365	Thực hành khai báo thuế	01	01	25	DH15KE	RD304	Nguyễn ý Nguyên Hân
208365	Thực hành khai báo thuế	02	03	25	DH15KE	TT.KT1	Khúc Đình Nam
208365	Thực hành khai báo thuế	02	02	25	DH15KE	TT.KT2	Khúc Đình Nam
208365	Thực hành khai báo thuế	02	01	25	DH15KE	TT.KT2	Khúc Đình Nam
205820	Vẽ kỹ thuật ứng dụng	01		50	DH15CB	RD201	Phạm Ngọc Nam
205820	Vẽ kỹ thuật ứng dụng	03		50	DH15GB	RD302	Phạm Ngọc Nam
205820	Vẽ kỹ thuật ứng dụng	02		50	DH15GN	RD301	Phạm Ngọc Nam
205820	Vẽ kỹ thuật ứng dụng	02	01	25	DH15GN	TH.P01	Phạm Ngọc Nam
205820	Vẽ kỹ thuật ứng dụng	02	02	25	DH15GN	TH.P01	Phạm Ngọc Nam
205820	Vẽ kỹ thuật ứng dụng	01	01	25	DH15CB	TH.P01	Phạm Ngọc Nam
205820	Vẽ kỹ thuật ứng dụng	01	02	25	DH15CB	TH.P01	Phạm Ngọc Nam
205820	Vẽ kỹ thuật ứng dụng	03	02	25	DH15GB	TH.P01	Phạm Ngọc Nam
205820	Vẽ kỹ thuật ứng dụng	03	01	25	DH15GB	TH.P01	Phạm Ngọc Nam
211419	Thực hành chỉ thị sinh học	03		25	DH14SM	SH01	Nguyễn Tấn Chung
211419	Thực hành chỉ thị sinh học	02		25	DH14SM	SH01	Nguyễn Tấn Chung
211419	Thực hành chỉ thị sinh học	01		25	DH14SM	SH01	Nguyễn Tấn Chung
208328	Sổ sách chứng từ kế toán	01		80	DH14KE	TV202	Đàm Thị Hải Âu
208208	Phong thủy ứng dụng	02		75	DH15KN	PV227	Nguyễn Duyên Linh
208208	Phong thủy ứng dụng	04		75	DH15KM	RD203	Nguyễn Duyên Linh
208208	Phong thủy ứng dụng	03		75	DH15KT	PV227	Nguyễn Duyên Linh

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
208208	Phong thủy ứng dụng	01		75	DH14TB	RD203	Nguyễn Duyên Linh
208208	Phong thủy ứng dụng	04	02	25	DH15KM	TT.KT2	Nguyễn Duyên Linh
208208	Phong thủy ứng dụng	04	01	25	DH15KM	TT.KT2	Nguyễn Duyên Linh
208208	Phong thủy ứng dụng	04	03	25	DH15KM	TT.KT2	Nguyễn Duyên Linh
208208	Phong thủy ứng dụng	01	02	25	DH14TB	TT.KT2	Nguyễn Duyên Linh
208208	Phong thủy ứng dụng	01	03	25	DH14TB	TT.KT2	Nguyễn Duyên Linh
208208	Phong thủy ứng dụng	01	01	25	DH14TB	TT.KT2	Nguyễn Duyên Linh
208208	Phong thủy ứng dụng	02	01	25	DH15KN	TT.KT2	Nguyễn Duyên Linh
208208	Phong thủy ứng dụng	02	03	25	DH15KN	TT.KT2	Nguyễn Duyên Linh
208208	Phong thủy ứng dụng	02	02	25	DH15KN	TT.KT2	Nguyễn Duyên Linh
208208	Phong thủy ứng dụng	03	01	25	DH15KT	TT.KT2	Nguyễn Duyên Linh
208208	Phong thủy ứng dụng	03	02	25	DH15KT	TT.KT2	Nguyễn Duyên Linh
208208	Phong thủy ứng dụng	03	03	25	DH15KT	TT.KT2	Nguyễn Duyên Linh
212314	Đồ án xử lý nước thải ĐT	01		75	DH14MT	RD304	Huỳnh Tấn Nhựt
208502	Xã hội học nông thôn	01		80	DH15PT	RD304	Trần Minh Trí
209340	Quy hoạch đô thị	02		75	DH14QLA	HD203	Trần Duy Hùng
209340	Quy hoạch đô thị	01		75	DH14QLB	HD205	Trần Duy Hùng
209340	Quy hoạch đô thị	02	01	25	DH14QLA	TT.QL2	Trần Duy Hùng
209340	Quy hoạch đô thị	02	03	25	DH14QLA	TT.QL3	Trần Duy Hùng
209340	Quy hoạch đô thị	02	02	25	DH14QLA	TT.QL2	Trần Duy Hùng
209340	Quy hoạch đô thị	01	01	25	DH14QLB	TT.QL2	Trần Duy Hùng
209340	Quy hoạch đô thị	01	03	25	DH14QLB	TT.QL1	Trần Duy Hùng
209340	Quy hoạch đô thị	01	02	25	DH14QLB	TT.QL1	Trần Duy Hùng
205798	Thực tập các môn cơ sở GB	01		65	DH14GB	TT.LN4	Đặng Thị Thanh Nhân
208438	Quản trị dự án	03		65	DH16CK	PV223	Võ Ngân Thơ
208610	Kinh tế quản lý tài nguyên đất	01		65	DH14KM	RD101	Lê Quang Thông
203419	Dược phân tích	01		75	DH14DY	HD203	Phùng Võ Cẩm Hồng
203419	Dược phân tích	01	02	25	DH14DY	A203	Phùng Võ Cẩm Hồng
203419	Dược phân tích	01	01	25	DH14DY	A203	Phùng Võ Cẩm Hồng
203419	Dược phân tích	01	03	25	DH14DY	A203	Phùng Võ Cẩm Hồng
206105	Phiêu sinh ĐV và Động vật đáy	01		75	DH15NY	HD305	Nguyễn Thị Bạch Mai
206105	Phiêu sinh ĐV và Động vật đáy	01	01	25	DH15NY	P301.3	Đặng Thị Thanh Hòa
206105	Phiêu sinh ĐV và Động vật đáy	01	03	25	DH15NY	P301.3	Đặng Thị Thanh Hòa
206105	Phiêu sinh ĐV và Động vật đáy	01	02	25	DH15NY	P301.3	Đặng Thị Thanh Hòa
212308	Cấp thoát nước trong nhà	01		75	DH14MT	HD202	Vũ Văn Quang
210110	Khoa học cảm quan và PTCQ TP	02		100	DH14BQ	TV101	Kha Chấn Tuyền
210110	Khoa học cảm quan và PTCQ TP	05		100	DH14DD	TV201	Kha Chấn Tuyền
210110	Khoa học cảm quan và PTCQ TP	01		100	DH14VT	CT101	Kha Chấn Tuyền

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
210110	Khoa học cảm quan và PTCQ TP	04		100	DH14DD	TV201	Kha Chấn Tuyền
210110	Khoa học cảm quan và PTCQ TP	04	03	25	DH14DD	BQ08	Kha Chấn Tuyền
210110	Khoa học cảm quan và PTCQ TP	04	04	25	DH14DD	BQ08	Kha Chấn Tuyền
210110	Khoa học cảm quan và PTCQ TP	04	02	25	DH14DD	BQ08	Kha Chấn Tuyền
210110	Khoa học cảm quan và PTCQ TP	04	01	25	DH14DD	BQ08	Kha Chấn Tuyền
210110	Khoa học cảm quan và PTCQ TP	05	02	25	DH14DD	BQ08	Kha Chấn Tuyền
210110	Khoa học cảm quan và PTCQ TP	05	04	25	DH14DD	BQ08	Kha Chấn Tuyền
210110	Khoa học cảm quan và PTCQ TP	05	01	25	DH14DD	BQ08	Kha Chấn Tuyền
210110	Khoa học cảm quan và PTCQ TP	05	03	25	DH14DD	BQ08	Kha Chấn Tuyền
210110	Khoa học cảm quan và PTCQ TP	01	04	25	DH14VT	BQ08	Kha Chấn Tuyền
210110	Khoa học cảm quan và PTCQ TP	01	01	25	DH14VT	BQ08	Kha Chấn Tuyền
210110	Khoa học cảm quan và PTCQ TP	01	03	25	DH14VT	BQ08	Kha Chấn Tuyền
210110	Khoa học cảm quan và PTCQ TP	01	02	25	DH14VT	BQ08	Kha Chấn Tuyền
210110	Khoa học cảm quan và PTCQ TP	02	02	25	DH14BQ	BQ08	Kha Chấn Tuyền
210110	Khoa học cảm quan và PTCQ TP	02	04	25	DH14BQ	BQ08	Kha Chấn Tuyền
210110	Khoa học cảm quan và PTCQ TP	02	01	25	DH14BQ	BQ08	Kha Chấn Tuyền
210110	Khoa học cảm quan và PTCQ TP	02	03	25	DH14BQ	BQ08	Kha Chấn Tuyền
202412	Sinh thái học	02		65	DH16SH	PV219	Nguyễn Thị Mai
202412	Sinh thái học	01		65	DH14GI	PV219	Nguyễn Thị Mai
203461	TT phòng thí nghiệm chăn nuôi	02		25	DH14CN	TT.TY3	Nguyễn Văn Hiệp
203461	TT phòng thí nghiệm chăn nuôi	03		25	DH14CN	TT.TY1	Nguyễn Văn Hiệp
203461	TT phòng thí nghiệm chăn nuôi	01		25	DH14CN	TT.TY1	Nguyễn Văn Hiệp
211207	Nuôi cấy tế bào thực vật	01		25	DH14SHB	SH03	Tô Nhã Trâm
211207	Nuôi cấy tế bào thực vật	05		25	DH14SHA	SH03	Tô Nhã Trâm
211207	Nuôi cấy tế bào thực vật	02		25	DH14SHB	SH03	Tô Nhã Trâm
211207	Nuôi cấy tế bào thực vật	06		25	DH14SHA	SH03	Tô Nhã Trâm
211207	Nuôi cấy tế bào thực vật	03		25	DH14SHB	SH03	Tô Nhã Trâm
211207	Nuôi cấy tế bào thực vật	04		25	DH14SHA	SH03	Tô Nhã Trâm
218119	Phương pháp NCKH GIS	01		75	DH14GI	PV337	Nguyễn Kim Lợi
218119	Phương pháp NCKH GIS	01	03	25	DH14GI	R405	Nguyễn Kim Lợi
218119	Phương pháp NCKH GIS	01	02	25	DH14GI	R405	Nguyễn Kim Lợi
218119	Phương pháp NCKH GIS	01	01	25	DH14GI	R405	Nguyễn Kim Lợi
216407	Quản lý và bảo dưỡng CQ	01		75	DH14TK	RD106	Phạm Minh Thịnh
216407	Quản lý và bảo dưỡng CQ	02		75	DH14CH	RD403	Phạm Minh Thịnh
216407	Quản lý và bảo dưỡng CQ	01	02	25	DH14TK	TT.MT4	Phạm Minh Thịnh
216407	Quản lý và bảo dưỡng CQ	01	01	25	DH14TK	TT.MT1	Phạm Minh Thịnh
216407	Quản lý và bảo dưỡng CQ	01	03	25	DH14TK	TT.MT1	Phạm Minh Thịnh
216407	Quản lý và bảo dưỡng CQ	02	01	25	DH14CH	TT.MT4	Phạm Minh Thịnh

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
216407	Quản lý và bảo dưỡng CQ	02	02	25	DH14CH	TT.MT4	Phạm Minh Thịnh
216407	Quản lý và bảo dưỡng CQ	02	03	25	DH14CH	TT.MT4	Phạm Minh Thịnh
205801	Ergonomics trong Thiết kế	01		100	DH15CB	CT201	Hoàng Thị Thanh Hương
205801	Ergonomics trong Thiết kế	01	01	25	DH15CB	LN01	Hoàng Thị Thanh Hương
205801	Ergonomics trong Thiết kế	01	02	25	DH15CB	LN01	Hoàng Thị Thanh Hương
205801	Ergonomics trong Thiết kế	01	03	25	DH15CB	P336	Hoàng Thị Thanh Hương
205801	Ergonomics trong Thiết kế	01	04	25	DH15CB	LN01	Hoàng Thị Thanh Hương
217415	CNSX phân vi sinh	01		65	DH14HS	RD101	Trần Thị Dạ Thảo
203613	Thực tập nhà máy thức ăn	01		80	DH13TA	TT.TY2	Nguyễn Văn Hiệp
207501	Cảm biến trong điều khiển	01		80	DH14TD	HD204	Lê Văn Bạ
207501	Cảm biến trong điều khiển	01	01	20	DH14TD	R205.1	Lê Văn Bạ
207501	Cảm biến trong điều khiển	01	04	20	DH14TD	R205.1	Lê Văn Bạ
207501	Cảm biến trong điều khiển	01	02	20	DH14TD	R205.1	Lê Văn Bạ
207501	Cảm biến trong điều khiển	01	03	20	DH14TD	R205.1	Lê Văn Bạ
208424	Quản trị nhân sự	02		80	DH15QT	PV400A	Bùi Thị Kim Hoàng
208424	Quản trị nhân sự	01		80	DH14KN	TV101	Bùi Thị Kim Hoàng
208424	Quản trị nhân sự	03		80	DH15TC	TV102	Bùi Thị Kim Hoàng
207624	Kỹ thuật xử lý ảnh	02		80	DH14CD	RD203	Trần Thị Kim Ngà
207624	Kỹ thuật xử lý ảnh	01		80	DH14TD	HD204	Trần Thị Kim Ngà
207624	Kỹ thuật xử lý ảnh	02	01	20	DH14CD	I3.1	Trần Thị Kim Ngà
207624	Kỹ thuật xử lý ảnh	02	04	20	DH14CD	I3.1	Trần Thị Kim Ngà
207624	Kỹ thuật xử lý ảnh	02	03	20	DH14CD	I3.1	Trần Thị Kim Ngà
207624	Kỹ thuật xử lý ảnh	02	02	20	DH14CD	I3.1	Trần Thị Kim Ngà
207624	Kỹ thuật xử lý ảnh	01	01	20	DH14TD	I3.2	Trần Thị Kim Ngà
207624	Kỹ thuật xử lý ảnh	01	04	20	DH14TD	I3.2	Trần Thị Kim Ngà
207624	Kỹ thuật xử lý ảnh	01	03	20	DH14TD	I3.2	Trần Thị Kim Ngà
207624	Kỹ thuật xử lý ảnh	01	02	20	DH14TD	I3.2	Trần Thị Kim Ngà
207101	Đồ án chi tiết máy	03		20	DH14CK	CNC.1	Phạm Quang Thắng
207101	Đồ án chi tiết máy	04		20	DH14CK	CNC.1	Phạm Quang Thắng
207101	Đồ án chi tiết máy	01		20	DH13CK	CNC.3	Phạm Quang Thắng
207101	Đồ án chi tiết máy	02		20	DH13CK	CNC.3	Phạm Quang Thắng
212602	Địa lý du lịch	01		65	DH15DL	RD402	Võ Thị Bích Thủy
211404	Phát triển thương mại SP CNSH	01		75	DH14SHB	HD202	Lê Đình Đôn
211404	Phát triển thương mại SP CNSH	02		100	DH14SHA	CT102	Lê Đình Đôn
211404	Phát triển thương mại SP CNSH	03		100	DH14SM	CT102	Lê Đình Đôn
211404	Phát triển thương mại SP CNSH	01	02	25	DH14SHB	TT.SH1	Lê Đình Đôn
211404	Phát triển thương mại SP CNSH	01	01	25	DH14SHB	TT.SH1	Lê Đình Đôn
211404	Phát triển thương mại SP CNSH	01	03	25	DH14SHB	TT.SH1	Lê Đình Đôn

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
211404	Phát triển thương mại SP CNSH	02	04	25	DH14SHA	TT.SH1	Lê Đình Đôn
211404	Phát triển thương mại SP CNSH	02	03	25	DH14SHA	TT.SH1	Lê Đình Đôn
211404	Phát triển thương mại SP CNSH	02	02	25	DH14SHA	TT.SH1	Lê Đình Đôn
211404	Phát triển thương mại SP CNSH	02	01	25	DH14SHA	TT.SH1	Lê Đình Đôn
211404	Phát triển thương mại SP CNSH	03	02	25	DH14SM	TT.SH1	Lê Đình Đôn
211404	Phát triển thương mại SP CNSH	03	01	25	DH14SM	TT.SH1	Lê Đình Đôn
211404	Phát triển thương mại SP CNSH	03	04	25	DH14SM	TT.SH1	Lê Đình Đôn
211404	Phát triển thương mại SP CNSH	03	03	25	DH14SM	TT.SH1	Lê Đình Đôn
212902	Đồ án CNMT	01		160	DH13MT	TT.MT5	Khoa Quản Lý - Khoa Mt
209119	Lập trình chuyên ngành	01		50	DH14DC	RD202	Trương Đỗ Thùy Linh
209119	Lập trình chuyên ngành	01	01	25	DH14DC	P352	Trương Đỗ Thùy Linh
209119	Lập trình chuyên ngành	01	02	25	DH14DC	P352	Trương Đỗ Thùy Linh
211133	Công nghệ sinh thái đại cương	01		60	DH15SM	PV319	Nguyễn Thị Kim Linh
211133	Công nghệ sinh thái đại cương	01	01	30	DH15SM	SH02	Nguyễn Thị Kim Linh
211133	Công nghệ sinh thái đại cương	01	02	30	DH15SM	SH02	Nguyễn Thị Kim Linh
214485	Data Mining	01		100	DH14DTA, DH14DTB	PV325	Trần Quốc Việt
214485	Data Mining	01	01	50	DH14DTA, DH14DTB	P1	Trần Quốc Việt
214485	Data Mining	01	02	50	DH14DTA, DH14DTB	P1	Trần Quốc Việt
207312	Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1	04		20	DH14CK	CK08	Lê Khỏe Quí
207312	Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1	03		20	DH14CK	CK08	Phạm Duy Lam
207312	Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1	01		20	DH14CK	CK08	Phạm Duy Lam
207312	Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1	02		20	DH14CK	CK08	Phạm Duy Lam
207312	Thực tập bảo dưỡng kỹ thuật 1	05		20	DH14CK	CK08	Lê Khỏe Quí
215365	PT chương trình công nghệ	01		130	DH14SP	TV302	Hồ Văn Công Nhân
205807	Màu sắc cơ bản	01		80	DH14GN	RD303	Lê Quang Nghĩa
205546	Tối ưu hoá	01		60	DH14GN	RD201	Nguyễn Thị ánh Nguyệt
205546	Tối ưu hoá	01	02	20	DH14GN	LN04	Nguyễn Thị ánh Nguyệt
205546	Tối ưu hoá	01	01	20	DH14GN	LN04	Nguyễn Thị ánh Nguyệt
205546	Tối ưu hoá	01	03	20	DH14GN	LN04	Nguyễn Thị ánh Nguyệt
212302	Hình học họa hình	02		80	DH15TK	PV335	Đỗ Ngọc Nhuận
212302	Hình học họa hình	03		80	DH16QM	RD504	Lê Tấn Thanh Lâm
212302	Hình học họa hình	01		80	DH15CH	RD103	Đỗ Ngọc Nhuận
209229	Rèn nghề 2-Chỉnh lý BDDĐ	02		30	TINCHI	TT.QL9	Lê Mộng Triết
209229	Rèn nghề 2-Chỉnh lý BDDĐ	03		30	TINCHI	TT.QL6	Ngô Minh Thụy
209229	Rèn nghề 2-Chỉnh lý BDDĐ	01		30	TINCHI	TT.QL9	Lê Mộng Triết
215901	Thực tập sư phạm 1	09		10	DH13SP	TT.SP1	Bộ Môn Phụ Trách Bm Sp
215901	Thực tập sư phạm 1	07		10	DH13SP	TT.SP1	Bộ Môn Phụ Trách Bm Sp
215901	Thực tập sư phạm 1	01		10	DH13SP	TT.SP1	Bộ Môn Phụ Trách Bm Sp

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
215901	Thực tập sư phạm 1	03		10	DH13SP	TT.SP1	Bộ Môn Phụ Trách Bm Sp
215901	Thực tập sư phạm 1	10		10	DH13SP	TT.SP1	Bộ Môn Phụ Trách Bm Sp
215901	Thực tập sư phạm 1	04		10	DH13SP	TT.SP1	Bộ Môn Phụ Trách Bm Sp
215901	Thực tập sư phạm 1	06		10	DH13SP	TT.SP1	Bộ Môn Phụ Trách Bm Sp
215901	Thực tập sư phạm 1	08		10	DH13SP	TT.SP1	Bộ Môn Phụ Trách Bm Sp
215901	Thực tập sư phạm 1	02		10	DH13SP	TT.SP1	Bộ Môn Phụ Trách Bm Sp
215901	Thực tập sư phạm 1	05		10	DH13SP	TT.SP1	Bộ Môn Phụ Trách Bm Sp
207322	Cơ sở KT hệ thống canh tác	01		80	DH14CK	HD204	Nguyễn Thanh Nghị
206302	Mô và mô bệnh học thủy sản	01		75	DH15NY	HD301	Lưu Thị Thanh Trúc
206302	Mô và mô bệnh học thủy sản	01	02	25	DH15NY	P309.3	Lưu Thị Thanh Trúc
206302	Mô và mô bệnh học thủy sản	01	01	25	DH15NY	P309.3	Lưu Thị Thanh Trúc
206302	Mô và mô bệnh học thủy sản	01	03	25	DH15NY	P309.3	Lưu Thị Thanh Trúc
205425	Hệ thống nông lâm kết hợp	01		65	DH15KL	RD301	Đặng Hải Phương
210316	KT lạnh & UD lạnh trong CNTP	03		75	DH14DD	HD203	Nguyễn Hữu Nam
210316	KT lạnh & UD lạnh trong CNTP	02		75	DH14DD	HD203	Nguyễn Hữu Nam
210316	KT lạnh & UD lạnh trong CNTP	02	03	25	DH14DD	BQ07	Nguyễn Hữu Nam
210316	KT lạnh & UD lạnh trong CNTP	02	02	25	DH14DD	BQ07	Nguyễn Hữu Nam
210316	KT lạnh & UD lạnh trong CNTP	02	01	25	DH14DD	BQ07	Nguyễn Hữu Nam
210316	KT lạnh & UD lạnh trong CNTP	03	01	25	DH14DD	BQ07	Nguyễn Hữu Nam
210316	KT lạnh & UD lạnh trong CNTP	03	03	25	DH14DD	BQ07	Nguyễn Hữu Nam
210316	KT lạnh & UD lạnh trong CNTP	03	02	25	DH14DD	BQ07	Nguyễn Hữu Nam
213705	Principles of management	01		40	DH13AV	NN212	Đào Đức Tuyên
213701	Business English 1	01		40	DH14AV	NN212	Nguyễn Viết Lâm
213701	Business English 1	02		40	DH14AV	NN212	Nguyễn Viết Lâm
206415	PP nghiên cứu kinh tế thủy sản	01		65	DH14KS	RD106	Lê Quang Thông
212927	Kỹ năng điều tra XH học	01		100	DH15ES	TV303	Lê Tấn Thanh Lâm
211301	Công nghệ SH đại cương	01		80	DH16DD	RD504	Nguyễn Vũ Phong
211301	Công nghệ SH đại cương	03		80	DH15BQ	RD504	Nguyễn Vũ Phong
211301	Công nghệ SH đại cương	02		80	DH15VT	RD504	Nguyễn Vũ Phong
208345	Tín dụng ngân hàng	01		95	DH15KE	HD303	Hoàng Oanh Thoa
208345	Tín dụng ngân hàng	02		95	DH15TC	PV337	Trần Minh Dạ Hạnh
208363	Phân tích báo cáo tài chính	02		65	DH13KE	RD301	Hoàng Oanh Thoa
208363	Phân tích báo cáo tài chính	01		65	DH13KE	RD301	Hoàng Oanh Thoa
207730	CS thí nghiệm & kiểm định Ôtô	01		65	DH13OT	RD202	Bùi Công Hạnh
209130	Hệ thống thông tin địa lý	01		75	DH15DC, DH15TB	HD205	Võ Thành Hưng
209130	Hệ thống thông tin địa lý	02		100	DH15QLA	TV101	Võ Thành Hưng
209130	Hệ thống thông tin địa lý	04		100	DH15QLB	TV103	Võ Thành Hưng
209130	Hệ thống thông tin địa lý	03		75	DH15QD	CT202	Võ Thành Hưng

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
209130	Hệ thống thông tin địa lý	04	03	25	DH15QLB	TT.QL3	Võ Thành Hưng
209130	Hệ thống thông tin địa lý	04	04	25	DH15QLB	TT.QL4	Võ Thành Hưng
209130	Hệ thống thông tin địa lý	04	01	25	DH15QLB	TT.QL2	Võ Thành Hưng
209130	Hệ thống thông tin địa lý	04	02	25	DH15QLB	TT.QL9	Võ Thành Hưng
209130	Hệ thống thông tin địa lý	03	02	25	DH15QD	TT.QL3	Võ Thành Hưng
209130	Hệ thống thông tin địa lý	03	03	25	DH15QD	TT.QL3	Võ Thành Hưng
209130	Hệ thống thông tin địa lý	03	01	25	DH15QD	TT.QL3	Võ Thành Hưng
209130	Hệ thống thông tin địa lý	02	01	25	DH15QLA	TT.QL4	Võ Thành Hưng
209130	Hệ thống thông tin địa lý	02	04	25	DH15QLA	TT.QL4	Võ Thành Hưng
209130	Hệ thống thông tin địa lý	02	03	25	DH15QLA	TT.QL4	Võ Thành Hưng
209130	Hệ thống thông tin địa lý	02	02	25	DH15QLA	TT.QL4	Võ Thành Hưng
209130	Hệ thống thông tin địa lý	01	03	25	DH15DC, DH15TB	TT.QL2	Võ Thành Hưng
209130	Hệ thống thông tin địa lý	01	01	25	DH15DC, DH15TB	TT.QL2	Võ Thành Hưng
209130	Hệ thống thông tin địa lý	01	02	25	DH15DC, DH15TB	TT.QL9	Võ Thành Hưng
207220	Nhiệt động lực học kỹ thuật	01		65	DH15CC	RD401	Lê Anh Đức
216114	Thực vật cảnh thủy sinh	01		75	DH14CH	CT202	Vương Thị Thủy
216114	Thực vật cảnh thủy sinh	01	02	25	DH14CH	VU'TN	Vương Thị Thủy
216114	Thực vật cảnh thủy sinh	01	03	25	DH14CH	VU'TN	Vương Thị Thủy
216114	Thực vật cảnh thủy sinh	01	01	25	DH14CH	VU'TN	Vương Thị Thủy
213310	Issues in TESOL	01		40	DH13AV	NN203	Nguyễn Liên Hương
205804	Thiết kế nội thất nhà ở	01		60	DH14GN	RD202	Hoàng Thị Thanh Hương
205804	Thiết kế nội thất nhà ở	01	03	20	DH14GN	P336	Hoàng Thị Thanh Hương
205804	Thiết kế nội thất nhà ở	01	02	20	DH14GN	LN01	Hoàng Thị Thanh Hương
205804	Thiết kế nội thất nhà ở	01	01	20	DH14GN	LN01	Hoàng Thị Thanh Hương
207715	Nhập môn CN ô tô & TB xưở	01		80	DH15OT	CT201	Bùi Công Hạnh
207521	Thực tập nhà máy	02		100	DH14TD	TT.CK1	Lê Quang Hiền
207521	Thực tập nhà máy	01		100	DH13TD	TT.CK1	Lê Quang Hiền
211323	Thực hành hóa & độc học MT	01		25	DH15SM	A312	Phùng Võ Cẩm Hồng
211323	Thực hành hóa & độc học MT	02		25	DH15SM	A312	Phùng Võ Cẩm Hồng
214463	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	01		120	DH14DTB	CT101	Lê Phi Hùng
214463	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	02		100	DH14DTA	CT101	Lê Phi Hùng
214463	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	02	01	50	DH14DTA	P2	Lê Phi Hùng
214463	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	02	02	50	DH14DTA	P3	Nguyễn Thị Phương Trâm
214463	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	01	01	40	DH14DTB	P2	Lê Phi Hùng
214463	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	01	02	40	DH14DTB	P3	Nguyễn Thị Phương Trâm
214463	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	01	03	40	DH14DTB	P3	Nguyễn Thị Phương Trâm
206206	KTSX giống và nuôi giáp xác	02		75	DH14SP	PV219	Lê Thanh Hùng
206206	KTSX giống và nuôi giáp xác	01		75	DH14NT	PV227	Lê Thanh Hùng

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
206206	KTSX giống và nuôi giáp xác	03		75	DH14NY	PV227	Lê Thanh Hùng
206206	KTSX giống và nuôi giáp xác	01	01	25	DH14NT	TCU	Trần Văn Minh
206206	KTSX giống và nuôi giáp xác	01	03	25	DH14NT	TCU	Trần Văn Minh
206206	KTSX giống và nuôi giáp xác	01	02	25	DH14NT	TCU	Trần Văn Minh
206206	KTSX giống và nuôi giáp xác	02	03	25	DH14SP	TCU	Lê Thanh Hùng
206206	KTSX giống và nuôi giáp xác	02	02	25	DH14SP	TCU	Lê Thanh Hùng
206206	KTSX giống và nuôi giáp xác	02	01	25	DH14SP	TCU	Lê Thanh Hùng
206206	KTSX giống và nuôi giáp xác	03	02	25	DH14NY	TCU	Trần Văn Minh
206206	KTSX giống và nuôi giáp xác	03	01	25	DH14NY	TCU	Trần Văn Minh
206206	KTSX giống và nuôi giáp xác	03	03	25	DH14NY	TCU	Trần Văn Minh
207701	An toàn lao động& MT CN	01		65	DH14NL	RD102	Nguyễn Hải Triều
207421	Cơ sở nhiệt lạnh	01		80	DH13NL	HD203	Nguyễn Huy Bích
213406	Semantics	01		40	DH13AV	NN203	Phan Thị Lan Anh
204715	Bệnh cây đại cương	01		75	DH14SP	RD106	Võ Thị Thu Oanh
204715	Bệnh cây đại cương	01	02	25	DH14SP	P113.1	Võ Thị Thu Oanh
204715	Bệnh cây đại cương	01	01	25	DH14SP	P113.1	Võ Thị Thu Oanh
204715	Bệnh cây đại cương	01	03	25	DH14SP	P113.1	Võ Thị Thu Oanh
216205	Kỹ thuật trồng hoa thảo	01		75	DH14CH	HD305	Ngô Thị Minh Thê
216205	Kỹ thuật trồng hoa thảo	01	01	25	DH14CH	VU'TN	Ngô Thị Minh Thê
216205	Kỹ thuật trồng hoa thảo	01	03	25	DH14CH	VU'TN	Ngô Thị Minh Thê
216205	Kỹ thuật trồng hoa thảo	01	02	25	DH14CH	VU'TN	Ngô Thị Minh Thê
207111	Nguyên lý máy	01		65	DH13CK	RD502	Trương Quang Trường
207111	Nguyên lý máy	02		65	DH14CK	RD502	Trương Quang Trường
209319	Bản vẽ xây dựng	01		75	DH14DC, DH14QD	RD404	Nguyễn Duy Ngọc
209319	Bản vẽ xây dựng	01	02	25	DH14DC, DH14QD	TT.QL9	Nguyễn Duy Ngọc
209319	Bản vẽ xây dựng	01	03	25	DH14DC, DH14QD	TT.QL5	Nguyễn Duy Ngọc
209319	Bản vẽ xây dựng	01	01	25	DH14DC, DH14QD	TT.QL8	Nguyễn Duy Ngọc
205612	Sử dụng máy chế biến	01		60	DH14CB	RD102	Đặng Đình Bôi
205612	Sử dụng máy chế biến	02		60	DH15GN	TV202	Đặng Đình Bôi
205612	Sử dụng máy chế biến	01	01	20	DH14CB	P336	Đặng Đình Bôi
205612	Sử dụng máy chế biến	01	02	20	DH14CB	P336	Đặng Đình Bôi
205612	Sử dụng máy chế biến	01	03	20	DH14CB	P336	Đặng Đình Bôi
205612	Sử dụng máy chế biến	02	01	20	DH15GN	LN01	Đặng Đình Bôi
205612	Sử dụng máy chế biến	02	03	20	DH15GN	P336	Đặng Đình Bôi
205612	Sử dụng máy chế biến	02	02	20	DH15GN	P336	Đặng Đình Bôi
206416	Đánh giá tác động MT trong TS	01		65	DH15KS	PV219	Nguyễn Văn Trai
204750	Rèn nghề BVTV 2	04		30	DH15BV	TT.NH1	Nguyễn Hữu Trúc
204750	Rèn nghề BVTV 2	03		30	DH15BV	TT.NH1	Nguyễn Hữu Trúc

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
204750	Rèn nghề BVTV 2	02		30	DH15BV	TT.NH1	Nguyễn Hữu Trúc
204750	Rèn nghề BVTV 2	01		30	DH15BV	TT.NH1	Nguyễn Hữu Trúc
217215	Kỹ thuật phản ứng	02		65	DH14HT	RD402	Đào Ngọc Duy
217215	Kỹ thuật phản ứng	01		65	DH14HD	RD402	Đào Ngọc Duy
207300	Anh văn kỹ thuật	02		65	DH15CK	PV333	Đặng Hữu Dũng
207300	Anh văn kỹ thuật	01		65	DH15CK	PV333	Đặng Hữu Dũng
217506	Công nghệ hóa hương liệu	01		65	DH14HD	RD401	Lê Thị Hồng Nhan
209327	Nông nghiệp đô thị	01		80	DH14QLB	RD305	Phạm Thị Minh Tâm
209327	Nông nghiệp đô thị	02		80	DH14QLA	RD106	Phạm Thị Minh Tâm
211906	Phương pháp nghiên cứu KH	03		75	DH15SM	CT102	Nguyễn Tấn Chung
211906	Phương pháp nghiên cứu KH	02		100	DH15SHB	HD303	Nguyễn Tấn Chung
211906	Phương pháp nghiên cứu KH	01		100	DH15SHA	HD301	Nguyễn Tấn Chung
211906	Phương pháp nghiên cứu KH	01	03	25	DH15SHA	TH.P03	Nguyễn Tấn Chung
211906	Phương pháp nghiên cứu KH	01	04	25	DH15SHA	TH.P04	Nguyễn Tấn Chung
211906	Phương pháp nghiên cứu KH	01	02	25	DH15SHA	TH.P03	Nguyễn Tấn Chung
211906	Phương pháp nghiên cứu KH	01	01	25	DH15SHA	TH.P03	Nguyễn Tấn Chung
211906	Phương pháp nghiên cứu KH	03	01	25	DH15SM	TH.P03	Nguyễn Tấn Chung
211906	Phương pháp nghiên cứu KH	03	02	25	DH15SM	TH.P01	Nguyễn Tấn Chung
211906	Phương pháp nghiên cứu KH	03	03	25	DH15SM	TH.P01	Nguyễn Tấn Chung
211906	Phương pháp nghiên cứu KH	02	02	25	DH15SHB	TH.P03	Nguyễn Tấn Chung
211906	Phương pháp nghiên cứu KH	02	03	25	DH15SHB	TH.P03	Nguyễn Tấn Chung
211906	Phương pháp nghiên cứu KH	02	04	25	DH15SHB	TH.P03	Nguyễn Tấn Chung
211906	Phương pháp nghiên cứu KH	02	01	25	DH15SHB	TH.P03	Nguyễn Tấn Chung
202301	Hóa học đại cương	04		80	DH16GB, DH16GN	RD504	Nguyễn Văn Hiền
202301	Hóa học đại cương	05		95	DH16QM	PV400B	Nguyễn Văn Hiền
202301	Hóa học đại cương	01		80	DH16ES	RD106	Phạm Thị Bích Vân
202301	Hóa học đại cương	03		95	DH16CB	PV400A	Phạm Thị Bích Vân
202301	Hóa học đại cương	06		95	DH16SP	RD103	Nguyễn Vinh Lan
206406	Giáo dục khuyến ngư	01		65	DH14NT	PV319	Võ Thanh Liêm
204915	Báo cáo chuyên đề 6	01		120	DH14NHA	PV100	Nguyễn Văn Phú
204915	Báo cáo chuyên đề 6	02		120	DH14NHB	PV100	Lê Trọng Hiếu
204915	Báo cáo chuyên đề 6	03		120	DH14BV	PV100	Nguyễn Phạm Hồng Lan
207628	Cơ sở kỹ thuật robot	01		80	DH14TD	RD504	Nguyễn Đăng Khoa
207628	Cơ sở kỹ thuật robot	02		80	DH14CD	HD305	Nguyễn Tấn Phúc
207628	Cơ sở kỹ thuật robot	01	03	20	DH14TD	I3.2	Nguyễn Đăng Khoa
207628	Cơ sở kỹ thuật robot	01	01	20	DH14TD	I3.2	Nguyễn Đăng Khoa
207628	Cơ sở kỹ thuật robot	01	02	20	DH14TD	I3.2	Nguyễn Đăng Khoa
207628	Cơ sở kỹ thuật robot	01	04	20	DH14TD	I3.2	Nguyễn Đăng Khoa

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
207628	Cơ sở kỹ thuật robot	02	03	20	DH14CD	I3.1	Nguyễn Tấn Phúc
207628	Cơ sở kỹ thuật robot	02	01	20	DH14CD	I3.1	Nguyễn Tấn Phúc
207628	Cơ sở kỹ thuật robot	02	04	20	DH14CD	I3.1	Nguyễn Tấn Phúc
207628	Cơ sở kỹ thuật robot	02	02	20	DH14CD	I3.1	Nguyễn Tấn Phúc
205305	Mô hình hoá trong QLTNR	01		65	DH14QR	RD502	Nguyễn Minh Cảnh
209302	Đánh giá đất đai	01		65	DH14GI	RD302	Nguyễn Du
202620	Kỹ năng giao tiếp	17		80	DH16NHB	PV223	Võ Thái Dân
202620	Kỹ năng giao tiếp	01		100	DH15CD	CT101	Nguyễn Trọng Thề
202620	Kỹ năng giao tiếp	15		100	DH15GB, DH15GN	PV225	Võ Thái Dân
202620	Kỹ năng giao tiếp	02		95	DH15KN	CT101	Nguyễn Trọng Thề
202620	Kỹ năng giao tiếp	10		120	DH14CT, DH14NY	HD301	Hà Thị Ngọc Thương
202620	Kỹ năng giao tiếp	06		95	DH15NT	PV225	Võ Văn Việt
202620	Kỹ năng giao tiếp	11		95	DH15TD	TV103	Hà Thị Ngọc Thương
202620	Kỹ năng giao tiếp	03		100	DH15CB	CT101	Nguyễn Trọng Thề
202620	Kỹ năng giao tiếp	09		95	DH15SP	PV225	Võ Văn Việt
202620	Kỹ năng giao tiếp	08		95	DH16CH	RD103	Võ Văn Việt
202620	Kỹ năng giao tiếp	16		80	DH16NHA	PV223	Võ Thái Dân
202620	Kỹ năng giao tiếp	07		95	DH16BV	RD104	Võ Văn Việt
202620	Kỹ năng giao tiếp	13		100	DH16CK, DH16TK	HD301	Hà Thị Ngọc Thương
203705	Chăn nuôi gia cầm đại cương	01		80	DH14SP	PV333	Bùi Thị Kim Phụng
202115	Toán cao cấp C2	02		80	DH16QL	TV102	Bùi Đại Nghĩa
202115	Toán cao cấp C2	01		80	DH16QL	TV301	Bùi Đại Nghĩa
202115	Toán cao cấp C2	03		80	DH16QL	RD204	Hà Thị Thảo Trâm
215358	Tập giảng	01		25	DH14SP	RD402	Phạm Quỳnh Trang
215358	Tập giảng	04		25	DH14SP	RD501	Phạm Quỳnh Trang
215358	Tập giảng	03		25	DH14SP	CT101	Phạm Quỳnh Trang
215358	Tập giảng	05		25	DH14SP	RD303	Phạm Quỳnh Trang
215358	Tập giảng	02		25	DH14SP	RD404	Phạm Quỳnh Trang
203410	Sản khoa	02		100	DH14CN	PV400B	Võ Tấn Đại
203410	Sản khoa	03		100	DH14TA	CT102	Võ Tấn Đại
203410	Sản khoa	01		75	DH13DY	RD105	Võ Tấn Đại
203410	Sản khoa	02	04	25	DH14CN	P207	Võ Tấn Đại
203410	Sản khoa	02	02	25	DH14CN	P207	Võ Tấn Đại
203410	Sản khoa	02	01	25	DH14CN	P207	Võ Tấn Đại
203410	Sản khoa	02	03	25	DH14CN	P207	Võ Tấn Đại
203410	Sản khoa	03	01	25	DH14TA	P207	Võ Tấn Đại
203410	Sản khoa	03	03	25	DH14TA	P207	Võ Tấn Đại
203410	Sản khoa	03	02	25	DH14TA	P207	Võ Tấn Đại

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
203410	Sản khoa	03	04	25	DH14TA	P205	Võ Tấn Đại
203410	Sản khoa	01	02	25	DH13DY	P205	Võ Tấn Đại
203410	Sản khoa	01	03	25	DH13DY	P205	Võ Tấn Đại
203410	Sản khoa	01	01	25	DH13DY	P205	Võ Tấn Đại
206301	Bệnh học thủy sản đại cương	02		80	DH14CT	RD403	Võ Văn Tuấn
206301	Bệnh học thủy sản đại cương	01		80	DH15SP	RD403	Võ Văn Tuấn
206514	An toàn lao động trong CBTS	01		80	DH14CT	PV325	Lê Thị Ngọc Hân
217302	Công nghệ hóa sinh và ƯD	01		80	DH15HH	TV101	Vũ Thùy Anh
217302	Công nghệ hóa sinh và ƯD	02		80	DH15HH	RD106	Vũ Thùy Anh
209218	Tài chính đất đai	02		80	DH14QLB	RD105	Nguyễn Lưu Như Quỳnh
209218	Tài chính đất đai	01		65	DH14DC, DH14TB	RD101	Nguyễn Lưu Như Quỳnh
209218	Tài chính đất đai	03		80	DH14QLA	PV335	Nguyễn Lưu Như Quỳnh
213812	Pháp văn 2	03		30	DH16TY	F2	Nguyễn Thị Tuyết Trinh
213812	Pháp văn 2	06		30	DH16DY	F2	Lưu Đình Phúc
213812	Pháp văn 2	05		30	DH16DY	F2	Nguyễn Thị Anh Thư
213812	Pháp văn 2	04		30	DH16TY	F2	Huỳnh Thanh Nhã
203206	Giống động vật I	01		95	DH14SP	PV333	Đoàn Trần Vĩnh Khánh
206207	Kỹ thuật nuôi nhuyễn thể	01		65	DH14NT	PV319	Nguyễn Như Trí
203311	Kỹ thuật xử lý chất thải	01		80	DH14CN	HD204	Dương Nguyên Khang
203311	Kỹ thuật xử lý chất thải	02		80	DH14TA	RD105	Dương Nguyên Khang
210313	Kỹ thuật thực phẩm 2	01		100	DH14VT	CT201	Lê Trung Thiên
210313	Kỹ thuật thực phẩm 2	05		75	DH14DD	RD404	Nguyễn Trung Hậu
210313	Kỹ thuật thực phẩm 2	04		75	DH14DD	RD404	Nguyễn Trung Hậu
210313	Kỹ thuật thực phẩm 2	02		75	DH14BQ	RD403	Lê Trung Thiên
210313	Kỹ thuật thực phẩm 2	05	01	25	DH14DD	BQ02.1	Nguyễn Trung Hậu
210313	Kỹ thuật thực phẩm 2	05	02	25	DH14DD	BQ02.1	Nguyễn Trung Hậu
210313	Kỹ thuật thực phẩm 2	05	03	25	DH14DD	BQ02.1	Nguyễn Trung Hậu
210313	Kỹ thuật thực phẩm 2	02	02	25	DH14BQ	BQ02.1	Lê Trung Thiên
210313	Kỹ thuật thực phẩm 2	02	01	25	DH14BQ	BQ02.1	Lê Trung Thiên
210313	Kỹ thuật thực phẩm 2	02	03	25	DH14BQ	BQ02.1	Lê Trung Thiên
210313	Kỹ thuật thực phẩm 2	01	03	25	DH14VT	BQ02.2	Lê Trung Thiên
210313	Kỹ thuật thực phẩm 2	01	04	25	DH14VT	BQ02.2	Lê Trung Thiên
210313	Kỹ thuật thực phẩm 2	01	01	25	DH14VT	BQ02.1	Lê Trung Thiên
210313	Kỹ thuật thực phẩm 2	01	02	25	DH14VT	BQ02.2	Lê Trung Thiên
210313	Kỹ thuật thực phẩm 2	04	02	25	DH14DD	BQ02.1	Nguyễn Trung Hậu
210313	Kỹ thuật thực phẩm 2	04	01	25	DH14DD	BQ02.1	Nguyễn Trung Hậu
210313	Kỹ thuật thực phẩm 2	04	03	25	DH14DD	BQ02.1	Nguyễn Trung Hậu
211218	Miễn dịch học đại cương	01		75	DH14SHB	HD305	Đinh Xuân Phát

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
211218	Miễn dịch học đại cương	02		75	DH14SHA	CT102	Đinh Xuân Phát
211218	Miễn dịch học đại cương	01	02	25	DH14SHB	SH02	Đinh Xuân Phát
211218	Miễn dịch học đại cương	01	01	25	DH14SHB	SH02	Đinh Xuân Phát
211218	Miễn dịch học đại cương	01	03	25	DH14SHB	SH02	Đinh Xuân Phát
211218	Miễn dịch học đại cương	02	03	25	DH14SHA	SH02	Đinh Xuân Phát
211218	Miễn dịch học đại cương	02	02	25	DH14SHA	SH02	Đinh Xuân Phát
211218	Miễn dịch học đại cương	02	01	25	DH14SHA	SH02	Đinh Xuân Phát
218115	Mô hình hóa bề mặt	01		75	DH15GI	RD502	Nguyễn Duy Liêm
218115	Mô hình hóa bề mặt	01	03	25	DH15GI	TT.MT6	Nguyễn Duy Liêm
218115	Mô hình hóa bề mặt	01	01	25	DH15GI	TT.MT6	Nguyễn Duy Liêm
218115	Mô hình hóa bề mặt	01	02	25	DH15GI	TT.MT6	Nguyễn Duy Liêm
207717	Ôtô sử dụng năng lượng mới	01		80	DH14OT	HD205	Nguyễn Trịnh Nguyên
205112	Thực vật rừng	02		50	DH15NK	RD302	Phan Minh Xuân
205112	Thực vật rừng	03		75	DH15QR	RD302	Phan Minh Xuân
205112	Thực vật rừng	01		50	DH15LN	RD202	Phan Minh Xuân
205112	Thực vật rừng	03	03	25	DH15QR	TT.LN3	Phan Minh Xuân
205112	Thực vật rừng	03	02	25	DH15QR	TT.LN1	Phan Minh Xuân
205112	Thực vật rừng	03	01	25	DH15QR	TT.LN3	Phan Minh Xuân
205112	Thực vật rừng	01	02	25	DH15LN	TT.LN4	Phan Minh Xuân
205112	Thực vật rừng	01	01	25	DH15LN	TT.LN4	Phan Minh Xuân
205112	Thực vật rừng	02	02	25	DH15NK	TT.LN3	Phan Minh Xuân
205112	Thực vật rừng	02	01	25	DH15NK	TT.LN3	Phan Minh Xuân
212522	Quan trắc môi trường	06		25	DH15QM	TT.MT1	Nguyễn Tri Quang Hưng
212522	Quan trắc môi trường	05		25	DH15QM	TT.MT1	Nguyễn Tri Quang Hưng
212522	Quan trắc môi trường	03		25	DH15QM	TT.MT1	Nguyễn Tri Quang Hưng
212522	Quan trắc môi trường	04		25	DH15QM	TT.MT1	Nguyễn Tri Quang Hưng
212522	Quan trắc môi trường	09		25	DH15ES	TT.MT1	Nguyễn Tri Quang Hưng
212522	Quan trắc môi trường	08		25	DH15ES	TT.MT1	Nguyễn Tri Quang Hưng
212522	Quan trắc môi trường	10		25	DH15ES	TT.MT1	Nguyễn Tri Quang Hưng
212522	Quan trắc môi trường	07		25	DH15ES	TT.MT1	Nguyễn Tri Quang Hưng
205810	Họa hình ứng dụng	01		75	DH15GN	HD201	Phạm Ngọc Nam
205810	Họa hình ứng dụng	01	03	25	DH15GN	LN01	Phạm Ngọc Nam
205810	Họa hình ứng dụng	01	01	25	DH15GN	LN01	Phạm Ngọc Nam
205810	Họa hình ứng dụng	01	02	25	DH15GN	LN01	Phạm Ngọc Nam
216115	Phương pháp thí nghiệm	01		100	DH15CH	PV400B	Trương Thị Cẩm Nhung
216115	Phương pháp thí nghiệm	01	03	25	DH15CH	R405	Trương Thị Cẩm Nhung
216115	Phương pháp thí nghiệm	01	04	25	DH15CH	R405	Trương Thị Cẩm Nhung
216115	Phương pháp thí nghiệm	01	01	25	DH15CH	R405	Trương Thị Cẩm Nhung

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
216115	Phương pháp thí nghiệm	01	02	25	DH15CH	R405	Trương Thị Cẩm Nhung
208133	Luật tài chính kế toán	02		100	DH15TC	PV225	Nguyễn Bạch Đằng
208133	Luật tài chính kế toán	01		100	DH15KE	CT202	Nguyễn Bạch Đằng
206306	Bệnh cá (Nuôi trồng TS)	02		75	DH13TY	RD305	Võ Văn Tuấn
206306	Bệnh cá (Nuôi trồng TS)	01		75	DH13DY	RD503	Võ Văn Tuấn
206306	Bệnh cá (Nuôi trồng TS)	02	02	25	DH13TY	P309.1	Truyện Nhã Định Huệ
206306	Bệnh cá (Nuôi trồng TS)	02	01	25	DH13TY	P309.2	Truyện Nhã Định Huệ
206306	Bệnh cá (Nuôi trồng TS)	02	03	25	DH13TY	P309.2	Truyện Nhã Định Huệ
206306	Bệnh cá (Nuôi trồng TS)	01	02	25	DH13DY	P309.1	Truyện Nhã Định Huệ
206306	Bệnh cá (Nuôi trồng TS)	01	01	25	DH13DY	P309.1	Truyện Nhã Định Huệ
206306	Bệnh cá (Nuôi trồng TS)	01	03	25	DH13DY	P309.1	Truyện Nhã Định Huệ
209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	03		30	TINCHI	TT.QL3	Đinh Quang Vinh
209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	02		30	TINCHI	TT.QL6	Đinh Quang Vinh
209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	01		30	TINCHI	TT.QL6	Đinh Quang Vinh
207228	Máy chế biến 2	01		80	DH13CC	HD201	Bùi Ngọc Hùng
214451	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	02		50	DH14DTA	RD301	Nguyễn Thị Minh Hương
214451	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	01		50	DH14DTB	PV219	Trần Quốc Việt
214451	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	02	01	50	DH14DTA	P3	Nguyễn Thị Minh Hương
214451	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	01	01	50	DH14DTB	P1	Trần Quốc Việt
216310	Thiết kế cảnh quan	01		75	DH14TK	HD203	Đỗ Ngọc Nhuận
216310	Thiết kế cảnh quan	02		75	DH14CH	RD403	Đỗ Ngọc Nhuận
216310	Thiết kế cảnh quan	02	01	25	DH14CH	VƯTN	Đỗ Ngọc Nhuận
216310	Thiết kế cảnh quan	02	03	25	DH14CH	VƯTN	Đỗ Ngọc Nhuận
216310	Thiết kế cảnh quan	02	02	25	DH14CH	VƯTN	Đỗ Ngọc Nhuận
216310	Thiết kế cảnh quan	01	01	25	DH14TK	VƯTN	Đỗ Ngọc Nhuận
216310	Thiết kế cảnh quan	01	03	25	DH14TK	TT.MT1	Đỗ Ngọc Nhuận
216310	Thiết kế cảnh quan	01	02	25	DH14TK	TT.MT7	Đỗ Ngọc Nhuận
207122	Vẽ cơ khí	01		65	DH16CC	RD502	Nguyễn Hải Đăng
207122	Vẽ cơ khí	02		65	DH16CK	RD501	Nguyễn Hải Đăng
207122	Vẽ cơ khí	03		65	DH14CD	RD401	Nguyễn Hải Đăng
216112	Phối kết cây xanh	01		75	DH14TK	HD305	Tôn Nữ Gia ái
216112	Phối kết cây xanh	01	01	25	DH14TK	VƯTN	Tôn Nữ Gia ái
216112	Phối kết cây xanh	01	02	25	DH14TK	VƯTN	Tôn Nữ Gia ái
216112	Phối kết cây xanh	01	03	25	DH14TK	VƯTN	Tôn Nữ Gia ái
206501	Dinh dưỡng người	01		100	DH15CT	CT101	Dương Thanh Liêm
208437	Quản trị văn phòng	01		80	DH15QT	TV202	Vũ Thanh Liêm
203504	Giải phẫu bệnh 1	01		100	DH14TYB	CT201	Nguyễn Văn Khanh
203504	Giải phẫu bệnh 1	04		100	DH14TYA	CT202	Nguyễn Văn Khanh

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM						
203504	Giải phẫu bệnh 1	03		80	DH14DY	HD203 Nguyễn Văn Khanh
206420	Pháp luật chuyên ngành TS	01		65	DH14KS	RD401 Lưu Thị Thanh Trúc
216413	Đồ án quy hoạch cảnh quan	01		65	DH14TK	PV315 Đỗ Văn Tâm
204301	Độ phì và phân bón	04		100	DH15NHB	TV101 Lê Trọng Hiếu
204301	Độ phì và phân bón	01		100	DH15BV	PV400B Lê Trọng Hiếu
204301	Độ phì và phân bón	02		100	DH15NHA	HD303 Lê Trọng Hiếu
204301	Độ phì và phân bón	02	04	25	DH15NHA	P103 Lê Trọng Hiếu
204301	Độ phì và phân bón	02	02	25	DH15NHA	P103 Lê Trọng Hiếu
204301	Độ phì và phân bón	02	01	25	DH15NHA	P103 Lê Trọng Hiếu
204301	Độ phì và phân bón	02	03	25	DH15NHA	P103 Lê Trọng Hiếu
204301	Độ phì và phân bón	04	01	25	DH15NHB	P103 Lê Trọng Hiếu
204301	Độ phì và phân bón	04	03	25	DH15NHB	P103 Lê Trọng Hiếu
204301	Độ phì và phân bón	04	02	25	DH15NHB	P103 Lê Trọng Hiếu
204301	Độ phì và phân bón	04	04	25	DH15NHB	P103 Lê Trọng Hiếu
204301	Độ phì và phân bón	01	02	25	DH15BV	P103 Lê Trọng Hiếu
204301	Độ phì và phân bón	01	03	25	DH15BV	P103 Lê Trọng Hiếu
204301	Độ phì và phân bón	01	04	25	DH15BV	P103 Lê Trọng Hiếu
204301	Độ phì và phân bón	01	01	25	DH15BV	P103 Lê Trọng Hiếu
209128	Cơ sở dữ liệu đất đai	03		75	DH14DC	RD304 Trương Đỗ Thùy Linh
209128	Cơ sở dữ liệu đất đai	02		100	DH14QLA	PV335 Trương Đỗ Thùy Linh
209128	Cơ sở dữ liệu đất đai	01		100	DH14QLB	PV335 Trương Đỗ Thùy Linh
209128	Cơ sở dữ liệu đất đai	03	01	25	DH14DC	TT.QL9 Trương Đỗ Thùy Linh
209128	Cơ sở dữ liệu đất đai	03	02	25	DH14DC	TT.QL9 Trương Đỗ Thùy Linh
209128	Cơ sở dữ liệu đất đai	03	03	25	DH14DC	TT.QL1 Trương Đỗ Thùy Linh
209128	Cơ sở dữ liệu đất đai	01	01	25	DH14QLB	TT.QL9 Trương Đỗ Thùy Linh
209128	Cơ sở dữ liệu đất đai	01	04	25	DH14QLB	TT.QL9 Trương Đỗ Thùy Linh
209128	Cơ sở dữ liệu đất đai	01	02	25	DH14QLB	TT.QL1 Trương Đỗ Thùy Linh
209128	Cơ sở dữ liệu đất đai	01	03	25	DH14QLB	TT.QL9 Trương Đỗ Thùy Linh
209128	Cơ sở dữ liệu đất đai	02	02	25	DH14QLA	TT.QL1 Trương Đỗ Thùy Linh
209128	Cơ sở dữ liệu đất đai	02	01	25	DH14QLA	TT.QL1 Trương Đỗ Thùy Linh
209128	Cơ sở dữ liệu đất đai	02	03	25	DH14QLA	TT.QL1 Trương Đỗ Thùy Linh
209128	Cơ sở dữ liệu đất đai	02	04	25	DH14QLA	TT.QL1 Trương Đỗ Thùy Linh
213404	Syntax	03		40	DH14AV	NN203 Phan Thị Lan Anh
213404	Syntax	02		40	DH14AV	NN212 Phan Thị Lan Anh
213404	Syntax	01		40	DH14AV	NN203 Phan Thị Lan Anh
205609	Nguyên lý cắt gọt	01		60	DH15GN	RD102 Đặng Đình Bôi
217223	Quá trình phân riêng	02		75	DH14HT	RD501 Bộ Môn Cnhh Bmcnhh
217223	Quá trình phân riêng	01		75	DH14HD	RD404 Bộ Môn Cnhh Bmcnhh

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
217223	Quá trình phân riêng	02	02	25	DH14HT	I7	Bộ Môn Cnhh Bmcnhh
217223	Quá trình phân riêng	02	03	25	DH14HT	I7	Bộ Môn Cnhh Bmcnhh
217223	Quá trình phân riêng	02	01	25	DH14HT	I7	Bộ Môn Cnhh Bmcnhh
217223	Quá trình phân riêng	01	01	25	DH14HD	I4	Bộ Môn Cnhh Bmcnhh
217223	Quá trình phân riêng	01	03	25	DH14HD	I7	Bộ Môn Cnhh Bmcnhh
217223	Quá trình phân riêng	01	02	25	DH14HD	I4	Bộ Môn Cnhh Bmcnhh
212904	Quản lý MT và PT bền vững	03		80	DH13QM	RD403	Nguyễn Linh Vũ
203209	Truyền tinh truyền phôi	01		125	DH14CN	CT201	Đoàn Trần Vĩnh Khánh
203209	Truyền tinh truyền phôi	02		75	DH14TA	HD201	Đoàn Trần Vĩnh Khánh
203209	Truyền tinh truyền phôi	01	03	25	DH14CN	YDT	Đoàn Trần Vĩnh Khánh
203209	Truyền tinh truyền phôi	01	01	25	DH14CN	YDT	Đoàn Trần Vĩnh Khánh
203209	Truyền tinh truyền phôi	01	05	25	DH14CN	YDT	Đoàn Trần Vĩnh Khánh
203209	Truyền tinh truyền phôi	01	04	25	DH14CN	YDT	Đoàn Trần Vĩnh Khánh
203209	Truyền tinh truyền phôi	01	02	25	DH14CN	TT.TY1	Đoàn Trần Vĩnh Khánh
203209	Truyền tinh truyền phôi	02	03	25	DH14TA	YDT	Đoàn Trần Vĩnh Khánh
203209	Truyền tinh truyền phôi	02	02	25	DH14TA	YDT	Đoàn Trần Vĩnh Khánh
203209	Truyền tinh truyền phôi	02	01	25	DH14TA	YDT	Đoàn Trần Vĩnh Khánh
212336	Cơ chế phát triển sạch	01		80	DH14QM	HD203	Hoàng Bảo Phú
212306	Bơm và trạm bơm	04		90	DH15MT	HD303	Vũ Văn Quang
212306	Bơm và trạm bơm	03		90	DH15MT	HD303	Vũ Văn Quang
212306	Bơm và trạm bơm	02		90	DH14ES	RD103	Vũ Văn Quang
212306	Bơm và trạm bơm	01		90	DH14ES	RD103	Vũ Văn Quang
207605	Kỹ thuật lập trình	06		100	DH15CC	PV335	Nguyễn Đăng Khoa
207605	Kỹ thuật lập trình	02		80	DH15OT	TV301	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207605	Kỹ thuật lập trình	01		100	DH15CD	CT201	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207605	Kỹ thuật lập trình	07		40	DH14CD	RD401	Nguyễn Đăng Khoa
207605	Kỹ thuật lập trình	04		75	DH15TD	CT101	Nguyễn Đăng Khoa
207605	Kỹ thuật lập trình	07	02	20	DH14CD	P331	Nguyễn Đăng Khoa
207605	Kỹ thuật lập trình	07	01	20	DH14CD	P331	Nguyễn Đăng Khoa
207605	Kỹ thuật lập trình	06	05	20	DH15CC	P331	Nguyễn Đăng Khoa
207605	Kỹ thuật lập trình	06	02	20	DH15CC, DH15CK	P331	Nguyễn Đăng Khoa
207605	Kỹ thuật lập trình	06	01	20	DH15CC, DH15CK	P331	Nguyễn Đăng Khoa
207605	Kỹ thuật lập trình	06	03	20	DH15CC, DH15CK	P331	Nguyễn Đăng Khoa
207605	Kỹ thuật lập trình	06	04	20	DH15CC, DH15CK	P331	Nguyễn Đăng Khoa
207605	Kỹ thuật lập trình	04	01	25	DH15TD	P331	Nguyễn Đăng Khoa
207605	Kỹ thuật lập trình	04	03	25	DH15TD	P331	Nguyễn Đăng Khoa
207605	Kỹ thuật lập trình	04	02	25	DH15TD	P331	Nguyễn Đăng Khoa
207605	Kỹ thuật lập trình	02	04	20	DH15OT	P331	Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
207605	Kỹ thuật lập trình	02	01	20	DH15OT	P331	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207605	Kỹ thuật lập trình	02	02	20	DH15OT	P331	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207605	Kỹ thuật lập trình	02	03	20	DH15OT	P331	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207605	Kỹ thuật lập trình	01	04	20	DH15CD, DH15NL	P331	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207605	Kỹ thuật lập trình	01	02	20	DH15CD, DH15NL	P331	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207605	Kỹ thuật lập trình	01	03	20	DH15CD, DH15NL	P331	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207605	Kỹ thuật lập trình	01	05	20	DH15CD	P331	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207605	Kỹ thuật lập trình	01	01	20	DH15CD, DH15NL	P331	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
212207	Hóa lý	01		65	DH15GB	RD302	Huỳnh Tấn Nhựt
205823	Thiết kế sản phẩm NT	02		50	DH14GN	RD301	Phạm Ngọc Nam
205823	Thiết kế sản phẩm NT	01		75	DH14CB	HD201	Phạm Ngọc Nam
205823	Thiết kế sản phẩm NT	01	01	25	DH14CB	LN04	Phạm Ngọc Nam
205823	Thiết kế sản phẩm NT	01	03	25	DH14CB	LN04	Phạm Ngọc Nam
205823	Thiết kế sản phẩm NT	01	02	25	DH14CB	LN04	Phạm Ngọc Nam
205823	Thiết kế sản phẩm NT	02	02	25	DH14GN	LN04	Phạm Ngọc Nam
205823	Thiết kế sản phẩm NT	02	01	25	DH14GN	LN04	Phạm Ngọc Nam
202302	Hoá phân tích	02		65	DH16NY	RD501	Nguyễn Thị Thanh Thúy
202302	Hoá phân tích	06		80	DH16CN	RD503	Nguyễn Thị Thanh Thúy
202302	Hoá phân tích	03		65	DH16CT	RD403	Nguyễn Thị Thanh Thúy
202302	Hoá phân tích	05		80	DH16CN	HD301	Nguyễn Thị Thanh Thúy
202302	Hoá phân tích	01		65	DH16NT	HD201	Nguyễn Thị Thanh Thúy
205312	Quy hoạch và điều chế rừng	01		50	DH14LN	RD502	Nguyễn Minh Cảnh
205312	Quy hoạch và điều chế rừng	01	02	25	DH14LN	TT.LN1	Nguyễn Minh Cảnh
205312	Quy hoạch và điều chế rừng	01	01	25	DH14LN	TT.LN2	Nguyễn Minh Cảnh
205548	Công nghệ trang sức bề mặt gỗ	01		60	DH14GN	PV219	Hoàng Thị Thanh Hương
205111	Sinh thái rừng	02		75	DH15NK	HD202	Nguyễn Văn Thêm
205111	Sinh thái rừng	01		50	DH15LN	RD202	Nguyễn Văn Thêm
205111	Sinh thái rừng	03		50	DH15QR	RD202	Nguyễn Văn Thêm
205111	Sinh thái rừng	02	01	25	DH15NK	TT.LN1	Nguyễn Văn Thêm
205111	Sinh thái rừng	02	02	25	DH15NK	TT.LN3	Nguyễn Văn Thêm
205111	Sinh thái rừng	02	03	25	DH15NK	TT.LN3	Nguyễn Văn Thêm
205111	Sinh thái rừng	03	02	25	DH15QR	TT.LN3	Nguyễn Văn Thêm
205111	Sinh thái rừng	03	01	25	DH15QR	TT.LN1	Nguyễn Văn Thêm
205111	Sinh thái rừng	01	01	25	DH15LN	TT.LN1	Nguyễn Văn Thêm
205111	Sinh thái rừng	01	02	25	DH15LN	TT.LN4	Nguyễn Văn Thêm
203915	Phương pháp nghiên cứu KH	01		100	DH15DY	TV302	Chế Minh Tùng
203915	Phương pháp nghiên cứu KH	04		100	DH15TA	CT202	Chế Minh Tùng
203915	Phương pháp nghiên cứu KH	03		100	DH15CN	PV335	Chế Minh Tùng

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
203915	Phương pháp nghiên cứu KH	02		100	DH15TY	PV323	Chế Minh Tùng
210512	Quản lý Chất lượng trong CNTP	03		100	DH14DD	CT202	Nguyễn Anh Trinh
210512	Quản lý Chất lượng trong CNTP	01		100	DH14VT	PV325	Nguyễn Anh Trinh
210512	Quản lý Chất lượng trong CNTP	02		100	DH14BQ	PV400A	Nguyễn Anh Trinh
212506	Đồ án QL chất thải nguy hại	01		80	DH14QM	TT.MT4	Nguyễn Huy Vũ
212332	Mạng lưới cấp nước	02		80	DH14ES	RD503	Vũ Văn Quang
212332	Mạng lưới cấp nước	01		80	DH14ES	RD503	Vũ Văn Quang
206503	Vi sinh thực phẩm thủy sản	01		100	DH15CT	CT102	Nguyễn Hoàng Nam Kha
206503	Vi sinh thực phẩm thủy sản	01	04	25	DH15CT	P301	Võ Thị Thanh Bình
206503	Vi sinh thực phẩm thủy sản	01	01	25	DH15CT	P301	Võ Thị Thanh Bình
206503	Vi sinh thực phẩm thủy sản	01	02	25	DH15CT	P301.1	Võ Thị Thanh Bình
206503	Vi sinh thực phẩm thủy sản	01	03	25	DH15CT	P301	Võ Thị Thanh Bình
204425	Thực tập cơ sở 2	03		150	DH15NHB	TT.NH1	Nguyễn Văn Phú
204425	Thực tập cơ sở 2	01		150	DH15NHA	TT.NH1	Nguyễn Văn Phú
202416	Thực vật học và phân loại TV	07		110	DH16CH	CT202	Trần Thị Thanh Hương
202416	Thực vật học và phân loại TV	06		80	DH15NHB	RD203	Trần Thị Thanh Hương
202416	Thực vật học và phân loại TV	02		80	DH15BV	RD503	Trần Thị Thanh Hương
202416	Thực vật học và phân loại TV	08		80	DH15SP	RD106	Trần Thị Thanh Hương
202416	Thực vật học và phân loại TV	03		80	DH15NHA	TV202	Trần Thị Thanh Hương
202416	Thực vật học và phân loại TV	04		120	DH15QR, DH16TK	PV323	Trần Thị Thanh Hương
202416	Thực vật học và phân loại TV	05		120	DH15LN, DH15NK	PV323	Trần Thị Thanh Hương
202502	Giáo dục thể chất 2*	69		50	DH16QM	NTD2	Lê Mạnh Cường
202502	Giáo dục thể chất 2*	75		50	DH16SP	NTD1	Lê Mạnh Cường
202502	Giáo dục thể chất 2*	48		50	DH16DD	NTD1	Nguyễn Đình Trường
202502	Giáo dục thể chất 2*	10		50	DH16SH	NTD2	Bùi Minh Tâm
202502	Giáo dục thể chất 2*	44		50	DH16CH	NTD1	Phan Hoàng Vũ
202502	Giáo dục thể chất 2*	29		50	DH16CC	NTD10	Bùi Minh Tâm
202502	Giáo dục thể chất 2*	79		50	DH16TY	NTD8	Nguyễn Bá Toàn
202502	Giáo dục thể chất 2*	77		50	DH16TA	NTD6	Nguyễn Lưu Nguyễn
202502	Giáo dục thể chất 2*	27		50	DH16KM	NTD7	Phan Hoàng Vũ
202502	Giáo dục thể chất 2*	01		50	DH16QR	NTD1	Phan Hoàng Vũ
202502	Giáo dục thể chất 2*	54		50	DH16DTB	NTD1	Nguyễn Đình Trường
202502	Giáo dục thể chất 2*	81		50	DH16TY	NTD1	Lê Mạnh Cường
202502	Giáo dục thể chất 2*	16		50	DH16SM	NTD6	Phan Hoàng Vũ
202502	Giáo dục thể chất 2*	19		50	DH16KN	NTD7	Lê Mạnh Cường
202502	Giáo dục thể chất 2*	20		50	DH16NL	NTD9	Bùi Minh Tâm
202502	Giáo dục thể chất 2*	67		50	DH16QL	NTD10	Nguyễn Bá Toàn
202502	Giáo dục thể chất 2*	32		50	DH16PT	NTD7	Nguyễn Lưu Nguyễn

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
202502	Giáo dục thể chất 2*	43		50	DH16CH	NTD6	Nguyễn Bá Toàn
202502	Giáo dục thể chất 2*	25		50	DH16TD	NTD10	Nguyễn Bá Toàn
202502	Giáo dục thể chất 2*	74		50	DH16QT	NTD8	Phan Hoàng Vũ
202502	Giáo dục thể chất 2*	39		50	DH16BQ	NTD7	Lê Mạnh Cường
202502	Giáo dục thể chất 2*	78		50	DH16TA	NTD7	Nguyễn Đình Trường
202502	Giáo dục thể chất 2*	68		50	DH16QL	NTD8	Phan Hoàng Vũ
202502	Giáo dục thể chất 2*	42		50	DH16CB	NTD1	Nguyễn Đình Trường
202502	Giáo dục thể chất 2*	53		50	DH16DTB	NTD6	Nguyễn Lưu Nguyễn
202502	Giáo dục thể chất 2*	85		50	DH16VT	NTD9	Nguyễn Bá Toàn
202502	Giáo dục thể chất 2*	83		50	DH16VT	NTD8	Nguyễn Lưu Nguyễn
202502	Giáo dục thể chất 2*	41		50	DH16CB	NTD6	Nguyễn Lưu Nguyễn
202502	Giáo dục thể chất 2*	72		50	DH16QT	NTD1	Nguyễn Đình Trường
202502	Giáo dục thể chất 2*	60		50	DH16KE	NTD8	Nguyễn Đình Trường
202502	Giáo dục thể chất 2*	02		50	DH16ES	NTD10	Lê Mạnh Cường
202502	Giáo dục thể chất 2*	37		50	DH16AV	NTD6	Nguyễn Bá Toàn
202502	Giáo dục thể chất 2*	40		50	DH16BQ	NTD6	Bùi Minh Tâm
202502	Giáo dục thể chất 2*	61		50	DH16KT	NTD6	Nguyễn Bá Toàn
202502	Giáo dục thể chất 2*	62		50	DH16KT	NTD7	Phan Hoàng Vũ
202502	Giáo dục thể chất 2*	46		50	DH16CN	NTD7	Bùi Minh Tâm
202502	Giáo dục thể chất 2*	80		50	DH16TY	NTD9	Phan Hoàng Vũ
202502	Giáo dục thể chất 2*	13		50	DH16OT	NTD7	Nguyễn Đình Trường
202502	Giáo dục thể chất 2*	49		50	DH16DD	NTD10	Nguyễn Bá Toàn
202502	Giáo dục thể chất 2*	71		50	DH16QT	NTD6	Nguyễn Lưu Nguyễn
202502	Giáo dục thể chất 2*	57		50	DH16HH	NTD1	Lê Mạnh Cường
202502	Giáo dục thể chất 2*	50		50	DH16DTC	NTD6	Phan Hoàng Vũ
202502	Giáo dục thể chất 2*	28		50	DH16GB	NTD7	Lê Mạnh Cường
202502	Giáo dục thể chất 2*	65		50	DH16MT	NTD10	Nguyễn Lưu Nguyễn
202502	Giáo dục thể chất 2*	14		50	DH16TK	NTD10	Nguyễn Bá Toàn
202502	Giáo dục thể chất 2*	66		50	DH16QL	NTD10	Nguyễn Đình Trường
202502	Giáo dục thể chất 2*	47		50	DH16CN	NTD8	Nguyễn Lưu Nguyễn
202502	Giáo dục thể chất 2*	12		50	DH16LN	NTD6	Nguyễn Lưu Nguyễn
202502	Giáo dục thể chất 2*	64		50	DH16MT	NTD10	Bùi Minh Tâm
202502	Giáo dục thể chất 2*	34		50	DH16CK	NTD2	Nguyễn Đình Trường
202502	Giáo dục thể chất 2*	21		50	DH16GN	NTD6	Nguyễn Lưu Nguyễn
202502	Giáo dục thể chất 2*	51		50	DH16DTA	NTD10	Lê Mạnh Cường
202502	Giáo dục thể chất 2*	82		50	DH16TY	NTD7	Bùi Minh Tâm
202502	Giáo dục thể chất 2*	55		50	DH16HH	NTD10	Nguyễn Bá Toàn
202502	Giáo dục thể chất 2*	45		50	DH16CN	NTD9	Lê Mạnh Cường

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:				https://goo.gl/L4sVOM			
202502	Giáo dục thể chất 2*	56		50	DH16HH	NTD10	Phan Hoàng Vũ
202502	Giáo dục thể chất 2*	05		50	DH16CD	NTD6	Nguyễn Lưu Nguyễn
202502	Giáo dục thể chất 2*	84		50	DH16VT	NTD9	Nguyễn Đình Trường
202502	Giáo dục thể chất 2*	76		50	DH16SP	NTD10	Bùi Minh Tâm
202502	Giáo dục thể chất 2*	70		50	DH16QM	NTD2	Bùi Minh Tâm
202502	Giáo dục thể chất 2*	24		50	DH16DY	NTD1	Nguyễn Đình Trường
202502	Giáo dục thể chất 2*	58		50	DH16KE	NTD7	Bùi Minh Tâm
202502	Giáo dục thể chất 2*	59		50	DH16KE	NTD8	Nguyễn Lưu Nguyễn
202502	Giáo dục thể chất 2*	73		50	DH16QT	NTD10	Nguyễn Bá Toàn
202502	Giáo dục thể chất 2*	63		50	DH16KT	NTD10	Lê Mạnh Cường
202502	Giáo dục thể chất 2*	52		50	DH16DTA	NTD7	Bùi Minh Tâm
202502	Giáo dục thể chất 2*	38		50	DH16AV	NTD7	Phan Hoàng Vũ
210209	Phụ gia thực phẩm	02		100	DH14VT	PV400B	Ngô Thị Ty Na
210209	Phụ gia thực phẩm	03		80	DH15BQ	RD305	Ngô Thị Ty Na
210209	Phụ gia thực phẩm	01		100	DH15DD	HD301	Ngô Thị Ty Na
218109	Phân tích không gian 1	01		50	DH14GI	RD502	Nguyễn Duy Liêm
218109	Phân tích không gian 1	01	01	25	DH14GI	R405	Nguyễn Duy Liêm
218109	Phân tích không gian 1	01	02	25	DH14GI	R405	Nguyễn Duy Liêm
208354	ứng dụng tin học trong kế toán	01		50	DH13KE	PV319	Bùi Công Luận
208354	ứng dụng tin học trong kế toán	01	01	25	DH13KE	I6	Bùi Công Luận
208354	ứng dụng tin học trong kế toán	01	02	25	DH13KE	I6	Bùi Công Luận
207510	Điện tử công suất	01		40	DH13CD	RD402	Lê Quang Hiền
207510	Điện tử công suất	01	02	20	DH13CD	R205.1	Lê Quang Hiền
207510	Điện tử công suất	01	01	20	DH13CD	R205.1	Lê Quang Hiền
204537	Thực tập giáo trình 1	02		120	DH14NHB	TT.NH2	Trần Văn Bình
204537	Thực tập giáo trình 1	01		120	DH14NHA	TT.NH1	Nguyễn Đức Xuân Chương
213907	Tổng hợp thực hành tiếng	02		35	DH13AV	NN203	Nguyễn Thị Kim An
213907	Tổng hợp thực hành tiếng	03		35	DH13AV	NN205	Lê Thị Tiểu Phượng
213907	Tổng hợp thực hành tiếng	04		35	DH13AV	NN212	Nguyễn Thị Kim An
213907	Tổng hợp thực hành tiếng	01		35	DH13AV	NN203	Huỳnh Trung Chánh
206524	Quản lý chất lượng trong CBTS	02		80	DH14CT	PV337	Nguyễn Thùy Linh
206524	Quản lý chất lượng trong CBTS	01		65	DH14KS	RD102	Nguyễn Thùy Linh
217303	Tổng hợp hóa hữu cơ ứng dụng	01		80	DH15HH	CT102	Tổng Thành Danh
209133	Quản lý hồ sơ địa chính	04		75	DH14QD	RD304	Trương Đỗ Thùy Linh
209133	Quản lý hồ sơ địa chính	01		100	DH14QLB	PV225	Trương Đỗ Thùy Linh
209133	Quản lý hồ sơ địa chính	02		100	DH14QLA	PV225	Trương Đỗ Thùy Linh
209133	Quản lý hồ sơ địa chính	03		75	DH14DC	RD203	Trương Đỗ Thùy Linh
212611	Du lịch sinh thái	01		65	DH14DL	RD401	Nguyễn Thiện Thanh

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
212905	QL Môi trường & Tài nguyên	01		65	DH13DL	RD401	Hoàng Thị Thủy
209141	Viễn thám	01		100	DH14QLB	PV323	Nguyễn Văn Tân
209141	Viễn thám	04		75	DH14QD	PV333	Nguyễn Văn Tân
209141	Viễn thám	03		75	DH14DC	PV333	Nguyễn Văn Tân
209141	Viễn thám	02		100	DH14QLA	PV323	Nguyễn Văn Tân
209141	Viễn thám	04	01	25	DH14QD	TT.QL8	Nguyễn Văn Tân
209141	Viễn thám	04	02	25	DH14QD	TT.QL8	Nguyễn Văn Tân
209141	Viễn thám	04	03	25	DH14QD	TT.QL8	Nguyễn Văn Tân
209141	Viễn thám	01	02	25	DH14QLB	TT.QL8	Nguyễn Văn Tân
209141	Viễn thám	01	03	25	DH14QLB	TT.QL8	Nguyễn Văn Tân
209141	Viễn thám	01	04	25	DH14QLB	TT.QL8	Nguyễn Văn Tân
209141	Viễn thám	01	01	25	DH14QLB	TT.QL8	Nguyễn Văn Tân
209141	Viễn thám	03	01	25	DH14DC	TT.QL8	Nguyễn Văn Tân
209141	Viễn thám	03	02	25	DH14DC	TT.QL8	Nguyễn Văn Tân
209141	Viễn thám	03	03	25	DH14DC	TT.QL8	Nguyễn Văn Tân
209141	Viễn thám	02	02	25	DH14QLA	TT.QL8	Nguyễn Văn Tân
209141	Viễn thám	02	03	25	DH14QLA	TT.QL8	Nguyễn Văn Tân
209141	Viễn thám	02	04	25	DH14QLA	TT.QL8	Nguyễn Văn Tân
209141	Viễn thám	02	01	25	DH14QLA	TT.QL8	Nguyễn Văn Tân
207121	Vật liệu và công nghệ kim loại	03		80	DH15CK	RD503	Phạm Quang Thắng
207121	Vật liệu và công nghệ kim loại	01		80	DH15OT	RD503	Nguyễn Thanh Phong
207121	Vật liệu và công nghệ kim loại	02		80	DH16NL	RD203	Phạm Quang Thắng
204911	Báo cáo chuyên đề 2	02		120	DH16BV	PV100	Phạm Thị Thuỳ Dương
204911	Báo cáo chuyên đề 2	04		80	DH16NHB	PV100	Phan Hải Văn
204911	Báo cáo chuyên đề 2	03		80	DH16NHA	PV100	Nguyễn Thị ái Hà
212490	Độc chất học MT căn bản	01		100	DH15KM	RD103	Lê Quốc Tuấn
212490	Độc chất học MT căn bản	01	02	25	DH15KM	KMT.1	Lê Quốc Tuấn
212490	Độc chất học MT căn bản	01	01	25	DH15KM	KMT.1	Lê Quốc Tuấn
212490	Độc chất học MT căn bản	01	04	25	DH15KM	KMT.1	Lê Quốc Tuấn
212490	Độc chất học MT căn bản	01	03	25	DH15KM	KMT.1	Lê Quốc Tuấn
217108	Phương pháp PTTP hoá lý	02		100	DH15HH	PV323	Bộ Môn Cnhh Bmcnhh
217108	Phương pháp PTTP hoá lý	01		100	DH15HH	PV323	Bộ Môn Cnhh Bmcnhh
217108	Phương pháp PTTP hoá lý	02	01	25	DH15HH	TT.HH3	Bộ Môn Cnhh Bmcnhh
217108	Phương pháp PTTP hoá lý	02	04	25	DH15HH	TT.HH3	Bộ Môn Cnhh Bmcnhh
217108	Phương pháp PTTP hoá lý	02	03	25	DH15HH	TT.HH3	Bộ Môn Cnhh Bmcnhh
217108	Phương pháp PTTP hoá lý	02	02	25	DH15HH	TT.HH3	Bộ Môn Cnhh Bmcnhh
217108	Phương pháp PTTP hoá lý	01	02	25	DH15HH	I7	Bộ Môn Cnhh Bmcnhh
217108	Phương pháp PTTP hoá lý	01	01	25	DH15HH	I7	Bộ Môn Cnhh Bmcnhh

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
217108	Phương pháp PTTP hoá lý	01	04	25	DH15HH	I4	Bộ Môn Cnhh Bmcnhh
217108	Phương pháp PTTP hoá lý	01	03	25	DH15HH	I4	Bộ Môn Cnhh Bmcnhh
209405	Quản lý hành chính về đất đai	03		80	DH15QD	PV335	Lê Mộng Triết
209405	Quản lý hành chính về đất đai	02		100	DH15QLA	PV323	Lê Mộng Triết
209405	Quản lý hành chính về đất đai	01		80	DH15DC, DH15TB	PV335	Lê Mộng Triết
209405	Quản lý hành chính về đất đai	04		100	DH15QLB	PV323	Lê Mộng Triết
205407	Lâm sản ngoài gỗ	01		60	DH14NK, DH15LN	RD202	Nguyễn Quốc Bình
215355	Rèn nghề nông học	01		75	DH14SP	TT.NH2	Khoa Quản Lý Khoa Nn
205322	Điều tra và GS Carbon rừng	01		50	DH14QR	RD101	Viên Ngọc Nam
205322	Điều tra và GS Carbon rừng	01	01	25	DH14QR	TT.LN3	Viên Ngọc Nam
205322	Điều tra và GS Carbon rừng	01	02	25	DH14QR	TT.LN2	Viên Ngọc Nam
212508	Hoạch định chiến lược BVMT	04		80	DH13QM	RD305	Nguyễn Huy Vũ
214286	Chuyên đề Java	01		100	DH13DT	CT101	Phạm Văn Tính
214286	Chuyên đề Java	01	02	50	DH13DT	P1	Phạm Văn Tính
214286	Chuyên đề Java	01	01	50	DH13DT	P1	Phạm Văn Tính
206318	Chẩn đoán bệnh thủy sản	01		75	DH14NY	RD305	Hồ Thị Trường Thy
206318	Chẩn đoán bệnh thủy sản	01	01	25	DH14NY	P309.2	Hồ Thị Trường Thy
206318	Chẩn đoán bệnh thủy sản	01	02	25	DH14NY	P309.2	Hồ Thị Trường Thy
206318	Chẩn đoán bệnh thủy sản	01	03	25	DH14NY	P309.2	Hồ Thị Trường Thy
207625	Đồ án Robot	02		20	DH13CD	CNC.3	Nguyễn Đăng Khoa
207625	Đồ án Robot	01		20	DH13CD	CNC.3	Nguyễn Đăng Khoa
207625	Đồ án Robot	03		20	DH13CD	CNC.1	Nguyễn Đăng Khoa
211516	Công nghệ xử lý khí thải	01		65	DH14SM	RD502	Bùi Quang Mạnh Anh
215359	Phương pháp đánh giá trong GD	01		75	DH14SP	TV302	Hà Thị Ngọc Thương
215359	Phương pháp đánh giá trong GD	02		75	DH14SP	TV103	Hà Thị Ngọc Thương
215359	Phương pháp đánh giá trong GD	01	01	65	DH14SP	RD102	Hà Thị Ngọc Thương
215359	Phương pháp đánh giá trong GD	01	03	65	DH14SP	RD101	Hà Thị Ngọc Thương
215359	Phương pháp đánh giá trong GD	01	02	65	DH14SP	RD101	Hà Thị Ngọc Thương
215359	Phương pháp đánh giá trong GD	02	03	65	DH14SP	RD102	Hà Thị Ngọc Thương
215359	Phương pháp đánh giá trong GD	02	02	65	DH14SP	RD101	Hà Thị Ngọc Thương
215359	Phương pháp đánh giá trong GD	02	01	65	DH14SP	RD101	Hà Thị Ngọc Thương
207406	Lò hơi công nghiệp	01		65	DH14NL	RD201	Nguyễn Văn Lành
203465	Dinh dưỡng động vật	02		100	DH14TA	RD103	Dương Duy Đồng
203465	Dinh dưỡng động vật	01		100	DH14CN	CT201	Ngô Hồng Phượng
203465	Dinh dưỡng động vật	03		80	DH14SP	RD105	Nguyễn Văn Hiệp
217209	Quá trình cơ học	01		100	DH15HH	RD104	Trương Vĩnh
217209	Quá trình cơ học	02		75	DH15HH	RD403	Đào Ngọc Duy
217209	Quá trình cơ học	01	02	25	DH15HH	I4	Trương Vĩnh

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
217209	Quá trình cơ học	01	04	25	DH15HH	I4	Trương Vĩnh
217209	Quá trình cơ học	01	01	25	DH15HH	I4	Trương Vĩnh
217209	Quá trình cơ học	01	03	25	DH15HH	I4	Trương Vĩnh
217209	Quá trình cơ học	02	02	25	DH15HH	I4	Đào Ngọc Duy
217209	Quá trình cơ học	02	03	25	DH15HH	I4	Đào Ngọc Duy
217209	Quá trình cơ học	02	01	25	DH15HH	I4	Đào Ngọc Duy
204419	Cây lương thực 1	01		75	DH14SP	RD503	Nguyễn Văn Phú
204419	Cây lương thực 1	02		75	DH14SP	RD204	Nguyễn Văn Phú
204419	Cây lương thực 1	01	01	25	DH14SP	P113.1	Nguyễn Văn Phú
204419	Cây lương thực 1	01	02	25	DH14SP	P113.1	Nguyễn Văn Phú
204419	Cây lương thực 1	01	03	25	DH14SP	P113.1	Nguyễn Văn Phú
204419	Cây lương thực 1	02	02	25	DH14SP	P113.1	Nguyễn Văn Phú
204419	Cây lương thực 1	02	03	25	DH14SP	P113.1	Nguyễn Văn Phú
204419	Cây lương thực 1	02	01	25	DH14SP	P113.1	Nguyễn Văn Phú
208128	Kinh tế nguồn nhân lực	01		80	DH15KM	PV325	Thái Anh Hòa
215345	Giáo dục học	01		140	DH15SP	TV101	Võ Văn Việt
211503	Kỹ thuật sắc ký nâng cao	01		25	DH14SM	SH03	Phùng Võ Cẩm Hồng
211503	Kỹ thuật sắc ký nâng cao	02		25	DH14SM	SH03	Phùng Võ Cẩm Hồng
204517	Cây CNDN 1a (Cao su+Dừa)	01		80	DH14SP	RD106	Trần Văn Lợt
204517	Cây CNDN 1a (Cao su+Dừa)	02		80	DH14SP	RD305	Nguyễn Đức Xuân Chương
208454	Quản trị doanh nghiệp	01		80	DH14SP	HD205	Mai Hoàng Giang
208454	Quản trị doanh nghiệp	02		80	DH15KE	CT202	Mai Hoàng Giang
203307	Ngoại khoa	01		75	DH13TY	PV227	Lê Quang Thông
203307	Ngoại khoa	02		75	DH13TY	PV227	Lê Quang Thông
203307	Ngoại khoa	02	02	25	DH13TY	YNKHOA	Lê Quang Thông
203307	Ngoại khoa	02	03	25	DH13TY	YNKHOA	Lê Quang Thông
203307	Ngoại khoa	02	01	25	DH13TY	YNKHOA	Lê Quang Thông
203307	Ngoại khoa	01	01	25	DH13TY	YNKHOA	Lê Quang Thông
203307	Ngoại khoa	01	02	25	DH13TY	YNKHOA	Lê Quang Thông
203307	Ngoại khoa	01	03	25	DH13TY	YNKHOA	Lê Quang Thông
212504	Luật & chính sách Môi trường	01		65	DH14DL	TV103	Nguyễn Vinh Quy
207424	Thiết bị sấy	01		80	DH13NL	HD305	Lê Anh Đức
208126	Kinh tế sản xuất	01		65	DH14KT	RD202	Lê Văn Lạng
205616	ATLĐ và BVMT công nghiệp	01		60	DH14GN	RD402	Hoàng Văn Hòa
213802	Tiếng Pháp 2	03		40	DH15AV	F2	Huỳnh Thanh Nhã
213802	Tiếng Pháp 2	04		40	DH15AV	F2	Nguyễn Thị Anh Thư
213802	Tiếng Pháp 2	01		40	DH15AV	F2	Huỳnh Thanh Nhã
213802	Tiếng Pháp 2	02		40	DH15AV	F2	Nguyễn Thị Anh Thư

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
209318	Đô thị học	01		80	DH14QD	PV223	Võ Văn Việt
207117	AutoCAD	02		75	DH15OT	RD301	Nguyễn Hải Đăng
207117	AutoCAD	05		80	DH15CK	RD303	Nguyễn Văn Lành
207117	AutoCAD	03		75	DH15NL	CT201	Nguyễn Hải Đăng
207117	AutoCAD	04		80	DH15TD	RD303	Nguyễn Văn Lành
207117	AutoCAD	01		80	DH15CD	HD305	Nguyễn Hải Đăng
207117	AutoCAD	02	02	25	DH15OT	P331	Nguyễn Hải Đăng
207117	AutoCAD	02	03	25	DH15OT	P331	Nguyễn Hải Đăng
207117	AutoCAD	02	01	25	DH15OT	P331	Nguyễn Hải Đăng
207117	AutoCAD	05	04	20	DH15CK	P331	Nguyễn Văn Lành
207117	AutoCAD	05	02	20	DH15CK	P331	Nguyễn Văn Lành
207117	AutoCAD	05	03	20	DH15CK	P331	Nguyễn Văn Lành
207117	AutoCAD	05	01	20	DH15CK	P331	Nguyễn Văn Lành
207117	AutoCAD	03	02	25	DH15NL	P331	Nguyễn Hải Đăng
207117	AutoCAD	03	03	25	DH15NL	P331	Nguyễn Hải Đăng
207117	AutoCAD	03	01	25	DH15NL	P331	Nguyễn Hải Đăng
207117	AutoCAD	04	04	20	DH15TD	P331	Nguyễn Văn Lành
207117	AutoCAD	04	01	20	DH15TD	P331	Nguyễn Văn Lành
207117	AutoCAD	04	03	20	DH15TD	P331	Nguyễn Văn Lành
207117	AutoCAD	04	02	20	DH15TD	P331	Nguyễn Văn Lành
207117	AutoCAD	01	02	20	DH15CD	P331	Nguyễn Hải Đăng
207117	AutoCAD	01	04	20	DH15CD	P331	Nguyễn Hải Đăng
207117	AutoCAD	01	03	20	DH15CD	P331	Nguyễn Hải Đăng
207117	AutoCAD	01	01	20	DH15CD	P331	Nguyễn Hải Đăng
203304	Bảo quản chế biến súc sản	02		80	DH13TY	RD204	Lê Thanh Hiền
203304	Bảo quản chế biến súc sản	01		80	DH13TY	RD200	Lê Thanh Hiền
203420	Chẩn đoán phòng thí nghiệm	02		75	DH13TY	PV227	Nguyễn Tất Toàn
203420	Chẩn đoán phòng thí nghiệm	01		75	DH13DY	PV227	Nguyễn Tất Toàn
203420	Chẩn đoán phòng thí nghiệm	01	01	25	DH13DY	P205	Nguyễn Tất Toàn
203420	Chẩn đoán phòng thí nghiệm	01	02	25	DH13DY	P205	Nguyễn Tất Toàn
203420	Chẩn đoán phòng thí nghiệm	01	03	25	DH13DY	P205	Nguyễn Tất Toàn
203420	Chẩn đoán phòng thí nghiệm	02	01	25	DH13TY	P205	Nguyễn Tất Toàn
203420	Chẩn đoán phòng thí nghiệm	02	03	25	DH13TY	P205	Nguyễn Tất Toàn
203420	Chẩn đoán phòng thí nghiệm	02	02	25	DH13TY	P205	Nguyễn Tất Toàn
216308	Quản lý dự án cảnh quan	02		80	DH15TK	RD106	Dương Thị Mỹ Tiên
216308	Quản lý dự án cảnh quan	01		80	DH15CH	RD200	Dương Thị Mỹ Tiên
204920	Quan hệ công chúng	03		80	DH16NHA	PV223	Võ Thái Dân
204920	Quan hệ công chúng	04		80	DH16NHB	PV223	Võ Thái Dân

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:				https://goo.gl/L4sVOM			
204920	Quan hệ công chúng	02		80	DH16BV	PV223	Võ Thái Dân
203559	Giống động vật 2	01		110	DH14CN	CT201	Nguyễn Quốc Tuấn
202622	Pháp luật đại cương	18		140	DH16CH	TV302	Lê Hoài Ninh
202622	Pháp luật đại cương	32		140	DH16QT	TV101	Lê Hữu Trung
202622	Pháp luật đại cương	11		140	DH15NT, DH16CT	HD301	Dương Thị Tuyết Hà
202622	Pháp luật đại cương	04		140	DH16BQ	TV101	Lê Hữu Trung
202622	Pháp luật đại cương	31		140	DH16QT	TV101	Lê Hữu Trung
202622	Pháp luật đại cương	17		140	DH16CB	TV302	Lê Hoài Ninh
202622	Pháp luật đại cương	03		140	DH16TA	TV101	Lê Hữu Trung
202622	Pháp luật đại cương	22		140	DH16CC, DH16CD	TV101	Ngô Quang Cảnh
202622	Pháp luật đại cương	33		140	DH16NHA, DH16NHB	TV302	Lê Hoài Ninh
202622	Pháp luật đại cương	21		140	DH16DY, DH16GB, DH16GN	TV101	Ngô Quang Cảnh
202622	Pháp luật đại cương	13		140	DH15DTB, DH16TD	TV101	Nguyễn Thị Ngọc ánh
202622	Pháp luật đại cương	25		140	DH16KT	TV101	Lê Hữu Trung
202622	Pháp luật đại cương	30		140	DH16TY	CT101	Nguyễn Thị Ngọc ánh
202622	Pháp luật đại cương	08		140	DH15DTA, DH16TK	RD200	Dương Thị Tuyết Hà
202622	Pháp luật đại cương	29		140	DH16TY	TV101	Ngô Quang Cảnh
202622	Pháp luật đại cương	14		140	DH16BV	TV302	Lê Hoài Ninh
202622	Pháp luật đại cương	05		140	DH15DTC, DH16NY	TV101	Nguyễn Thị Ngọc ánh
202622	Pháp luật đại cương	26		140	DH16KT	TV101	Lê Hữu Trung
209134	Rèn nghề 1,ĐĐ thành lập BĐ	03		30	TINCHI	TT.QL6	Đinh Quang Vinh
209134	Rèn nghề 1,ĐĐ thành lập BĐ	02		30	TINCHI	TT.QL6	Đinh Quang Vinh
209134	Rèn nghề 1,ĐĐ thành lập BĐ	01		30	TINCHI	TT.QL6	Đinh Quang Vinh
216106	Lâm nghiệp đô thị	02		50	DH14CH	RD201	Đinh Quang Diệp
216106	Lâm nghiệp đô thị	01		50	DH14TK	RD201	Đinh Quang Diệp
216106	Lâm nghiệp đô thị	01	02	25	DH14TK	TT.MT6	Đinh Quang Diệp
216106	Lâm nghiệp đô thị	01	01	25	DH14TK	TT.MT6	Đinh Quang Diệp
216106	Lâm nghiệp đô thị	02	02	25	DH14CH	TT.MT4	Đinh Quang Diệp
216106	Lâm nghiệp đô thị	02	01	25	DH14CH	TT.MT4	Đinh Quang Diệp
213137	Listening & Speaking 2	03		40	DH16AV	NN206	Dương Mỹ Thắm
213137	Listening & Speaking 2	02		40	DH16AV	NN208	Dương Mỹ Thắm
213137	Listening & Speaking 2	01		40	DH16AV	NN210	Nguyễn Liên Hương
206422	Nghiệp vụ xuất nhập khẩu TS	01		65	DH14KS	PV319	Vũ Thanh Liêm
204743	Thực tập giáo trình BVTV 1	01		120	DH14BV	TT.NH1	Nguyễn Hữu Trúc
207410	Đo lường & TĐ hóa trong TBL	01		80	DH14TD	HD203	Lê Quang Hiền
207410	Đo lường & TĐ hóa trong TBL	01	04	20	DH14TD	CK03.1	Lê Quang Hiền
207410	Đo lường & TĐ hóa trong TBL	01	02	20	DH14TD	CK03.1	Lê Quang Hiền
207410	Đo lường & TĐ hóa trong TBL	01	01	20	DH14TD	CK03.2	Lê Quang Hiền

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
207410	Đo lường & TĐ hóa trong TBL	01	03	20	DH14TD	CK03.1	Lê Quang Hiền
208327	Nghiệp vụ thanh toán	01		80	DH14KN	HD303	Hoàng Oanh Thoa
208327	Nghiệp vụ thanh toán	02		100	DH15KE	HD301	Nguyễn Thị Ngọc Hà
209426	Luật đất đai	01		75	TINCHI	TV103	Ngô Minh Thụy
209426	Luật đất đai	01	02	25	TINCHI	TT.QL6	Ngô Minh Thụy
209426	Luật đất đai	01	03	25	TINCHI	TT.QL6	Ngô Minh Thụy
209426	Luật đất đai	01	01	25	TINCHI	TT.QL6	Ngô Minh Thụy
208439	Thương mại điện tử	01		100	DH15TM	CT101	Trần Minh Huy
208439	Thương mại điện tử	02		100	DH14QT	CT101	Trần Minh Huy
214331	Lập trình nâng cao	03		90	DH16DTC	CT101	Phạm Văn Tính
214331	Lập trình nâng cao	01		80	DH16DTB	RD105	Trần Thị Thanh Nga
214331	Lập trình nâng cao	02		80	DH16DTA	HD201	Phạm Văn Tính
214331	Lập trình nâng cao	02	01	40	DH16DTA	P1	Phạm Văn Tính
214331	Lập trình nâng cao	02	02	40	DH16DTA	R406	Nguyễn Thị Phương Trâm
214331	Lập trình nâng cao	01	02	40	DH16DTB	P3	Trần Thị Thanh Nga
214331	Lập trình nâng cao	01	01	40	DH16DTB	P3	Trần Thị Thanh Nga
214331	Lập trình nâng cao	03	01	45	DH16DTC	P1	Phạm Văn Tính
214331	Lập trình nâng cao	03	02	45	DH16DTC	P3	Nguyễn Thị Phương Trâm
208425	Thị trường chứng khoán	02		80	DH14TM	RD304	Hà Thị Thu Hòa
208425	Thị trường chứng khoán	04		80	DH14QT	HD202	Hà Thị Thu Hòa
208425	Thị trường chứng khoán	03		80	DH14TB	HD202	Hà Thị Thu Hòa
208425	Thị trường chứng khoán	05		80	DH15TC	RD103	Hà Thị Thu Hòa
208425	Thị trường chứng khoán	01		80	DH14KE	HD202	Hà Thị Thu Hòa
215308	Phương pháp giảng dạy môn KTNN	01		75	DH14SP	RD303	Phạm Quỳnh Trang
215308	Phương pháp giảng dạy môn KTNN	01	03	25	DH14SP	TV303	Phạm Quỳnh Trang
215308	Phương pháp giảng dạy môn KTNN	01	02	25	DH14SP	TV303	Phạm Quỳnh Trang
215308	Phương pháp giảng dạy môn KTNN	01	01	25	DH14SP	TV303	Phạm Quỳnh Trang
203601	Thực tế chăn nuôi	01		80	DH14CN	TT.TY1	Nguyễn Quang Thiệu
214374	Chuyên đề WEB	01		120	DH13DT	CT101	Lê Phi Hùng
214374	Chuyên đề WEB	01	03	40	DH13DT	R406	Võ Tấn Toàn
214374	Chuyên đề WEB	01	02	40	DH13DT	P1	Võ Tấn Toàn
214374	Chuyên đề WEB	01	01	40	DH13DT	P2	Lê Phi Hùng
202402	Thực hành Sinh học Đại cương	10		25	DH16CT	TNSD.1	Trần Thị Ngọc ánh
202402	Thực hành Sinh học Đại cương	12		25	DH16MT	TNSD.1	Trần Thị Ngọc ánh
202402	Thực hành Sinh học Đại cương	14		25	DH16MT	TNST.2	Nguyễn Thị Mai
202402	Thực hành Sinh học Đại cương	07		25	DH16CH	TNSD.1	Trần Thị Ngọc ánh
202402	Thực hành Sinh học Đại cương	15		25	DH16TK	TNST.2	Nguyễn Thị Mai
202402	Thực hành Sinh học Đại cương	08		25	DH16CH	TNSD.1	Trần Thị Ngọc ánh

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:				https://goo.gl/L4sVOM			
202402	Thực hành Sinh học Đại cương	16		25	DH16TK	TNST.2	Nguyễn Thị Mai
202402	Thực hành Sinh học Đại cương	06		25	DH16CH	TNSD.1	Trần Thị Ngọc ánh
202402	Thực hành Sinh học Đại cương	17		25	DH16TK	TNST.2	Nguyễn Thị Mai
202402	Thực hành Sinh học Đại cương	09		25	DH16CT	TNSD.1	Trần Thị Ngọc ánh
202402	Thực hành Sinh học Đại cương	13		25	DH16MT	TNST.2	Nguyễn Thị Mai
202402	Thực hành Sinh học Đại cương	05		25	DH16CH	TNSD.1	Trần Thị Ngọc ánh
202402	Thực hành Sinh học Đại cương	11		25	DH16CT	TNSD.1	Trần Thị Ngọc ánh
208627	Kinh tế tài nguyên MT căn bản	01		80	DH14KT	RD303	Đặng Thanh Hà
207103	Cơ học lý thuyết	04		80	DH16CC, DH16CK	HD202	Vương Thành Tiên
207103	Cơ học lý thuyết	05		80	DH15GB	HD202	Vương Thành Tiên
207103	Cơ học lý thuyết	03		80	DH16NL	RD305	Vương Thành Tiên
207103	Cơ học lý thuyết	02		80	DH16OT	HD205	Vương Thành Tiên
207103	Cơ học lý thuyết	01		80	DH14CD, DH16CD	HD205	Vương Thành Tiên
203412	Bào chế dược	01		75	DH13DY	RD305	Trần Văn Thành
203412	Bào chế dược	01	02	25	DH13DY	YDUOC	Nguyễn Văn Nhã
203412	Bào chế dược	01	01	25	DH13DY	YDUOC	Nguyễn Văn Nhã
203412	Bào chế dược	01	03	25	DH13DY	YDUOC	Nguyễn Văn Nhã
216408	PT và lập dự toán công trình	01		75	DH14TK	RD503	Phạm Minh Thịnh
216408	PT và lập dự toán công trình	02		75	DH14CH	RD403	Phạm Minh Thịnh
216408	PT và lập dự toán công trình	02	01	25	DH14CH	TT.MT4	Phạm Minh Thịnh
216408	PT và lập dự toán công trình	02	02	25	DH14CH	TT.MT4	Phạm Minh Thịnh
216408	PT và lập dự toán công trình	02	03	25	DH14CH	TT.MT4	Phạm Minh Thịnh
216408	PT và lập dự toán công trình	01	01	25	DH14TK	TT.MT4	Phạm Minh Thịnh
216408	PT và lập dự toán công trình	01	03	25	DH14TK	TT.MT7	Phạm Minh Thịnh
216408	PT và lập dự toán công trình	01	02	25	DH14TK	TT.MT7	Phạm Minh Thịnh
209402	Luật Kinh doanh BĐS	01		65	DH14TB	PV219	Nguyễn Thị Ngọc ánh
203104	Sinh hoá đại cương	04		75	DH16CT	RD503	Lê Thụy Bình Phương
203104	Sinh hoá đại cương	01		75	DH16NT	RD504	Đoàn Thị Phương Thùy
203104	Sinh hoá đại cương	03		75	DH16KS	RD404	Lê Thụy Bình Phương
203104	Sinh hoá đại cương	02		75	DH16NY	PV223	Đoàn Thị Phương Thùy
203104	Sinh hoá đại cương	02	02	25	DH16NY	TNSD.2	Đoàn Thị Phương Thùy
203104	Sinh hoá đại cương	02	01	25	DH16NY	TNST.2	Đoàn Thị Phương Thùy
203104	Sinh hoá đại cương	02	03	25	DH16NY	TNSD.2	Đoàn Thị Phương Thùy
203104	Sinh hoá đại cương	03	02	25	DH16KS	P201	Lê Thụy Bình Phương
203104	Sinh hoá đại cương	03	03	25	DH16KS	P201	Lê Thụy Bình Phương
203104	Sinh hoá đại cương	03	01	25	DH16KS	P201	Lê Thụy Bình Phương
203104	Sinh hoá đại cương	04	03	25	DH16CT	P201	Lê Thụy Bình Phương
203104	Sinh hoá đại cương	04	02	25	DH16CT	P201	Lê Thụy Bình Phương

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
203104	Sinh hoá đại cương	04	01	25	DH16CT	P201	Lê Thụy Bình Phương
203104	Sinh hoá đại cương	01	01	25	DH16NT	TNSD.1	Đoàn Thị Phương Thùy
203104	Sinh hoá đại cương	01	03	25	DH16NT	TNSD.2	Đoàn Thị Phương Thùy
203104	Sinh hoá đại cương	01	02	25	DH16NT	TNSD.2	Đoàn Thị Phương Thùy
217307	Kỹ thuật điện đại cương CNHH	01		75	DH15HH	RD303	Nguyễn Hữu Nam
217307	Kỹ thuật điện đại cương CNHH	02		50	DH15HH	PV315	Nguyễn Hữu Nam
217307	Kỹ thuật điện đại cương CNHH	01	03	25	DH15HH	I4	Nguyễn Hữu Nam
217307	Kỹ thuật điện đại cương CNHH	01	02	25	DH15HH	I7	Nguyễn Hữu Nam
217307	Kỹ thuật điện đại cương CNHH	01	01	25	DH15HH	I7	Nguyễn Hữu Nam
217307	Kỹ thuật điện đại cương CNHH	02	01	25	DH15HH	TT.HH2	Nguyễn Hữu Nam
217307	Kỹ thuật điện đại cương CNHH	02	02	25	DH15HH	TT.HH2	Nguyễn Hữu Nam
210308	Khoa học về thịt & CN CB thịt	02		75	DH14BQ	RD305	Nguyễn Anh Trinh
210308	Khoa học về thịt & CN CB thịt	01		75	DH14VT	HD204	Nguyễn Anh Trinh
210308	Khoa học về thịt & CN CB thịt	05		75	DH14DD	RD404	Nguyễn Anh Trinh
210308	Khoa học về thịt & CN CB thịt	04		75	DH14DD	RD404	Nguyễn Anh Trinh
210308	Khoa học về thịt & CN CB thịt	02	01	25	DH14BQ	BQ04	Nguyễn Anh Trinh
210308	Khoa học về thịt & CN CB thịt	02	02	25	DH14BQ	BQ04	Nguyễn Anh Trinh
210308	Khoa học về thịt & CN CB thịt	02	03	25	DH14BQ	BQ04	Nguyễn Anh Trinh
210308	Khoa học về thịt & CN CB thịt	05	02	25	DH14DD	BQ04.1	Nguyễn Anh Trinh
210308	Khoa học về thịt & CN CB thịt	05	01	25	DH14DD	BQ04.1	Nguyễn Anh Trinh
210308	Khoa học về thịt & CN CB thịt	05	03	25	DH14DD	BQ04.1	Nguyễn Anh Trinh
210308	Khoa học về thịt & CN CB thịt	01	01	25	DH14VT	BQ04	Nguyễn Anh Trinh
210308	Khoa học về thịt & CN CB thịt	01	03	25	DH14VT	BQ04	Nguyễn Anh Trinh
210308	Khoa học về thịt & CN CB thịt	01	02	25	DH14VT	BQ04.1	Nguyễn Anh Trinh
210308	Khoa học về thịt & CN CB thịt	04	01	25	DH14DD	BQ04.1	Nguyễn Anh Trinh
210308	Khoa học về thịt & CN CB thịt	04	02	25	DH14DD	BQ04	Nguyễn Anh Trinh
210308	Khoa học về thịt & CN CB thịt	04	03	25	DH14DD	BQ04	Nguyễn Anh Trinh
212903	Đồ án QLMT	01		160	DH13QM	TT.MT5	Khoa Quản Lý - Khoa Mt
205728	Quản trị doanh nghiệp	02		50	DH15GB	RD201	Trần Thị Hiền
205728	Quản trị doanh nghiệp	01		50	DH14CB	RD201	Trần Thị Hiền
215306	Xác suất thống kê trong NCKH	01		75	DH14SP	PV223	Võ Văn Việt
215306	Xác suất thống kê trong NCKH	01	02	25	DH14SP	PV319	Võ Văn Việt
215306	Xác suất thống kê trong NCKH	01	03	25	DH14SP	PV319	Võ Văn Việt
215306	Xác suất thống kê trong NCKH	01	01	25	DH14SP	PV319	Võ Văn Việt
212538	Giáo dục và truyền thông MT	01		80	DH15MT	RD204	Hoàng Thị Mỹ Hương
216906	Lâm nghiệp đô thị tổng hợp	01		80	DH13CH	HD201	Khoa Quản Lý Khoa Mt
205207	Sinh lý thực vật	01		50	DH15LN	RD302	Trần Trọng Nghĩa
205207	Sinh lý thực vật	03		75	DH15QR	RD203	Trần Trọng Nghĩa

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
205207	Sinh lý thực vật	02		50	DH15NK	RD102	Trần Trọng Nghĩa
205207	Sinh lý thực vật	02	02	25	DH15NK	LN03	Trần Trọng Nghĩa
205207	Sinh lý thực vật	02	01	25	DH15NK	LN03	Trần Trọng Nghĩa
205207	Sinh lý thực vật	03	02	25	DH15QR	LN03	Trần Trọng Nghĩa
205207	Sinh lý thực vật	03	01	25	DH15QR	LN03	Trần Trọng Nghĩa
205207	Sinh lý thực vật	03	03	25	DH15QR	LN03	Trần Trọng Nghĩa
205207	Sinh lý thực vật	01	02	25	DH15LN	LN03	Trần Trọng Nghĩa
205207	Sinh lý thực vật	01	01	25	DH15LN	LN03	Trần Trọng Nghĩa
204210	Chọn giống chuyên khoa	02		75	DH14NHB	RD304	Nguyễn Châu Niên
204210	Chọn giống chuyên khoa	01		75	DH14NHA	RD304	Nguyễn Châu Niên
204210	Chọn giống chuyên khoa	01	03	25	DH14NHA	P215	Nguyễn Châu Niên
204210	Chọn giống chuyên khoa	01	01	25	DH14NHA	P215	Nguyễn Châu Niên
204210	Chọn giống chuyên khoa	01	02	25	DH14NHA	P215	Nguyễn Châu Niên
204210	Chọn giống chuyên khoa	02	02	25	DH14NHB	P215	Nguyễn Châu Niên
204210	Chọn giống chuyên khoa	02	03	25	DH14NHB	P215	Nguyễn Châu Niên
204210	Chọn giống chuyên khoa	02	01	25	DH14NHB	P215	Nguyễn Châu Niên
214231	Cấu trúc máy tính	03		80	DH16DTC	PV400A	Trần Huy Cường
214231	Cấu trúc máy tính	02		90	DH16DTA	RD104	Phan Vĩnh Thuận
214231	Cấu trúc máy tính	01		80	DH16DTB	RD401	Phạm Công Thiện
207606	UD tin học trong TK và Đ.Khiển	01		40	DH13CD	PV315	Trần Thị Kim Ngà
207606	UD tin học trong TK và Đ.Khiển	01	01	20	DH13CD	I3.1	Trần Thị Kim Ngà
207606	UD tin học trong TK và Đ.Khiển	01	02	20	DH13CD	I3.1	Trần Thị Kim Ngà
207504	Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực	05		40	DH13NL	PV315	Nguyễn Văn Công Chính
207504	Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực	02		80	DH14CK	HD204	Nguyễn Văn Công Chính
207504	Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực	01		100	DH14CC	CT201	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207504	Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực	02	04	20	DH14CK	I3.1	Nguyễn Văn Công Chính
207504	Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực	02	01	20	DH14CK	I3.1	Nguyễn Văn Công Chính
207504	Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực	02	02	20	DH14CK	I3.2	Nguyễn Văn Công Chính
207504	Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực	02	03	20	DH14CK	I3.2	Nguyễn Văn Công Chính
207504	Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực	01	01	20	DH14CC	I3.2	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207504	Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực	01	02	20	DH14CC	I3.2	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207504	Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực	01	04	20	DH14CC	I3.2	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207504	Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực	01	03	20	DH14CC	I3.2	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207504	Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực	01	05	20	DH14CC	I3.2	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207504	Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực	05	01	20	DH13NL	I3.1	Nguyễn Văn Công Chính
207504	Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực	05	02	20	DH13NL	I3.1	Nguyễn Văn Công Chính
212537	Đồ án quản lý MT CNN	01		65	DH14QM	TT.MT4	Nguyễn Linh Vũ
208374	Kế toán nông nghiệp	01		95	DH14KE	PV335	Lê Văn Hoa

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:				https://goo.gl/L4sVOM			
216311	Diễn họa cảnh quan	02		75	DH15TK	RD200	Đỗ Ngọc Nhuận
216311	Diễn họa cảnh quan	01		100	DH15CH	PV337	Đỗ Ngọc Nhuận
216311	Diễn họa cảnh quan	02	03	25	DH15TK	TT.MT8	Đỗ Ngọc Nhuận
216311	Diễn họa cảnh quan	02	01	25	DH15TK	TT.MT5	Đỗ Ngọc Nhuận
216311	Diễn họa cảnh quan	02	02	25	DH15TK	TT.MT8	Đỗ Ngọc Nhuận
216311	Diễn họa cảnh quan	01	02	25	DH15CH	TT.MT5	Đỗ Ngọc Nhuận
216311	Diễn họa cảnh quan	01	04	25	DH15CH	TT.MT1	Đỗ Ngọc Nhuận
216311	Diễn họa cảnh quan	01	01	25	DH15CH	TT.MT1	Đỗ Ngọc Nhuận
216311	Diễn họa cảnh quan	01	03	25	DH15CH	TT.MT1	Đỗ Ngọc Nhuận
205559	Thực tập nghề nghiệp (CBLS)	01		120	DH13CB	PV400A	Hoàng Thị Thanh Hương
206212	KT Nuôi thủy sản ven biển	01		65	DH14SP	PV319	Nguyễn Như Trí
218124	Nguyên lý GIS	01		50	DH13GI	RD301	Nguyễn Kim Lợi
203114	Tập tính động vật	02		80	DH14TYB	RD106	Dương Nguyên Khang
203114	Tập tính động vật	01		80	DH14CN	HD204	Dương Nguyên Khang
203114	Tập tính động vật	05		80	DH14TYA	RD106	Dương Nguyên Khang
203114	Tập tính động vật	04		80	DH14TA	RD106	Dương Nguyên Khang
206103	QL Chất lượng nước nuôi TS	01		75	DH15KS	HD303	Nguyễn Phú Hòa
206103	QL Chất lượng nước nuôi TS	02		75	DH15CT	HD305	Nguyễn Phúc Cẩm Tú
206103	QL Chất lượng nước nuôi TS	02	02	25	DH15CT	TMOI.1	Trần Hồng Thủy
206103	QL Chất lượng nước nuôi TS	02	01	25	DH15CT	TMOI.2	Nguyễn Phú Hòa
206103	QL Chất lượng nước nuôi TS	02	03	25	DH15CT	TMOI.2	Nguyễn Phú Hòa
206103	QL Chất lượng nước nuôi TS	01	01	25	DH15KS	TMOI.1	Nguyễn Phú Hòa
206103	QL Chất lượng nước nuôi TS	01	03	25	DH15KS	TMOI.1	Nguyễn Phú Hòa
206103	QL Chất lượng nước nuôi TS	01	02	25	DH15KS	TMOI.1	Nguyễn Phú Hòa
206106	Ngư loại học	01		75	DH16NY	RD502	Nguyễn Thị Thanh Trúc
206106	Ngư loại học	01	03	25	DH16NY	TMOI.2	Nguyễn Thị Thanh Trúc
206106	Ngư loại học	01	01	25	DH16NY	TMOI.2	Nguyễn Thị Thanh Trúc
206106	Ngư loại học	01	02	25	DH16NY	TMOI.2	Nguyễn Thị Thanh Trúc
206021	GIS trong lâm nghiệp	01		50	DH15NK	RD302	Nguyễn Quốc Bình
206021	GIS trong lâm nghiệp	02		50	DH14LN	RD101	Nguyễn Quốc Bình
206021	GIS trong lâm nghiệp	01	01	25	DH15NK	LN06	Nguyễn Quốc Bình
206021	GIS trong lâm nghiệp	01	02	25	DH15NK	LN06	Nguyễn Quốc Bình
206021	GIS trong lâm nghiệp	02	02	25	DH14LN	LN06	Nguyễn Quốc Bình
206021	GIS trong lâm nghiệp	02	01	25	DH14LN	LN06	Nguyễn Quốc Bình
205402	Lâm nghiệp xã hội	01		60	DH15LN	RD202	Bùi Việt Hải
206102	Sinh thái thủy vực	01		95	DH15NT	PV333	Đặng Thị Thanh Hòa
212509	Kinh tế môi trường	02		80	DH14ES		Nguyễn Kim Huệ
212509	Kinh tế môi trường	01		80	DH14ES	RD106	Nguyễn Kim Huệ

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM						
212331	Vẽ kỹ thuật	01		75	DH16MT	TV302 Huỳnh Tấn Nhựt
212331	Vẽ kỹ thuật	04		100	DH15QM	CT202 Huỳnh Tấn Nhựt
212331	Vẽ kỹ thuật	03		100	DH15QM	CT202 Huỳnh Tấn Nhựt
212331	Vẽ kỹ thuật	03	01	25	DH15QM	TT.MT9 Huỳnh Tấn Nhựt
212331	Vẽ kỹ thuật	03	04	25	DH15QM	TT.MT9 Huỳnh Tấn Nhựt
212331	Vẽ kỹ thuật	03	02	25	DH15QM	TT.MT9 Huỳnh Tấn Nhựt
212331	Vẽ kỹ thuật	03	03	25	DH15QM	TT.MT9 Huỳnh Tấn Nhựt
212331	Vẽ kỹ thuật	01	03	25	DH16MT	TT.MT6 Huỳnh Tấn Nhựt
212331	Vẽ kỹ thuật	01	02	25	DH16MT	TT.MT6 Huỳnh Tấn Nhựt
212331	Vẽ kỹ thuật	01	01	25	DH16MT	TT.MT1 Huỳnh Tấn Nhựt
212331	Vẽ kỹ thuật	04	03	25	DH15QM	TT.MT9 Huỳnh Tấn Nhựt
212331	Vẽ kỹ thuật	04	02	25	DH15QM	TT.MT9 Huỳnh Tấn Nhựt
212331	Vẽ kỹ thuật	04	01	25	DH15QM	TT.MT9 Huỳnh Tấn Nhựt
212331	Vẽ kỹ thuật	04	04	25	DH15QM	TT.MT9 Huỳnh Tấn Nhựt
211110	Sinh học Protein	01		150	DH14SHA, DH14SHB	TV202 Nguyễn Tiến Thắng
208505	Phát triển du lịch nông thôn	01		80	DH13PT	RD106 Lê Quang Thông
208445	Marketing nông nghiệp	02		100	DH15KT	TV303 Lê Văn Lạng
208445	Marketing nông nghiệp	01		100	DH14KN	TV303 Lê Văn Lạng
213110	Reading 2	03		35	DH16AV	NN203 Đào Như Nguyễn
213110	Reading 2	02		35	DH16AV	NN207 Lê Thị Ngân Vang
213110	Reading 2	01		35	DH16AV	NN206 Lê Thị Tiểu Phượng
209230	Thống kê, kiểm kê đất đai	01		75	TINCHI	TV103 Ngô Minh Thụy
209230	Thống kê, kiểm kê đất đai	01	03	25	TINCHI	TT.QL2 Ngô Minh Thụy
209230	Thống kê, kiểm kê đất đai	01	02	25	TINCHI	TT.QL2 Ngô Minh Thụy
209230	Thống kê, kiểm kê đất đai	01	01	25	TINCHI	TT.QL1 Ngô Minh Thụy
209123	Trắc địa - Bản đồ	01		65	DH13DC	PV219 Phạm Hồng Sơn
209123	Trắc địa - Bản đồ	02		75	TINCHI	PV223 Phạm Hồng Sơn
207620	Cơ sở TK hệ thống cơ điện tử	01		80	DH13CD	PV227 Đào Duy Vinh
205202	Côn trùng lâm nghiệp	02		65	DH15NK	PV219 Nguyễn Thị Kiều Nương
205202	Côn trùng lâm nghiệp	01		65	DH14LN	RD201 Nguyễn Thị Kiều Nương
206305	Bệnh cá II	01		75	DH14NY	RD204 Nguyễn Hữu Thịnh
206305	Bệnh cá II	01	01	25	DH14NY	P309.2 Nguyễn Hữu Thịnh
206305	Bệnh cá II	01	02	25	DH14NY	P309.2 Nguyễn Hữu Thịnh
206305	Bệnh cá II	01	03	25	DH14NY	P309.2 Nguyễn Hữu Thịnh
210404	Máy thiết bị trong CNTP	02		100	DH14BQ	CT201 Bùi Văn Miên
210404	Máy thiết bị trong CNTP	01		100	DH14VT	PV325 Bùi Văn Miên
210404	Máy thiết bị trong CNTP	01	04	25	DH14VT	BQ04.1 Bùi Văn Miên
210404	Máy thiết bị trong CNTP	01	01	25	DH14VT	BQ04 Bùi Văn Miên

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
210404	Máy thiết bị trong CNTP	01	02	25	DH14VT	BQ04	Bùi Văn Miên
210404	Máy thiết bị trong CNTP	01	03	25	DH14VT	BQ04	Bùi Văn Miên
210404	Máy thiết bị trong CNTP	02	01	25	DH14BQ	BQ04	Bùi Văn Miên
210404	Máy thiết bị trong CNTP	02	04	25	DH14BQ	BQ04	Bùi Văn Miên
210404	Máy thiết bị trong CNTP	02	02	25	DH14BQ	BQ04	Bùi Văn Miên
210404	Máy thiết bị trong CNTP	02	03	25	DH14BQ	BQ04	Bùi Văn Miên
207107	Dung sai và kỹ thuật đo lường	01		80	DH15OT	CT201	Vương Thành Tiên
207107	Dung sai và kỹ thuật đo lường	01	03	20	DH15OT	R205.1	Nguyễn Thị Phương Thảo
207107	Dung sai và kỹ thuật đo lường	01	04	20	DH15OT	R205.2	Nguyễn Thị Phương Thảo
207107	Dung sai và kỹ thuật đo lường	01	01	20	DH15OT	R205.1	Nguyễn Thị Phương Thảo
207107	Dung sai và kỹ thuật đo lường	01	02	20	DH15OT	R205.1	Nguyễn Thị Phương Thảo
208151	PP nghiên cứu KH kinh tế	02		140	DH14KM, DH14KT	PV325	Trần Độc Lập
208151	PP nghiên cứu KH kinh tế	01		140	DH14KN, DH14PT	TV301	Trần Độc Lập
216104	Sinh thái cảnh quan	01		90	DH14ES	PV337	Đinh Quang Diệp
216104	Sinh thái cảnh quan	02		90	DH14ES	PV337	Đinh Quang Diệp
216104	Sinh thái cảnh quan	03		80	DH14CH, DH14TK	RD303	Đinh Quang Diệp
212617	Công nghệ sinh thái	02		125	DH15DL	CT101	Lê Quốc Tuấn
212617	Công nghệ sinh thái	01		125	DH14ES	CT101	Lê Quốc Tuấn
212617	Công nghệ sinh thái	01	01	25	DH14ES	VU'TN	Lê Quốc Tuấn
212617	Công nghệ sinh thái	01	02	25	DH14ES	VU'TN	Lê Quốc Tuấn
212617	Công nghệ sinh thái	01	05	25	DH14ES	VU'TN	Lê Quốc Tuấn
212617	Công nghệ sinh thái	01	04	25	DH14ES	VU'TN	Lê Quốc Tuấn
212617	Công nghệ sinh thái	01	03	25	DH14ES	VU'TN	Lê Quốc Tuấn
212617	Công nghệ sinh thái	02	05	25	DH15DL	VU'TN	Lê Quốc Tuấn
212617	Công nghệ sinh thái	02	03	25	DH15DL	VU'TN	Lê Quốc Tuấn
212617	Công nghệ sinh thái	02	01	25	DH15DL	VU'TN	Lê Quốc Tuấn
212617	Công nghệ sinh thái	02	04	25	DH15DL	VU'TN	Lê Quốc Tuấn
212617	Công nghệ sinh thái	02	02	25	DH15DL	VU'TN	Lê Quốc Tuấn
205540	Khoa học gỗ	01		50	DH15CB	RD200	Nguyễn Thị ánh Nguyệt
205540	Khoa học gỗ	01	01	25	DH15CB	LN05	Nguyễn Thị ánh Nguyệt
205540	Khoa học gỗ	01	02	25	DH15CB	LN05	Nguyễn Thị ánh Nguyệt
207309	Cấu tạo truyền động máy kéo	02		40	DH14CK	PV315	Võ Văn Thừa
207309	Cấu tạo truyền động máy kéo	01		60	DH14CK	PV315	Võ Văn Thừa
207309	Cấu tạo truyền động máy kéo	02	02	20	DH14CK	CK08	Lê Khỏe Quí
207309	Cấu tạo truyền động máy kéo	02	01	20	DH14CK	CK08	Lê Khỏe Quí
207309	Cấu tạo truyền động máy kéo	01	02	20	DH14CK	CK08	Võ Văn Thừa
207309	Cấu tạo truyền động máy kéo	01	01	20	DH14CK	CK08	Võ Văn Thừa
207309	Cấu tạo truyền động máy kéo	01	03	20	DH14CK	CK08	Lê Khỏe Quí

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
204515	Cây CNDN 2a (Cà phê+ Chè)	02		80	DH14SP	PV223	Võ Thái Dân
204515	Cây CNDN 2a (Cà phê+ Chè)	01		80	DH14SP	PV223	Võ Thái Dân
202503	Bơi lội	10		50	DH15NY	NTD8	Bùi Minh Tâm
202503	Bơi lội	07		50	DH15NT	NTD1	Nguyễn Lưu Nguyễn
202503	Bơi lội	05		50	DH15CT	NTD6	Nguyễn Lưu Nguyễn
202503	Bơi lội	06		50	DH15CT	NTD6	Bùi Minh Tâm
202503	Bơi lội	09		50	DH15NY	NTD8	Nguyễn Lưu Nguyễn
202503	Bơi lội	03		50	DH15KS	NTD6	Bùi Minh Tâm
202503	Bơi lội	08		50	DH15NT	NTD2	Bùi Minh Tâm
211426	Ư'DKT hạt nhân trong XL ô nhiễm	01		65	DH14SM	RD101	Lê Quang Luân
205122	Quản lý rừng bền vững	01		65	DH14LN	PV219	Mạc Văn Chăm
206403	QL&BV nguồn lợi thủy sản	01		65	DH14NT	RD301	Vũ Cẩm Lương
206403	QL&BV nguồn lợi thủy sản	02		65	DH14KS	RD101	Vũ Cẩm Lương
206408	QT Doanh nghiệp Thủy sản	01		80	DH13CT	RD403	Võ Thanh Liêm
208340	Tài chính tiền tệ	01		90	DH15KN	HD301	Trần Hoài Nam
206303	Vi sinh ứng dụng trong TS	02		80	DH13NY	RD204	Nguyễn Hữu Thịnh
206303	Vi sinh ứng dụng trong TS	01		80	DH13NT	RD204	Nguyễn Hữu Thịnh
204741	Thực tập cơ sở BVTV 1	01		120	DH16BV	TT.NH1	Nguyễn Hữu Trúc
207733	Động cơ ô tô nâng cao	01		80	DH14OT	RD404	Nguyễn Trịnh Nguyên
213709	Seminar on Career Orientation	01		40	DH13AV	NN212	Đào Đức Tuyên
213709	Seminar on Career Orientation	02		40	DH13AV	NN203	Ngô Phan Lan Dung
214477	Data Warehouse	01		50	DH14DTA, DH14DTB	PV219	Trần Quốc Việt
214477	Data Warehouse	01	01	50	DH14DTA, DH14DTB	P1	Trần Quốc Việt
204606	Khí tượng đại cương	01		80	DH16CN	RD106	Nguyễn Duy Năng
204606	Khí tượng đại cương	02		80	DH16CN	HD205	Nguyễn Duy Năng
218102	Kỹ thuật lập trình GIS	04		50	DH14GI	RD302	Đoàn Minh Thành
218102	Kỹ thuật lập trình GIS	01		75	DH15GI	HD201	Đoàn Minh Thành
218102	Kỹ thuật lập trình GIS	01	02	25	DH15GI	TT.MT4	Đoàn Minh Thành
218102	Kỹ thuật lập trình GIS	01	03	25	DH15GI	TT.MT6	Đoàn Minh Thành
218102	Kỹ thuật lập trình GIS	01	01	25	DH15GI	TT.MT6	Đoàn Minh Thành
218102	Kỹ thuật lập trình GIS	04	02	25	DH14GI	R405	Đoàn Minh Thành
218102	Kỹ thuật lập trình GIS	04	01	25	DH14GI	R405	Đoàn Minh Thành
212536	Quản lý môi trường Công NN	01		65	DH14QM	RD202	Nguyễn Linh Vũ
208456	Nghiệp vụ ngoại thương	02		160	DH14QT	TV301	Nguyễn Thị Bích Phương
208456	Nghiệp vụ ngoại thương	01		110	DH14TM	PV323	Vũ Thanh Liêm
209207	Lập dự án đầu tư BĐS	01		50	TINCHI	RD402	Nguyễn Đức Thành
209217	Định giá đất và BĐS	01		75	TINCHI	TV301	Trần Thị Việt Hòa
209217	Định giá đất và BĐS	01	02	25	TINCHI	TT.QL7	Trần Thị Việt Hòa

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:				https://goo.gl/L4sVOM			
209217	Định giá đất và BĐS	01	03	25	TINCHI	TT.QL7	Trần Thị Việt Hòa
209217	Định giá đất và BĐS	01	01	25	TINCHI	TT.QL7	Trần Thị Việt Hòa
211102	Sinh học phân tử	03		100	DH15TY	TV102	Nguyễn Hữu Trí
211102	Sinh học phân tử	01		80	DH15DY, DH16LN	RD404	Nguyễn Hữu Trí
211102	Sinh học phân tử	04		80	DH15TA	HD205	Nguyễn Hữu Trí
205403	Ngoại ngữ chuyên ngành	01		60	DH15LN	RD302	Phạm Thanh Hải
202206	Vật lý 2	05		100	DH16CC, DH16CD	HD303	Nguyễn Văn Hiếu
202206	Vật lý 2	02		110	DH16OT, DH16TD	TV202	Nguyễn Văn Hiếu
202206	Vật lý 2	06		110	DH16CK, DH16NL	TV302	Nguyễn Văn Hiếu
204422	Cây lương thực	01		100	DH14NHA	PV400B	Nguyễn Văn Phú
204422	Cây lương thực	02		100	DH14NHB	PV400A	Nguyễn Văn Phú
204422	Cây lương thực	01	02	25	DH14NHA	P113.2	Nguyễn Văn Phú
204422	Cây lương thực	01	01	25	DH14NHA	P113.2	Nguyễn Văn Phú
204422	Cây lương thực	01	04	25	DH14NHA	P113.2	Nguyễn Văn Phú
204422	Cây lương thực	01	03	25	DH14NHA	P113.2	Nguyễn Văn Phú
204422	Cây lương thực	02	01	25	DH14NHB	P113.2	Nguyễn Văn Phú
204422	Cây lương thực	02	02	25	DH14NHB	P113.2	Nguyễn Văn Phú
204422	Cây lương thực	02	04	25	DH14NHB	P113.2	Nguyễn Văn Phú
204422	Cây lương thực	02	03	25	DH14NHB	P113.2	Nguyễn Văn Phú
207621	Kỹ thuật ROBOT	01		80	DH13CD	RD403	Nguyễn Tấn Phúc
201409	Công nghệ chế biến thủy sản	01		30	DH13HH	RD402	Nguyễn Anh Trinh
201409	Công nghệ chế biến thủy sản	01	01	30	DH13HH	P301	Nguyễn Anh Trinh
218302	Quản lý lưu vực	01		75	DH15DL	RD504	Nguyễn Kim Lợi
218302	Quản lý lưu vực	01	02	25	DH15DL	R405	Nguyễn Kim Lợi
218302	Quản lý lưu vực	01	03	25	DH15DL	R405	Nguyễn Kim Lợi
218302	Quản lý lưu vực	01	01	25	DH15DL	R405	Nguyễn Kim Lợi
208109	Kinh tế vi mô 1	04		80	DH16KT	RD304	Hồ Thanh Tâm
208109	Kinh tế vi mô 1	01		80	DH15DC, DH16KN	RD303	Trần Minh Trí
208109	Kinh tế vi mô 1	02		80	DH16KS	RD303	Nguyễn Minh Tôn
203422	Thực tập xí nghiệp dược	01		100	DH13DY	TT.TY1	Đặng Thị Xuân Thiệp
207430	Kỹ thuật năng lượng tái tạo	02		100	DH14CK	CT102	Nguyễn Huy Bích
207430	Kỹ thuật năng lượng tái tạo	01		80	DH14NL	RD403	Nguyễn Văn Lành
207430	Kỹ thuật năng lượng tái tạo	01	01	20	DH14NL	CK07.2	Nguyễn Văn Lành
207430	Kỹ thuật năng lượng tái tạo	01	03	20	DH14NL	CK07.2	Nguyễn Văn Lành
207430	Kỹ thuật năng lượng tái tạo	01	02	20	DH14NL	CK07.2	Nguyễn Văn Lành
207430	Kỹ thuật năng lượng tái tạo	01	04	20	DH14NL	CK07.2	Nguyễn Văn Lành
207430	Kỹ thuật năng lượng tái tạo	02	04	20	DH14CK	CK07.1	Nguyễn Huy Bích
207430	Kỹ thuật năng lượng tái tạo	02	02	20	DH14CK	CK07.1	Nguyễn Huy Bích

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
207430	Kỹ thuật năng lượng tái tạo	02	01	20	DH14CK	CK07.1	Nguyễn Huy Bích
207430	Kỹ thuật năng lượng tái tạo	02	03	20	DH14CK	CK07.1	Nguyễn Huy Bích
207430	Kỹ thuật năng lượng tái tạo	02	05	20	DH14CK	CK07.1	Nguyễn Huy Bích
207732	Hệ thống điện động cơ	01		100	DH14OT	TV202	Nguyễn Trịnh Nguyên
207732	Hệ thống điện động cơ	01	01	20	DH14OT	CK03.2	Nguyễn Trịnh Nguyên
207732	Hệ thống điện động cơ	01	05	20	DH14OT	CK03.2	Nguyễn Văn Tuấn Anh
207732	Hệ thống điện động cơ	01	02	20	DH14OT	CK03.3	Nguyễn Trịnh Nguyên
207732	Hệ thống điện động cơ	01	04	20	DH14OT	CK03.1	Nguyễn Văn Tuấn Anh
207732	Hệ thống điện động cơ	01	03	20	DH14OT	CK03.1	Nguyễn Văn Tuấn Anh
203919	Máy chế biến thức ăn chăn nuôi	01		95	DH14TA	CT201	Bùi Văn Miên
217903	Rèn nghề	04		25	DH14HD	TT.HH1	Trương Vĩnh
217903	Rèn nghề	08		25	DH14HT	TT.HH1	Trương Vĩnh
217903	Rèn nghề	06		25	DH14HS	TT.HH1	Trương Vĩnh
208335	Kế toán quản trị	02		80	DH15TC	RD204	Phạm Thu Phương
208335	Kế toán quản trị	01		80	DH15TM	RD303	Phạm Thu Phương
207212	Công nghệ &TB CB lúa gạo	01		80	DH14CC	HD205	Trần Văn Khanh
207212	Công nghệ &TB CB lúa gạo	01	01	20	DH14CC	CK11	Trần Văn Khanh
207212	Công nghệ &TB CB lúa gạo	01	04	20	DH14CC	CK11	Trần Văn Khanh
207212	Công nghệ &TB CB lúa gạo	01	02	20	DH14CC	CK11	Trần Văn Khanh
207212	Công nghệ &TB CB lúa gạo	01	03	20	DH14CC	CK11	Trần Văn Khanh
202109	Toán cao cấp A2	09		100	DH16CC	CT201	Trần Bảo Ngọc
202109	Toán cao cấp A2	11		120	DH16HH	CT202	Hà Thị Thảo Trâm
202109	Toán cao cấp A2	05		100	DH16CB	PV225	Đặng Văn Quý
202109	Toán cao cấp A2	10		100	DH16HH	TV102	Trần Bảo Ngọc
202109	Toán cao cấp A2	01		120	DH16CD, DH16CK	TV103	Đặng Văn Quý
202109	Toán cao cấp A2	03		110	DH16NL, DH16OT	TV302	Đặng Văn Quý
202109	Toán cao cấp A2	08		100	DH16GB, DH16GN	TV102	Phạm Thành Kcong
202109	Toán cao cấp A2	06		100	DH16TD	TV102	Phạm Thành Kcong
208531	Xây dựng và quản lý dự án	03		95	DH16NHA	PV400A	Võ Ngân Thơ
208531	Xây dựng và quản lý dự án	02		95	DH16BV	PV325	Võ Ngân Thơ
208531	Xây dựng và quản lý dự án	04		80	DH16NHB	PV227	Võ Ngân Thơ
212307	Công nghệ xử lý nước cấp	02		90	DH14ES	PV337	Lê Thị Lan Thảo
212307	Công nghệ xử lý nước cấp	01		90	DH14ES	PV337	Lê Thị Lan Thảo
200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	05		120	DH16AV	RD200	Nguyễn Văn Tron
200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	11		140	DH16DTA, DH16DTB	TV201	Lê Thị Kim Chi
200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	01		140	DH16VT	RD200	Nguyễn Văn Tron
200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	08		140	DH16HH	TV102	Nguyễn Thanh Long
200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	04		120	DH16DD	RD200	Nguyễn Văn Tron

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	10		140	DH16DTC	TV202	Nguyễn Thanh Long
200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	06		120	DH16BV	TV303	Nguyễn Thanh Long
200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	02		140	DH16BQ	RD200	Nguyễn Văn Trọn
200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	12		140	DH16NHA	TV201	Lê Thị Kim Chi
200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	13		140	DH16NHB	TV201	Lê Thị Kim Chi
205225	Bảo tồn đất và nước trong NLKH	01		65	DH14NK	RD101	Nguyễn Thị Kim Tài
205733	Thiết kế nhà máy giấy	01		65	DH14GB	PV315	Huỳnh Ngọc Hưng
203313	Môi trường & SK vật nuôi	02		110	DH14TYB	RD103	Hồ Thị Kim Hoa
203313	Môi trường & SK vật nuôi	06		110	DH14TYA	RD103	Hồ Thị Kim Hoa
203313	Môi trường & SK vật nuôi	01		80	DH14CN	RD203	Hồ Thị Kim Hoa
203313	Môi trường & SK vật nuôi	04		80	DH14DY, DH14TA	RD203	Hồ Thị Kim Hoa
208611	Luật môi trường tài nguyên	01		65	DH14KM	RD301	Nguyễn Thị Nhật Linh
208488	Quản trị rủi ro tài chính	01		80	DH14TC	PV335	Hoàng Thế Vinh
208222	Phân tích định lượng trong QL	01		75	DH15TM	PV335	Trần Anh Kiệt
208222	Phân tích định lượng trong QL	02		100	DH14QT	TV303	Phạm Thị Nhiên
208222	Phân tích định lượng trong QL	01	03	25	DH15TM	I6	Trần Anh Kiệt
208222	Phân tích định lượng trong QL	01	02	25	DH15TM	I6	Trần Anh Kiệt
208222	Phân tích định lượng trong QL	01	01	25	DH15TM	I6	Trần Anh Kiệt
208222	Phân tích định lượng trong QL	02	01	25	DH14QT	I6	Phạm Thị Nhiên
208222	Phân tích định lượng trong QL	02	03	25	DH14QT	I6	Phạm Thị Nhiên
208222	Phân tích định lượng trong QL	02	02	25	DH14QT	I6	Phạm Thị Nhiên
208222	Phân tích định lượng trong QL	02	04	25	DH14QT	I6	Phạm Thị Nhiên
208414	Quản trị trang trại	08		80	DH16NHA	PV225	Mai Hoàng Giang
208414	Quản trị trang trại	03		80	DH15TK	CT202	Mai Hoàng Giang
208414	Quản trị trang trại	04		80	DH13TY	PV225	Mai Hoàng Giang
208414	Quản trị trang trại	01		80	DH13DY	HD204	Mai Hoàng Giang
208414	Quản trị trang trại	07		80	DH16BV	RD105	Mai Hoàng Giang
208414	Quản trị trang trại	09		80	DH16NHB	HD204	Mai Hoàng Giang
208414	Quản trị trang trại	06		95	DH15KT	TV303	Mai Hoàng Giang
208414	Quản trị trang trại	02		80	DH15CH	RD105	Mai Hoàng Giang
203418	Dược liệu	01		75	DH13DY	PV223	Trần Hùng
203418	Dược liệu	01	01	25	DH13DY	P205	Trần Hùng
203418	Dược liệu	01	03	25	DH13DY	P205	Trần Hùng
203418	Dược liệu	01	02	25	DH13DY	P205	Trần Hùng
211123	Anh văn chuyên ngành 1	02		100	DH15SHB	RD103	Đinh Xuân Phát
211123	Anh văn chuyên ngành 1	03		65	DH15SM	RD501	Đinh Xuân Phát
211123	Anh văn chuyên ngành 1	01		100	DH15SHA	RD103	Đinh Xuân Phát
218107	Thực tập viễn thám	01		25	DH14GI	R405	Nguyễn Duy Liêm

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM						
218107	Thực tập viễn thám	05		25	DH14GI	R405 Nguyễn Duy Liêm
218107	Thực tập viễn thám	04		25	DH14GI	R405 Nguyễn Duy Liêm
203402	Nội khoa 2	01		110	DH13DY	PV323 Nguyễn Tất Toàn
203402	Nội khoa 2	02		110	DH13TY	PV323 Nguyễn Tất Toàn
203612	Quản lý chất lượng thức ăn	01		95	DH14TA	RD103 Dương Duy Đồng
203904	Thực tế thú y	01		80	DH13DY	RD403 Nguyễn Đình Quát
203904	Thực tế thú y	02		80	DH13TY	TT.TY1 Nguyễn Đình Quát
209339	Quy hoạch tổng thể KT-XH	02		75	DH14QLA	RD303 Bùi Văn Hải
209339	Quy hoạch tổng thể KT-XH	01		75	DH14QLB	RD303 Bùi Văn Hải
209339	Quy hoạch tổng thể KT-XH	01	01	25	DH14QLB	TT.QL8 Bùi Văn Hải
209339	Quy hoạch tổng thể KT-XH	01	03	25	DH14QLB	TT.QL8 Bùi Văn Hải
209339	Quy hoạch tổng thể KT-XH	01	02	25	DH14QLB	TT.QL8 Bùi Văn Hải
209339	Quy hoạch tổng thể KT-XH	02	03	25	DH14QLA	TT.QL8 Bùi Văn Hải
209339	Quy hoạch tổng thể KT-XH	02	02	25	DH14QLA	TT.QL8 Bùi Văn Hải
209339	Quy hoạch tổng thể KT-XH	02	01	25	DH14QLA	TT.QL8 Bùi Văn Hải
204103	Sinh lý thực vật	04		100	DH15NHB	CT101 Phạm Văn Hiền
204103	Sinh lý thực vật	01		100	DH15BV	CT101 Phạm Văn Hiền
204103	Sinh lý thực vật	02		100	DH15NHA	CT101 Phạm Văn Hiền
204103	Sinh lý thực vật	02	03	25	DH15NHA	P111 Phan Hải Văn
204103	Sinh lý thực vật	02	04	25	DH15NHA	P111 Phan Hải Văn
204103	Sinh lý thực vật	02	01	25	DH15NHA	P111 Phan Hải Văn
204103	Sinh lý thực vật	02	02	25	DH15NHA	P111 Phan Hải Văn
204103	Sinh lý thực vật	01	04	25	DH15BV	P111 Phan Hải Văn
204103	Sinh lý thực vật	01	01	25	DH15BV	P111 Phan Hải Văn
204103	Sinh lý thực vật	01	02	25	DH15BV	P111 Phan Hải Văn
204103	Sinh lý thực vật	01	03	25	DH15BV	P111 Phan Hải Văn
204103	Sinh lý thực vật	04	02	25	DH15NHB	P111 Phan Hải Văn
204103	Sinh lý thực vật	04	01	25	DH15NHB	P111 Phan Hải Văn
204103	Sinh lý thực vật	04	03	25	DH15NHB	P111 Phan Hải Văn
204103	Sinh lý thực vật	04	04	25	DH15NHB	P111 Phan Hải Văn
208431	Quản trị Marketing	01		80	DH14TC	PV335 Hoàng Thế Vinh
204418	Cây rau	02		100	DH14NHB	PV225 Phạm Hữu Nguyên
204418	Cây rau	01		100	DH14NHA	PV225 Phạm Hữu Nguyên
204418	Cây rau	02	01	25	DH14NHB	P113.1 Phạm Hữu Nguyên
204418	Cây rau	02	02	25	DH14NHB	P113.1 Phạm Hữu Nguyên
204418	Cây rau	02	04	25	DH14NHB	P113.1 Phạm Hữu Nguyên
204418	Cây rau	02	03	25	DH14NHB	P113.1 Phạm Hữu Nguyên
204418	Cây rau	01	01	25	DH14NHA	P113.1 Phạm Hữu Nguyên

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
204418	Cây rau	01	04	25	DH14NHA	P113.1	Phạm Hữu Nguyên
204418	Cây rau	01	02	25	DH14NHA	P113.1	Phạm Hữu Nguyên
204418	Cây rau	01	03	25	DH14NHA	P113.1	Phạm Hữu Nguyên
203524	Ký sinh trùng 2	02		80	DH13TY	HD201	Lê Hữu Khương
203524	Ký sinh trùng 2	01		80	DH13TY	HD201	Lê Hữu Khương
203524	Ký sinh trùng 2	01	03	25	DH13TY	P209	Lê Hữu Khương
203524	Ký sinh trùng 2	01	04	25	DH13TY	P209	Lê Hữu Khương
203524	Ký sinh trùng 2	01	01	25	DH13TY	P209	Lê Hữu Khương
203524	Ký sinh trùng 2	01	02	25	DH13TY	P209	Lê Hữu Khương
203524	Ký sinh trùng 2	02	01	25	DH13TY	P209	Lê Hữu Khương
203524	Ký sinh trùng 2	02	02	25	DH13TY	P209	Lê Hữu Khương
203524	Ký sinh trùng 2	02	03	25	DH13TY	P209	Lê Hữu Khương
203524	Ký sinh trùng 2	02	04	25	DH13TY	P209	Lê Hữu Khương
207525	Xử lý tín hiệu số	01		80	DH14CD	RD203	Trần Thị Kim Ngà
207127	Thực tập gia công hàn - nguội	04		20	DH14CD	CK02	Trần Văn Đông
207127	Thực tập gia công hàn - nguội	12		20	DH15NL	CK02	Nguyễn Thị Phương Thảo
207127	Thực tập gia công hàn - nguội	09		20	DH15CC	CK02	Nguyễn Thị Phương Thảo
210415	Bảo quản & chế biến thủy sản	02		75	DH14BQ	RD305	Nguyễn Anh Trinh
210415	Bảo quản & chế biến thủy sản	03		75	DH14DD	RD403	Nguyễn Anh Trinh
210415	Bảo quản & chế biến thủy sản	01		75	DH14VT	RD105	Nguyễn Anh Trinh
210415	Bảo quản & chế biến thủy sản	03	03	25	DH14DD	BQ04	Nguyễn Anh Trinh
210415	Bảo quản & chế biến thủy sản	03	02	25	DH14DD	BQ04	Nguyễn Anh Trinh
210415	Bảo quản & chế biến thủy sản	03	01	25	DH14DD	BQ04	Nguyễn Anh Trinh
210415	Bảo quản & chế biến thủy sản	02	03	25	DH14BQ	BQ04	Nguyễn Anh Trinh
210415	Bảo quản & chế biến thủy sản	02	01	25	DH14BQ	BQ04	Nguyễn Anh Trinh
210415	Bảo quản & chế biến thủy sản	02	02	25	DH14BQ	BQ04	Nguyễn Anh Trinh
210415	Bảo quản & chế biến thủy sản	01	02	25	DH14VT	BQ04.1	Nguyễn Anh Trinh
210415	Bảo quản & chế biến thủy sản	01	01	25	DH14VT	BQ04.1	Nguyễn Anh Trinh
210415	Bảo quản & chế biến thủy sản	01	03	25	DH14VT	BQ04	Nguyễn Anh Trinh
208453	Marketing căn bản	05		120	DH16KN	HD301	Phạm Thùy Dung
208453	Marketing căn bản	10		120	DH16KT	TV302	Hà Thị Thu Hòa
208453	Marketing căn bản	07		80	DH13DT	PV223	Lê Văn Mến
208453	Marketing căn bản	09		80	DH15KE	PV400B	Lê Văn Mến
208453	Marketing căn bản	02		80	DH15DY	PV325	Lê Văn Mến
208453	Marketing căn bản	11		80	DH14TYA	HD305	Hà Thị Thu Hòa
208453	Marketing căn bản	03		80	DH14TYB	HD305	Lê Văn Mến
208453	Marketing căn bản	04		120	DH15PT	TV303	Lê Văn Mến
208453	Marketing căn bản	01		120	DH16QT	PV325	Lê Văn Mến

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:				https://goo.gl/L4sVOM			
208148	KT sản xuất nông nghiệp UD	03		80	DH13KN	HD205	Trần Hoài Nam
208148	KT sản xuất nông nghiệp UD	06		80	DH13KT	RD404	Trần Hoài Nam
213414	Lịch sử văn minh Phương Đông	01		160	DH15AV	RD100	Võ Thị Hồng
208104	Kinh tế nông nghiệp đại cương	04		140	DH16NHA, DH16NHB	TV103	Trần Độc Lập
208104	Kinh tế nông nghiệp đại cương	02		95	DH15KT	TV301	Lê Vũ
208104	Kinh tế nông nghiệp đại cương	03		80	DH16BV	TV301	Lê Vũ
211130	Thực hành vẽ kỹ thuật cơ bản	02		25	DH15SM	PV315	Trần Thị Thanh
211130	Thực hành vẽ kỹ thuật cơ bản	01		25	DH15SM	PV315	Trần Thị Thanh
213703	Business Communication 1	02		40	DH14AV	NN212	Ngô Phan Lan Dung
213703	Business Communication 1	01		40	DH14AV	NN212	Ngô Phan Lan Dung
208490	Kiến tập tài chính DN	03		30	DH13TC	TT.KT2	Trần Minh Huy
208490	Kiến tập tài chính DN	04		30	DH13TC	TT.KT2	Trần Minh Huy
208490	Kiến tập tài chính DN	02		30	DH13TC	TT.KT2	Trần Minh Huy
208490	Kiến tập tài chính DN	01		30	DH13TC	TT.KT2	Trần Minh Huy
204734	Bệnh cây	03		100	DH15NHB	TV302	Võ Thị Thu Oanh
204734	Bệnh cây	01		100	DH15NHA	TV101	Võ Thị Thu Oanh
204734	Bệnh cây	01	03	25	DH15NHA	P215	Võ Thị Thu Oanh
204734	Bệnh cây	01	01	25	DH15NHA	P215	Võ Thị Thu Oanh
204734	Bệnh cây	01	04	25	DH15NHA	P215	Võ Thị Thu Oanh
204734	Bệnh cây	01	02	25	DH15NHA	P215	Võ Thị Thu Oanh
204734	Bệnh cây	03	02	25	DH15NHB	P215	Võ Thị Thu Oanh
204734	Bệnh cây	03	04	25	DH15NHB	P215	Võ Thị Thu Oanh
204734	Bệnh cây	03	01	25	DH15NHB	P215	Võ Thị Thu Oanh
204734	Bệnh cây	03	03	25	DH15NHB	P215	Võ Thị Thu Oanh
203212	Cơ thể 2	03		100	DH15CN	PV400A	Phan Quang Bá
203212	Cơ thể 2	04		100	DH15TY	PV323	Phan Quang Bá
203212	Cơ thể 2	01		100	DH15DY	TV302	Đỗ Vạn Thử
203212	Cơ thể 2	05		100	DH15TY	PV323	Phan Quang Bá
203212	Cơ thể 2	04	02	25	DH15TY	YCOTHE	Phan Quang Bá
203212	Cơ thể 2	04	04	25	DH15TY	YCOTHE	Phan Quang Bá
203212	Cơ thể 2	04	01	25	DH15TY	YCOTHE	Phan Quang Bá
203212	Cơ thể 2	04	03	25	DH15TY	YCOTHE	Phan Quang Bá
203212	Cơ thể 2	05	01	25	DH15TY	YCOTHE	Phan Quang Bá
203212	Cơ thể 2	05	02	25	DH15TY	YCOTHE	Phan Quang Bá
203212	Cơ thể 2	05	04	25	DH15TY	YCOTHE	Phan Quang Bá
203212	Cơ thể 2	05	03	25	DH15TY	YCOTHE	Phan Quang Bá
203212	Cơ thể 2	01	01	25	DH15DY	YCOTHE	Đỗ Vạn Thử
203212	Cơ thể 2	01	02	25	DH15DY	YCOTHE	Đỗ Vạn Thử

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
203212	Cơ thể 2	01	04	25	DH15DY	YCOTHE	Đỗ Vạn Thử
203212	Cơ thể 2	01	03	25	DH15DY	YCOTHE	Đỗ Vạn Thử
203212	Cơ thể 2	03	01	25	DH15CN	YCOTHE	Phan Quang Bá
203212	Cơ thể 2	03	04	25	DH15CN	YCOTHE	Phan Quang Bá
203212	Cơ thể 2	03	02	25	DH15CN	YCOTHE	Phan Quang Bá
203212	Cơ thể 2	03	03	25	DH15CN	YCOTHE	Phan Quang Bá
204536	Rèn nghề 2	03		30	DH15NHA	TTN	Nguyễn Thị Thúy Liễu
204536	Rèn nghề 2	01		30	DH15NHA	TTN	Nguyễn Thị Thúy Liễu
204536	Rèn nghề 2	06		30	DH15NHB	TTN	Nguyễn Thị Huyền Trang
204536	Rèn nghề 2	02		30	DH15NHA	TTN	Nguyễn Thị Huyền Trang
204536	Rèn nghề 2	05		30	DH15NHB	TTN	Nguyễn Thị Thúy Liễu
204536	Rèn nghề 2	04		30	DH15NHB	TTN	Nguyễn Thị Huyền Trang
212914	Thực tập nghề nghiệp	03		100	DH13DL	TT.MT7	Võ Thị Bích Thùy
212914	Thực tập nghề nghiệp	01		100	DH13QM	TT.MT6	Bùi Thị Cẩm Nhi
212914	Thực tập nghề nghiệp	02		100	DH13MT	TT.MT5	Nguyễn Văn Huy
209335	Quy hoạch sử dụng đất	04		100	DH15QLB	CT101	Nguyễn Trung Quyết
209335	Quy hoạch sử dụng đất	02		100	DH15QLA	TV101	Phan Văn Tự
209335	Quy hoạch sử dụng đất	01		75	DH15DC, DH15TB	RD105	Phan Văn Tự
209335	Quy hoạch sử dụng đất	03		75	DH15QD	HD301	Nguyễn Trung Quyết
217607	Giới thiệu KT hệ thống SH	01		65	DH14HT	RD401	Trương Vĩnh
208406	Quản trị chiến lược	03		80	DH15QT	CT102	Lê Thành Hưng
208406	Quản trị chiến lược	01		80	DH14KN	RD204	Lê ánh Tuyết
208406	Quản trị chiến lược	02		80	DH14TC	HD305	Lê ánh Tuyết
208503	Giáo dục khuyến nông	01		65	DH15PT	RD201	Nguyễn Văn Năm
207108	Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật	02		80	DH16OT	CT202	Nguyễn Thanh Phong
207108	Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật	01		80	DH16CD	HD205	Trần Thị Thanh
207108	Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật	03		80	DH16TD	CT202	Nguyễn Thanh Phong
208432	Quản trị rủi ro	01		110	DH14QT	CT202	Hà Thị Thu Hòa
206202	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản	02		150	DH14CN, DH15NY	TV201	Lê Thanh Hùng
206202	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản	03		150	DH14TA, DH15KS	TV201	Lê Thanh Hùng
206202	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản	03	04	25	DH14TA, DH15KS	P301.2	Văn Hữu Nhật
206202	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản	03	03	25	DH14TA, DH15KS	P301.2	Văn Hữu Nhật
206202	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản	03	02	25	DH14TA, DH15KS	P301.2	Văn Hữu Nhật
206202	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản	03	05	25	DH14TA, DH15KS	P301	Văn Hữu Nhật
206202	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản	03	06	25	DH14TA, DH15KS	P301.1	Văn Hữu Nhật
206202	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản	03	01	25	DH14TA, DH15KS	P301.2	Văn Hữu Nhật
206202	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản	02	02	25	DH14CN, DH15NY	P301.3	Văn Hữu Nhật
206202	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản	02	03	25	DH14CN, DH15NY	P301.3	Văn Hữu Nhật

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
206202	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản	02	05	25	DH14CN, DH15NY	P301.2	Lê Thanh Hùng
206202	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản	02	01	25	DH14CN, DH15NY	P301.3	Văn Hữu Nhật
206202	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản	02	06	25	DH14CN, DH15NY	P301.3	Lê Thanh Hùng
206202	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản	02	04	25	DH14CN, DH15NY	P301.2	Lê Thanh Hùng
212502	Chuyên đề đánh giá tác động MT	01		80	DH14QM	RD304	Nguyễn Vinh Quy
207422	Thiết bị lạnh	01		80	DH13NL	HD203	Nguyễn Huy Bích
208470	Quản trị kinh doanh NN	01		65	DH14KT	RD101	Thái Anh Hòa
204736	Bệnh cây nâng cao	01		100	DH14BV	PV225	Võ Thị Thu Oanh
204736	Bệnh cây nâng cao	01	03	25	DH14BV	P215	Võ Thị Thu Oanh
204736	Bệnh cây nâng cao	01	04	25	DH14BV	P215	Võ Thị Thu Oanh
204736	Bệnh cây nâng cao	01	01	25	DH14BV	P215	Võ Thị Thu Oanh
204736	Bệnh cây nâng cao	01	02	25	DH14BV	P215	Võ Thị Thu Oanh
207404	Kỹ thuật điều hòa không khí	01		60	DH14NL	RD402	Nguyễn Thanh Hào
207404	Kỹ thuật điều hòa không khí	01	01	20	DH14NL	CK03.1	Nguyễn Thanh Hào
207404	Kỹ thuật điều hòa không khí	01	03	20	DH14NL	CK03.1	Nguyễn Thanh Hào
207404	Kỹ thuật điều hòa không khí	01	02	20	DH14NL	CK03.1	Nguyễn Thanh Hào
206210	Di truyền ứng dụng trong TS	01		65	DH13NT	PV319	Nguyễn Thị Thanh Trúc
206210	Di truyền ứng dụng trong TS	02		80	DH13NY	RD200	Nguyễn Thị Thanh Trúc
206210	Di truyền ứng dụng trong TS	03		65	DH13NT	RD401	Nguyễn Thị Thanh Trúc
209225	Bồi thường đất đai & BĐS	02		80	DH14QLB	PV333	Lê Mộng Triết
209225	Bồi thường đất đai & BĐS	01		80	DH14DC, DH14TB	PV333	Lê Mộng Triết
209225	Bồi thường đất đai & BĐS	05		80	DH14QD	PV333	Lê Mộng Triết
209225	Bồi thường đất đai & BĐS	03		80	DH14QLA	PV333	Lê Mộng Triết
206517	Thực phẩm chức năng trong CNCB	01		80	DH13CT	CT101	Dương Thanh Liêm
209320	Quản lý môi trường đô thị	01		80	DH14QD	RD404	Nguyễn Huy Vũ
203303	Vệ sinh an toàn thực phẩm	01		75	DH13TY	RD105	Nguyễn Ngọc Tuấn
203303	Vệ sinh an toàn thực phẩm	01	02	25	DH13TY	YKIEMN	Lê Hữu Ngọc
203303	Vệ sinh an toàn thực phẩm	01	03	25	DH13TY	YKIEMN	Lê Hữu Ngọc
203303	Vệ sinh an toàn thực phẩm	01	01	25	DH13TY	YKIEMN	Lê Hữu Ngọc
202401	Sinh học đại cương	04		95	DH16CH	TV303	Đoàn Thị Phương Thùy
202401	Sinh học đại cương	03		80	DH16CT	RD504	Đoàn Thị Phương Thùy
202401	Sinh học đại cương	02		80	DH16TK	RD203	Đoàn Thị Phương Thùy
202401	Sinh học đại cương	01		80	DH16MT	CT101	Đoàn Thị Phương Thùy
211104	Lý sinh học	01		95	DH15SHA	RD103	Trần Thị Lệ Minh
211104	Lý sinh học	02		95	DH15SHB	RD103	Trần Thị Lệ Minh
212911	Thực tập giáo trình 2-MT	01		100	DH14ES	TT.MT8	Lê Tấn Thanh Lâm
212911	Thực tập giáo trình 2-MT	02		100	DH14DL	TT.MT5	Võ Thị Bích Thùy
211517	CNXL phụ phẩm NN bằng sinh học	01		50	DH14SM	RD202	Dương Nguyên Khang

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
214471	Hệ thống thông tin quản lý	01		100	DH14DTA, DH14DTB	CT101	Trần Lê Như Quỳnh
214471	Hệ thống thông tin quản lý	01	01	50	DH14DTA, DH14DTB	P2	Trần Lê Như Quỳnh
214471	Hệ thống thông tin quản lý	01	02	50	DH14DTA, DH14DTB	P3	Trần Lê Như Quỳnh
203719	Thực hành trại chăn nuôi	01		80	DH14SP	TT.TY2	Chế Minh Tùng
207731	LT kết cấu & tính toán ô tô	01		65	DH13OT	RD202	Thị Hồng Xuân
202406	Khoa học môi trường đại cương	01		65	DH14NY	RD101	Nguyễn Thị Mai
203916	Bệnh chó mèo	01		75	DH13TY	RD204	Bùi Ngọc Thúy Linh
203916	Bệnh chó mèo	02		75	DH13TY	RD305	Nguyễn Văn Nghĩa
203916	Bệnh chó mèo	01	03	25	DH13TY	YBVTY2	Bùi Ngọc Thúy Linh
203916	Bệnh chó mèo	01	02	25	DH13TY	YBVTY2	Bùi Ngọc Thúy Linh
203916	Bệnh chó mèo	01	01	25	DH13TY	YBVTY2	Bùi Ngọc Thúy Linh
203916	Bệnh chó mèo	02	01	25	DH13TY	YBVTY1	Nguyễn Văn Nghĩa
203916	Bệnh chó mèo	02	02	25	DH13TY	YBVTY1	Nguyễn Văn Nghĩa
203916	Bệnh chó mèo	02	03	25	DH13TY	YBVTY2	Nguyễn Văn Nghĩa
209332	Đánh giá đất	02		110	DH14QLA	PV400A	Nguyễn Du
209332	Đánh giá đất	01		110	DH14QLB	PV323	Nguyễn Du
208604	Định giá môi trường tài nguyên	01		65	DH14KM	PV400B	Lê Thanh Loan
208421	Dự án đầu tư	01		75	DH14TC	HD201	Phan Thị Lệ Hằng
208421	Dự án đầu tư	03		75	DH14PT	RD404	Trần Đức Luân
208421	Dự án đầu tư	02		75	DH14KM	RD303	Phan Thị Lệ Hằng
208421	Dự án đầu tư	02	02	25	DH14KM	I6	Trần Đức Luân
208421	Dự án đầu tư	02	03	25	DH14KM	I6	Trần Đức Luân
208421	Dự án đầu tư	02	01	25	DH14KM	I6	Trần Đức Luân
208421	Dự án đầu tư	01	01	25	DH14TC	I6	Phan Thị Lệ Hằng
208421	Dự án đầu tư	01	03	25	DH14TC	I6	Phan Thị Lệ Hằng
208421	Dự án đầu tư	01	02	25	DH14TC	I6	Phan Thị Lệ Hằng
208421	Dự án đầu tư	03	02	25	DH14PT	I6	Trần Đức Luân
208421	Dự án đầu tư	03	03	25	DH14PT	I6	Trần Đức Luân
208421	Dự án đầu tư	03	01	25	DH14PT	I6	Trần Đức Luân
205541	Công nghệ xẻ	01		60	DH14CB	RD101	Nguyễn Thị ánh Nguyệt
205541	Công nghệ xẻ	01	03	20	DH14CB	LNTNLS	Nguyễn Thị ánh Nguyệt
205541	Công nghệ xẻ	01	01	20	DH14CB	LN04	Nguyễn Thị ánh Nguyệt
205541	Công nghệ xẻ	01	02	20	DH14CB	LNTNLS	Nguyễn Thị ánh Nguyệt
216902	Thực tập giáo trình 1	01		100	DH15CH	TT.MT4	Vương Thị Thủy
216902	Thực tập giáo trình 1	02		100	DH15TK	TT.MT4	Vương Thị Thủy
203523	Sinh lý bệnh	01		100	DH14TYB	PV400B	Trần Thị Quỳnh Lan
203523	Sinh lý bệnh	03		80	DH14DY	HD205	Trần Thị Quỳnh Lan
203523	Sinh lý bệnh	04		80	DH14TYA	HD201	Trần Thị Quỳnh Lan

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM						
208492	Nghiên cứu thị trường	04		75	DH14PT	RD503 Đặng Đức Huy
208492	Nghiên cứu thị trường	01		100	DH14TM	RD104 Lê Na
208492	Nghiên cứu thị trường	03		100	DH14QT	RD103 Lê Na
208492	Nghiên cứu thị trường	02		75	DH14KN	RD204 Đặng Đức Huy
208492	Nghiên cứu thị trường	01	03	25	DH14TM	TT.KT4 Lê Na
208492	Nghiên cứu thị trường	01	01	25	DH14TM	TT.KT4 Lê Na
208492	Nghiên cứu thị trường	01	04	25	DH14TM	TT.KT4 Lê Na
208492	Nghiên cứu thị trường	01	02	25	DH14TM	TT.KT4 Lê Na
208492	Nghiên cứu thị trường	03	04	25	DH14QT	TT.KT3 Lê Na
208492	Nghiên cứu thị trường	03	01	25	DH14QT	TT.KT3 Lê Na
208492	Nghiên cứu thị trường	03	03	25	DH14QT	TT.KT3 Lê Na
208492	Nghiên cứu thị trường	03	02	25	DH14QT	TT.KT3 Lê Na
208492	Nghiên cứu thị trường	04	03	25	DH14PT	TT.KT4 Đặng Đức Huy
208492	Nghiên cứu thị trường	04	01	25	DH14PT	TT.KT3 Đặng Đức Huy
208492	Nghiên cứu thị trường	04	02	25	DH14PT	TT.KT3 Đặng Đức Huy
208492	Nghiên cứu thị trường	02	01	25	DH14KN	TT.KT3 Đặng Đức Huy
208492	Nghiên cứu thị trường	02	03	25	DH14KN	TT.KT1 Đặng Đức Huy
208492	Nghiên cứu thị trường	02	02	25	DH14KN	TT.KT4 Đặng Đức Huy
205316	Điều tra rừng	01		60	DH14LN	RD301 Nguyễn Minh Cảnh
205316	Điều tra rừng	02		60	DH14NK, DH14QR	RD301 Nguyễn Minh Cảnh
205316	Điều tra rừng	01	01	20	DH14LN	TT.LN1 Nguyễn Minh Cảnh
205316	Điều tra rừng	01	03	20	DH14LN	TT.LN3 Nguyễn Minh Cảnh
205316	Điều tra rừng	01	02	20	DH14LN	TT.LN3 Nguyễn Minh Cảnh
205316	Điều tra rừng	02	01	20	DH14NK, DH14QR	TT.LN2 Nguyễn Minh Cảnh
205316	Điều tra rừng	02	03	20	DH14NK, DH14QR	TT.LN2 Nguyễn Minh Cảnh
205316	Điều tra rừng	02	02	20	DH14NK, DH14QR	TT.LN2 Nguyễn Minh Cảnh
217101	Hóa phân tích dụng cụ	01		50	DH15HH	PV319 Phùng Võ Cẩm Hồng
217101	Hóa phân tích dụng cụ	02		50	DH15HH	PV227 Phùng Võ Cẩm Hồng
217101	Hóa phân tích dụng cụ	01	01	25	DH15HH	A204 Phùng Võ Cẩm Hồng
217101	Hóa phân tích dụng cụ	01	02	25	DH15HH	A204 Phùng Võ Cẩm Hồng
217101	Hóa phân tích dụng cụ	02	01	25	DH15HH	A204 Phùng Võ Cẩm Hồng
217101	Hóa phân tích dụng cụ	02	02	25	DH15HH	A204 Phùng Võ Cẩm Hồng
205506	Ván nhân tạo đại cương	01		50	DH14GB	PV315 Tăng Thị Kim Hồng
205506	Ván nhân tạo đại cương	01	02	25	DH14GB	LNTNLS Tăng Thị Kim Hồng
205506	Ván nhân tạo đại cương	01	01	25	DH14GB	LNTNLS Tăng Thị Kim Hồng
207110	Kỹ thuật điện tử	01		75	DH15OT	PV335 Trần Thị Kim Ngà
207110	Kỹ thuật điện tử	01	01	25	DH15OT	I3.1 Nguyễn Đăng Khoa
207110	Kỹ thuật điện tử	01	03	25	DH15OT	I3.1 Nguyễn Đăng Khoa

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
207110	Kỹ thuật điện tử	01	02	25	DH15OT	I3.1	Nguyễn Đăng Khoa
212103	Vi sinh vật môi trường	02		100	DH15DL	CT201	Nguyễn Ngọc Tâm Huyền
212103	Vi sinh vật môi trường	01		100	DH15QM	PV400B	Nguyễn Ngọc Tâm Huyền
212103	Vi sinh vật môi trường	01	03	25	DH15QM	KMT.3	Nguyễn Ngọc Tâm Huyền
212103	Vi sinh vật môi trường	01	02	25	DH15QM	KMT.3	Nguyễn Ngọc Tâm Huyền
212103	Vi sinh vật môi trường	01	01	25	DH15QM	KMT.1	Nguyễn Ngọc Tâm Huyền
212103	Vi sinh vật môi trường	01	04	25	DH15QM	KMT.3	Nguyễn Ngọc Tâm Huyền
212103	Vi sinh vật môi trường	02	01	25	DH15DL	KMT.3	Nguyễn Ngọc Tâm Huyền
212103	Vi sinh vật môi trường	02	04	25	DH15DL	KMT.1	Nguyễn Thị Hà Vy
212103	Vi sinh vật môi trường	02	02	25	DH15DL	KMT.3	Nguyễn Ngọc Tâm Huyền
212103	Vi sinh vật môi trường	02	03	25	DH15DL	KMT.3	Nguyễn Ngọc Tâm Huyền
214382	Chuyên đề mã nguồn mở	01		50	DH13DT	RD401	Nguyễn Thanh Phước
214382	Chuyên đề mã nguồn mở	01	01	50	DH13DT	R406	Nguyễn Thanh Phước
212518	Quản lý tài nguyên vùng bờ	02		80	DH14ES	RD304	Hoàng Thị Thủy
212518	Quản lý tài nguyên vùng bờ	01		80	DH14ES	RD304	Hoàng Thị Thủy
215304	Lý luận dạy học	01		150	DH14SP	TV303	Trần Ngọc Thanh
215304	Lý luận dạy học	01	02	25	DH14SP	TT.SP2	Trần Ngọc Thanh
215304	Lý luận dạy học	01	06	25	DH14SP	TT.SP2	Trần Ngọc Thanh
215304	Lý luận dạy học	01	03	25	DH14SP	TT.SP2	Trần Ngọc Thanh
215304	Lý luận dạy học	01	05	25	DH14SP	TT.SP2	Trần Ngọc Thanh
215304	Lý luận dạy học	01	04	25	DH14SP	TT.SP2	Trần Ngọc Thanh
215304	Lý luận dạy học	01	01	25	DH14SP	TT.SP2	Trần Ngọc Thanh
202110	Toán cao cấp A3	01		100	DH16DTA	CT102	Đặng Văn Quý
202110	Toán cao cấp A3	03		100	DH16DTB	TV101	Phạm Thành Kcông
202110	Toán cao cấp A3	02		100	DH16DTC	CT102	Đặng Văn Quý
202616	Tâm lý học	01		65	DH15GI	RD302	Phạm Quỳnh Trang
212505	Quản lý chất thải nguy hại	01		80	DH14QM	RD203	Nguyễn Huy Vũ
211519	An toàn Sinh học	03		80	DH15SM	HD201	Tôn Trang ánh
211519	An toàn Sinh học	01		80	DH15SHA	HD201	Tôn Trang ánh
211519	An toàn Sinh học	02		80	DH15SHB	HD201	Tôn Trang ánh
209101	Trắc địa đại cương	02		100	DH14CK	PV325	Nguyễn Văn Tân
209101	Trắc địa đại cương	01		75	DH15GI	PV337	Nguyễn Văn Tân
209101	Trắc địa đại cương	01	01	25	DH15GI	TT.QL1	Nguyễn Văn Tân
209101	Trắc địa đại cương	01	02	25	DH15GI	TT.QL9	Nguyễn Văn Tân
209101	Trắc địa đại cương	01	03	25	DH15GI	TT.QL9	Nguyễn Văn Tân
209101	Trắc địa đại cương	02	01	25	DH14CK	TT.QL9	Nguyễn Văn Tân
209101	Trắc địa đại cương	02	03	25	DH14CK	TT.QL9	Nguyễn Văn Tân
209101	Trắc địa đại cương	02	04	25	DH14CK	TT.QL4	Nguyễn Văn Tân

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
209101	Trắc địa đại cương	02	02	25	DH14CK	TT.QL9	Nguyễn Văn Tân
207615	Phương pháp số	03		80	DH15CK	RD503	Nguyễn Tấn Phúc
207615	Phương pháp số	02		80	DH15CC	RD305	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207615	Phương pháp số	01		80	DH15OT	HD301	Lê Quang Hiền
207615	Phương pháp số	01	03	20	DH15OT	I3.1	Lê Quang Hiền
207615	Phương pháp số	01	04	20	DH15OT	I3.1	Lê Quang Hiền
207615	Phương pháp số	01	02	20	DH15OT	I3.1	Lê Quang Hiền
207615	Phương pháp số	01	01	20	DH15OT	I3.1	Lê Quang Hiền
207615	Phương pháp số	02	04	20	DH15CC	I3.2	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207615	Phương pháp số	02	01	20	DH15CC	I3.2	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207615	Phương pháp số	02	02	20	DH15CC	I3.2	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207615	Phương pháp số	02	03	20	DH15CC	I3.2	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207615	Phương pháp số	03	03	20	DH15CK	I3.1	Nguyễn Tấn Phúc
207615	Phương pháp số	03	02	20	DH15CK	I3.1	Nguyễn Tấn Phúc
207615	Phương pháp số	03	01	20	DH15CK	I3.1	Nguyễn Tấn Phúc
207615	Phương pháp số	03	04	20	DH15CK	I3.1	Nguyễn Tấn Phúc
206405	Kinh tế thủy sản	01		65	DH16KS	PV315	Võ Thanh Liêm
204421	Cây ăn quả	02		100	DH14NHB	CT102	Phạm Thị Minh Tâm
204421	Cây ăn quả	01		100	DH14NHA	CT102	Phạm Thị Minh Tâm
204421	Cây ăn quả	01	02	25	DH14NHA	P113.2	Phạm Thị Minh Tâm
204421	Cây ăn quả	01	03	25	DH14NHA	P113.2	Phạm Thị Minh Tâm
204421	Cây ăn quả	01	04	25	DH14NHA	P113.2	Phạm Thị Minh Tâm
204421	Cây ăn quả	01	01	25	DH14NHA	P113.2	Phạm Thị Minh Tâm
204421	Cây ăn quả	02	02	25	DH14NHB	P113.2	Phạm Thị Minh Tâm
204421	Cây ăn quả	02	01	25	DH14NHB	P113.1	Phạm Thị Minh Tâm
204421	Cây ăn quả	02	03	25	DH14NHB	P113.2	Phạm Thị Minh Tâm
204421	Cây ăn quả	02	04	25	DH14NHB	P113.1	Phạm Thị Minh Tâm
218308	GIS ứng dụng	03		50	DH14GI	RD202	Nguyễn Kim Lợi
218308	GIS ứng dụng	01		50	DH14DL	RD301	Nguyễn Kim Lợi
218308	GIS ứng dụng	01	01	25	DH14DL	R405	Nguyễn Kim Lợi
218308	GIS ứng dụng	01	02	25	DH14DL	R405	Nguyễn Kim Lợi
218308	GIS ứng dụng	03	02	25	DH14GI	R405	Nguyễn Kim Lợi
218308	GIS ứng dụng	03	01	25	DH14GI	R405	Nguyễn Kim Lợi
205811	Nguyên lý và cấu tạo kiến trúc	01		60	DH14GN	RD302	Phạm Ngọc Nam
208348	Kế toán tài chính 2	01		80	DH15KE	TV302	Nguyễn Thị Minh Đức
208348	Kế toán tài chính 2	02		80	DH15KE	HD303	Lê Văn Hoa
216211	Thi công cảnh quan	01		75	DH14TK	HD204	Phạm Minh Thịnh
216211	Thi công cảnh quan	01	03	25	DH14TK	TT.MT6	Phạm Minh Thịnh

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
216211	Thi công cảnh quan	01	01	25	DH14TK	TT.MT6	Phạm Minh Thịnh
216211	Thi công cảnh quan	01	02	25	DH14TK	TT.MT6	Phạm Minh Thịnh
215310	Quản lý HCNH và GD&ĐT	01		120	DH15SP	TV102	Hà Thị Ngọc Thương
208120	Kinh tế vĩ mô 2	02		80	DH15KT	PV337	Trần Hoài Nam
208120	Kinh tế vĩ mô 2	01		80	DH15PT	PV335	Đỗ Minh Hoàng
208120	Kinh tế vĩ mô 2	03		80	DH15KM	TV301	Đỗ Minh Hoàng
202408	Sinh học động vật	05		125	DH16TY	TV101	Nguyễn Hữu Trí
202408	Sinh học động vật	04		100	DH16CN	RD104	Trần Thị Thanh Hương
202408	Sinh học động vật	03		100	DH16DY, DH16TA	TV102	Trần Thị Thanh Hương
202408	Sinh học động vật	06		125	DH16TY	TV101	Nguyễn Hữu Trí
202408	Sinh học động vật	04	01	25	DH16CN	TNST.2	Nguyễn Hữu Trí
202408	Sinh học động vật	04	04	25	DH16CN	TNST.1	Nguyễn Hữu Trí
202408	Sinh học động vật	04	03	25	DH16CN	TNSD.1	Nguyễn Hữu Trí
202408	Sinh học động vật	04	02	25	DH16CN	TNST.2	Nguyễn Hữu Trí
202408	Sinh học động vật	03	01	25	DH16DY, DH16TA	TNST.2	Nguyễn Hữu Trí
202408	Sinh học động vật	03	04	25	DH16DY, DH16TA	TNSD.2	Nguyễn Hữu Trí
202408	Sinh học động vật	03	03	25	DH16DY, DH16TA	TNSD.2	Nguyễn Hữu Trí
202408	Sinh học động vật	03	02	25	DH16DY, DH16TA	TNSD.2	Nguyễn Hữu Trí
202408	Sinh học động vật	05	01	25	DH16TY	TNST.2	Nguyễn Thị Mai
202408	Sinh học động vật	05	05	25	DH16TY	TNSD.1	Trần Thị Ngọc ánh
202408	Sinh học động vật	05	04	25	DH16TY	TNST.2	Nguyễn Thị Mai
202408	Sinh học động vật	05	02	25	DH16TY	TNSD.1	Trần Thị Ngọc ánh
202408	Sinh học động vật	05	03	25	DH16TY	TNST.2	Nguyễn Thị Mai
202408	Sinh học động vật	06	02	25	DH16TY	TNST.2	Nguyễn Thị Mai
202408	Sinh học động vật	06	01	25	DH16TY	TNST.2	Nguyễn Thị Mai
202408	Sinh học động vật	06	05	25	DH16TY	TNST.2	Nguyễn Thị Mai
202408	Sinh học động vật	06	04	25	DH16TY	TNST.2	Nguyễn Thị Mai
202408	Sinh học động vật	06	03	25	DH16TY	TNST.2	Nguyễn Thị Mai
213127	TESOL Methodology 2	01		30	DH14AV	NN206	Phùng Thị Quỳnh Chi
213127	TESOL Methodology 2	02		30	DH14AV	NN205	Phùng Thị Quỳnh Chi
208416	Quản trị học	08		80	DH15NT	RD403	Lê Na
208416	Quản trị học	04		80	DH16KS	RD303	Lê Thành Hưng
208416	Quản trị học	13		80	DH16KT	HD305	Lê Na
208416	Quản trị học	02		80	DH15CD	RD504	Lê Thành Hưng
208416	Quản trị học	15		100	DH16QT	CT102	Lê Na
208416	Quản trị học	07		80	DH16KN	RD403	Lê ánh Tuyết
208416	Quản trị học	05		80	DH13TY	HD205	Lê ánh Tuyết
208416	Quản trị học	06		80	DH16TK	RD504	Lê Na

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM						
208416	Quản trị học	11		80	DH16CK	RD403 Lê Na
208416	Quản trị học	09		80	DH16CH	RD105 Lê ánh Tuyết
208416	Quản trị học	14		100	DH16QT	TV303 Lê ánh Tuyết
208416	Quản trị học	01		80	DH13DY	RD503 Lê Thành Hưng
208416	Quản trị học	12		80	DH16KT	RD104 Lê ánh Tuyết
208225	Tin học ứng dụng trong Q.Trị	01		125	DH15QT	HD301 Tiêu Nguyên Thảo
208225	Tin học ứng dụng trong Q.Trị	01	04	25	DH15QT	TT.KT1 Tiêu Nguyên Thảo
208225	Tin học ứng dụng trong Q.Trị	01	05	25	DH15QT	TT.KT4 Tiêu Nguyên Thảo
208225	Tin học ứng dụng trong Q.Trị	01	02	25	DH15QT	TT.KT4 Tiêu Nguyên Thảo
208225	Tin học ứng dụng trong Q.Trị	01	01	25	DH15QT	TT.KT2 Tiêu Nguyên Thảo
208225	Tin học ứng dụng trong Q.Trị	01	03	25	DH15QT	TT.KT4 Tiêu Nguyên Thảo
208347	Tài chính doanh nghiệp 1	02		100	DH15TC	TV103 Tôn Thất Đào
208347	Tài chính doanh nghiệp 1	01		100	DH15KE	TV103 Bùi Công Luận
208347	Tài chính doanh nghiệp 1	01	02	25	DH15KE	RD304 Bùi Công Luận
208347	Tài chính doanh nghiệp 1	01	01	25	DH15KE	RD501 Bùi Công Luận
208347	Tài chính doanh nghiệp 1	01	04	25	DH15KE	RD304 Bùi Công Luận
208347	Tài chính doanh nghiệp 1	01	03	25	DH15KE	RD304 Bùi Công Luận
208347	Tài chính doanh nghiệp 1	02	03	25	DH15TC	TT.KT5 Tôn Thất Đào
208347	Tài chính doanh nghiệp 1	02	01	25	DH15TC	TT.KT4 Tôn Thất Đào
208347	Tài chính doanh nghiệp 1	02	02	25	DH15TC	TT.KT3 Tôn Thất Đào
208347	Tài chính doanh nghiệp 1	02	04	25	DH15TC	TT.KT5 Tôn Thất Đào
208613	Hạch toán quản lý MT trong DN	02		95	DH14KM	PV400B Lê Thanh Loan
208613	Hạch toán quản lý MT trong DN	01		95	DH14KE	PV335 Lê Thanh Loan
213908	Tổng hợp chuyên ngành	02		80	DH13AV	NN208 Nguyễn Liên Hương
213908	Tổng hợp chuyên ngành	03		80	DH13AV	NN203 Ngô Phan Lan Dung
213908	Tổng hợp chuyên ngành	01		80	DH13AV	NN210 Lê Thị Ngân Vang
216208	Kỹ thuật trồng hoa lan	01		50	DH14TK	RD201 Đinh Quang Diệp
216208	Kỹ thuật trồng hoa lan	01	01	25	DH14TK	TT.MT7 Đinh Quang Diệp
216208	Kỹ thuật trồng hoa lan	01	02	25	DH14TK	TT.MT7 Đinh Quang Diệp
207314	Thực tập lái máy	02		20	DH14CK	CK08 Kiều Văn Đức
207314	Thực tập lái máy	01		20	DH14CK	CK08 Kiều Văn Đức
207314	Thực tập lái máy	03		20	DH14CK	CK08 Kiều Văn Đức
207314	Thực tập lái máy	05		20	DH14CK	CK08 Trần Văn Hoàng
207314	Thực tập lái máy	04		20	DH14CK	CK08 Trần Văn Hoàng
204314	Sử dụng đất	02		80	DH13NHB	PV227 Lê Văn Dũ
204314	Sử dụng đất	01		80	DH13NHA	PV227 Lê Văn Dũ
204514	Cây CNNN 2 (Đ. Nành+Phụng)	02		80	DH14SP	RD504 Nguyễn Thị Huyền Trang
204514	Cây CNNN 2 (Đ. Nành+Phụng)	01		80	DH14SP	RD203 Nguyễn Thị Thúy Liễu

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
209419	Thanh tra xây dựng	01		80	DH14QD	HD305	Nguyễn Thị Ngọc ánh
207416	Thiết bị lạnh	01		80	DH14CC	RD503	Nguyễn Thanh Hào
207416	Thiết bị lạnh	01	01	20	DH14CC	CK03.1	Nguyễn Thanh Hào
207416	Thiết bị lạnh	01	02	20	DH14CC	CK03.1	Nguyễn Thanh Hào
207416	Thiết bị lạnh	01	04	20	DH14CC	CK03.1	Nguyễn Thanh Hào
207416	Thiết bị lạnh	01	03	20	DH14CC	CK03.1	Nguyễn Thanh Hào
203516	Vi sinh học đại cương	04		75	DH15DY	RD204	Hồ Thị Kim Hoa
203516	Vi sinh học đại cương	06		100	DH15NT	TV202	Nguyễn Hoàng Nam Kha
203516	Vi sinh học đại cương	02		100	DH15DD	CT101	Vũ Thị Lâm An
203516	Vi sinh học đại cương	12		100	DH15TY	RD103	Hồ Thị Kim Hoa
203516	Vi sinh học đại cương	09		100	DH15SP	CT101	Nguyễn Ngọc Hải
203516	Vi sinh học đại cương	07		100	DH15TA	PV225	Nguyễn Ngọc Hải
203516	Vi sinh học đại cương	01		75	DH16QR	PV335	Nguyễn Ngọc Hải
203516	Vi sinh học đại cương	03		75	DH15NY	TV302	Nguyễn Hoàng Nam Kha
203516	Vi sinh học đại cương	10		100	DH15BQ	PV225	Vũ Thị Lâm An
203516	Vi sinh học đại cương	11		100	DH15TY	RD103	Hồ Thị Kim Hoa
203516	Vi sinh học đại cương	08		100	DH15VT	PV225	Vũ Thị Lâm An
203516	Vi sinh học đại cương	04	03	25	DH15DY	YVS1	Lê Hữu Ngọc
203516	Vi sinh học đại cương	04	01	25	DH15DY	YVS1	Lê Hữu Ngọc
203516	Vi sinh học đại cương	04	02	25	DH15DY	YVS1	Lê Hữu Ngọc
203516	Vi sinh học đại cương	09	04	25	DH15SP	YVS2	Khoa Phụ Trách Khoa Cn
203516	Vi sinh học đại cương	09	03	25	DH15SP	YVS2	Khoa Phụ Trách Khoa Cn
203516	Vi sinh học đại cương	09	01	25	DH15SP	YVS2	Khoa Phụ Trách Khoa Cn
203516	Vi sinh học đại cương	09	02	25	DH15SP	YVS2	Khoa Phụ Trách Khoa Cn
203516	Vi sinh học đại cương	07	01	25	DH15TA	YVS1	Lê Hữu Ngọc
203516	Vi sinh học đại cương	07	02	25	DH15TA	YVS2	Khoa Phụ Trách Khoa Cn
203516	Vi sinh học đại cương	07	03	25	DH15TA	YVS2	Khoa Phụ Trách Khoa Cn
203516	Vi sinh học đại cương	07	04	25	DH15TA	YVS2	Khoa Phụ Trách Khoa Cn
203516	Vi sinh học đại cương	08	03	25	DH15VT	YVS1	Vũ Thị Lâm An
203516	Vi sinh học đại cương	08	02	25	DH15VT	YVS1	Vũ Thị Lâm An
203516	Vi sinh học đại cương	08	01	25	DH15VT	YVS1	Vũ Thị Lâm An
203516	Vi sinh học đại cương	08	04	25	DH15VT	YVS1	Vũ Thị Lâm An
203516	Vi sinh học đại cương	12	03	25	DH15TY	YVS1	Lê Hữu Ngọc
203516	Vi sinh học đại cương	12	04	25	DH15TY	YVS1	Lê Hữu Ngọc
203516	Vi sinh học đại cương	12	01	25	DH15TY	YVS1	Lê Hữu Ngọc
203516	Vi sinh học đại cương	12	02	25	DH15TY	YVS1	Lê Hữu Ngọc
203516	Vi sinh học đại cương	10	02	25	DH15BQ	YVS1	Vũ Thị Lâm An
203516	Vi sinh học đại cương	10	04	25	DH15BQ	YVS1	Vũ Thị Lâm An

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
203516	Vi sinh học đại cương	10	03	25	DH15BQ	YVS1	Vũ Thị Lâm An
203516	Vi sinh học đại cương	10	01	25	DH15BQ	YVS1	Vũ Thị Lâm An
203516	Vi sinh học đại cương	06	03	25	DH15NT	YVS1	Trần Hồng Thủy
203516	Vi sinh học đại cương	06	02	25	DH15NT	YVS1	Trần Hồng Thủy
203516	Vi sinh học đại cương	06	04	25	DH15NT	YVS1	Trần Hồng Thủy
203516	Vi sinh học đại cương	06	01	25	DH15NT	YVS1	Trần Hồng Thủy
203516	Vi sinh học đại cương	02	01	25	DH15DD	YVS1	Vũ Thị Lâm An
203516	Vi sinh học đại cương	02	02	25	DH15DD	YVS1	Vũ Thị Lâm An
203516	Vi sinh học đại cương	02	04	25	DH15DD	YVS1	Vũ Thị Lâm An
203516	Vi sinh học đại cương	02	03	25	DH15DD	YVS1	Vũ Thị Lâm An
203516	Vi sinh học đại cương	11	04	25	DH15TY	YVS1	Lê Hữu Ngọc
203516	Vi sinh học đại cương	11	01	25	DH15TY	YVS1	Lê Hữu Ngọc
203516	Vi sinh học đại cương	11	03	25	DH15TY	YVS1	Lê Hữu Ngọc
203516	Vi sinh học đại cương	11	02	25	DH15TY	YVS1	Lê Hữu Ngọc
203516	Vi sinh học đại cương	01	01	25	DH16QR	YVS1	Lê Hữu Ngọc
203516	Vi sinh học đại cương	01	02	25	DH16QR	YVS1	Lê Hữu Ngọc
203516	Vi sinh học đại cương	01	03	25	DH16QR	YVS1	Lê Hữu Ngọc
203516	Vi sinh học đại cương	03	02	25	DH15NY	YVS1	Trần Hồng Thủy
203516	Vi sinh học đại cương	03	01	25	DH15NY	YVS3	Trần Hồng Thủy
203516	Vi sinh học đại cương	03	03	25	DH15NY	YVS1	Trần Hồng Thủy
212520	Quản lý tài nguyên đất	01		80	DH14QM	RD203	Trần Thị Yên Phương
207202	Cơ lưu chất	02		80	DH15CK	HD201	Nguyễn Huy Bích
207202	Cơ lưu chất	03		65	DH15CC	RD101	Bùi Ngọc Hùng
207202	Cơ lưu chất	01		80	DH15TD, DH16CD	HD203	Nguyễn Huy Bích
203103	Sinh lý 1	05		100	DH15TY	PV400B	Hồ Thị Nga
203103	Sinh lý 1	03		100	DH15CN	PV400A	Hồ Thị Nga
203103	Sinh lý 1	06		75	DH15TY	PV400B	Trần Thị Quỳnh Lan
203103	Sinh lý 1	04		100	DH15TA	PV325	Hồ Thị Nga
203103	Sinh lý 1	01		100	DH15DY	PV337	Hồ Thị Nga
203103	Sinh lý 1	03	01	25	DH15CN	P201	Hồ Thị Nga
203103	Sinh lý 1	03	04	25	DH15CN	P201	Hồ Thị Nga
203103	Sinh lý 1	03	03	25	DH15CN	P201	Hồ Thị Nga
203103	Sinh lý 1	03	02	25	DH15CN	P201	Hồ Thị Nga
203103	Sinh lý 1	05	01	25	DH15TY	P201	Hồ Thị Nga
203103	Sinh lý 1	05	03	25	DH15TY	P203	Hồ Thị Nga
203103	Sinh lý 1	05	02	25	DH15TY	P203	Hồ Thị Nga
203103	Sinh lý 1	05	04	25	DH15TY	P203	Hồ Thị Nga
203103	Sinh lý 1	01	02	25	DH15DY	P201	Hồ Thị Nga

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
203103	Sinh lý 1	01	01	25	DH15DY	P201	Hồ Thị Nga
203103	Sinh lý 1	01	03	25	DH15DY	P201	Hồ Thị Nga
203103	Sinh lý 1	01	04	25	DH15DY	P203	Hồ Thị Nga
203103	Sinh lý 1	04	04	25	DH15TA	P203	Hồ Thị Nga
203103	Sinh lý 1	04	02	25	DH15TA	P203	Hồ Thị Nga
203103	Sinh lý 1	04	03	25	DH15TA	P203	Hồ Thị Nga
203103	Sinh lý 1	04	01	25	DH15TA	P201	Hồ Thị Nga
203103	Sinh lý 1	06	01	25	DH15TY	P203	Trần Thị Quỳnh Lan
203103	Sinh lý 1	06	03	25	DH15TY	P203	Trần Thị Quỳnh Lan
203103	Sinh lý 1	06	02	25	DH15TY	P203	Trần Thị Quỳnh Lan
200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	04		120	DH15SHA	TV201	Lê Thị Kim Chi
200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	01		120	DH14KE	TV201	Lê Thị Kim Chi
200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	06		120	DH15SHB	HD303	Lê Quang Hậu
200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	07		140	DH14KL, DH14KM, DH14KT	RD200	Phan Kim Dung
200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	09		120	DH14VT	RD200	Phan Kim Dung
200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	05		140	DH14DTB	HD301	Phạm Văn Boong
200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	08		120	DH13TY	RD200	Phan Kim Dung
200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	12		120	DH15SM	RD200	Phan Kim Dung
200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	17		120	DH14DL	RD100	Võ Thị Hồng
200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	19		140	DH15CK, DH15NL	RD100	Võ Thị Hồng
200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	20		120	DH14BQ	RD100	Võ Thị Hồng
200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	21		120	DH13DY	RD100	Võ Thị Hồng
200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	15		120	DH14DD	RD100	Võ Thị Hồng
200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	18		140	DH15CC, DH15CD	RD100	Võ Thị Hồng
200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	16		140	DH14DTA	RD100	Võ Thị Hồng
215350	Thực tập giáo trình CNTY	01		130	DH14SP	TT.TY2	Khoa Quản Lý Khoa Nn
208493	Marketing thương mại	01		120	DH14TM	RD200	Hoàng Thế Vinh
203100	Sinh hóa biển dưỡng	05		75	DH15TA	RD104	Đỗ Hiếu Liêm
203100	Sinh hóa biển dưỡng	06		75	DH15TA	PV400A	Lê Thụy Bình Phương
203100	Sinh hóa biển dưỡng	04		75	DH15TY	RD106	Hồ Thị Kim Hoa
203100	Sinh hóa biển dưỡng	03		75	DH15TY	RD105	Lê Thụy Bình Phương
203100	Sinh hóa biển dưỡng	03	02	25	DH15TY	P203	Lê Thụy Bình Phương
203100	Sinh hóa biển dưỡng	03	03	25	DH15TY	P201	Lê Thụy Bình Phương
203100	Sinh hóa biển dưỡng	03	01	25	DH15TY	P201	Lê Thụy Bình Phương
203100	Sinh hóa biển dưỡng	05	01	25	DH15TA	P203	Đỗ Hiếu Liêm
203100	Sinh hóa biển dưỡng	05	03	25	DH15TA	P201	Đỗ Hiếu Liêm
203100	Sinh hóa biển dưỡng	05	02	25	DH15TA	P203	Đỗ Hiếu Liêm
203100	Sinh hóa biển dưỡng	04	03	25	DH15TY	P203	Hồ Thị Kim Hoa

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
203100	Sinh hóa biển dưỡng	04	02	25	DH15TY	P203	Hồ Thị Kim Hoa
203100	Sinh hóa biển dưỡng	04	01	25	DH15TY	P203	Hồ Thị Kim Hoa
203100	Sinh hóa biển dưỡng	06	02	25	DH15TA	P201	Lê Thụy Bình Phương
203100	Sinh hóa biển dưỡng	06	03	25	DH15TA	P203	Lê Thụy Bình Phương
203100	Sinh hóa biển dưỡng	06	01	25	DH15TA	P201	Lê Thụy Bình Phương
206203	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	03		80	DH14TA	HD204	Ngô Văn Ngọc
206203	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	02		80	DH14KS	RD403	Nguyễn Thanh Tâm
206203	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	01		80	DH14CN	HD204	Nguyễn Thanh Tâm
207425	Kỹ thuật năng lượng nhiệt điện	01		60	DH14NL	RD402	Nguyễn Lê Tường
207425	Kỹ thuật năng lượng nhiệt điện	01	03	20	DH14NL	RD401	Nguyễn Lê Tường
207425	Kỹ thuật năng lượng nhiệt điện	01	01	20	DH14NL	RD202	Nguyễn Lê Tường
207425	Kỹ thuật năng lượng nhiệt điện	01	02	20	DH14NL	RD401	Nguyễn Lê Tường
206401	Thống kê và PP Thí nghiệm	01		75	DH14NT	HD205	Nguyễn Phúc Cẩm Tú
206401	Thống kê và PP Thí nghiệm	02		75	DH14CT	HD305	Nguyễn Phúc Cẩm Tú
206401	Thống kê và PP Thí nghiệm	02	03	25	DH14CT	TH.P01	Nguyễn Phúc Cẩm Tú
206401	Thống kê và PP Thí nghiệm	02	01	25	DH14CT	TH.P01	Nguyễn Phúc Cẩm Tú
206401	Thống kê và PP Thí nghiệm	02	02	25	DH14CT	TH.P01	Nguyễn Phúc Cẩm Tú
206401	Thống kê và PP Thí nghiệm	01	02	25	DH14NT	TH.P02	Nguyễn Phúc Cẩm Tú
206401	Thống kê và PP Thí nghiệm	01	03	25	DH14NT	TH.P02	Nguyễn Phúc Cẩm Tú
206401	Thống kê và PP Thí nghiệm	01	01	25	DH14NT	TH.P02	Nguyễn Phúc Cẩm Tú
205815	Autocad ứng dụng	01		50	DH14GB	RD302	Phạm Ngọc Nam
205815	Autocad ứng dụng	01	02	25	DH14GB	TH.P01	Phạm Ngọc Nam
205815	Autocad ứng dụng	01	01	25	DH14GB	TH.P01	Phạm Ngọc Nam
208526	Lý thuyết phát triển	01		75	DH16PT	RD403	Nguyễn Ngọc Thùy
208526	Lý thuyết phát triển	01	02	25	DH16PT	CT202	Nguyễn Ngọc Thùy
208526	Lý thuyết phát triển	01	01	25	DH16PT	CT202	Nguyễn Ngọc Thùy
208526	Lý thuyết phát triển	01	03	25	DH16PT	CT202	Nguyễn Ngọc Thùy
207529	KT lập trình ĐKTD quá trình	01		80	DH13TD	HD205	Lê Quang Hiền
217202	Giới thiệu công nghệ hóa	02		80	DH15HH	RD305	Trương Vĩnh
217202	Giới thiệu công nghệ hóa	01		80	DH15HH	RD305	Trương Vĩnh
208364	Kế toán ứng dụng	01		65	DH13KE	PV219	Nguyễn Thị Minh Đức
208364	Kế toán ứng dụng	02		65	DH13KE	PV219	Nguyễn Thị Minh Đức
208609	Kinh tế QL tài nguyên nước	01		65	DH14KM	RD401	Mai Đình Quý
207516	PLC & ứng dụng	01		80	DH14TD	PV325	Đào Duy Vinh
207516	PLC & ứng dụng	01	04	20	DH14TD	R205.2	Đào Duy Vinh
207516	PLC & ứng dụng	01	02	20	DH14TD	R205.2	Đào Duy Vinh
207516	PLC & ứng dụng	01	01	20	DH14TD	R205.2	Đào Duy Vinh
207516	PLC & ứng dụng	01	03	20	DH14TD	R205.2	Đào Duy Vinh

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
205544	Keo dán gỗ	01		60	DH14CB	RD301	Bùi Thị Thiên Kim
205544	Keo dán gỗ	01	02	20	DH14CB	LNTNLS	Bùi Thị Thiên Kim
205544	Keo dán gỗ	01	03	20	DH14CB	LNTNLS	Bùi Thị Thiên Kim
205544	Keo dán gỗ	01	01	20	DH14CB	LNTNLS	Bùi Thị Thiên Kim
205701	QT&TB CNHH	01		50	DH14GB, DH15GB	RD201	Huỳnh Ngọc Hưng
205701	QT&TB CNHH	01	01	25	DH14GB, DH15GB	LN01	Huỳnh Ngọc Hưng
205701	QT&TB CNHH	01	02	25	DH14GB, DH15GB	LN01	Huỳnh Ngọc Hưng
207303	Máy làm đất	02		40	DH14CK	RD102	Trần Văn Khanh
207303	Máy làm đất	01		80	DH14CK	RD305	Trần Văn Khanh
207303	Máy làm đất	02	02	20	DH14CK	CK10	Phạm Duy Lam
207303	Máy làm đất	02	01	20	DH14CK	CK10	Phạm Duy Lam
207303	Máy làm đất	01	02	20	DH14CK	CK10	Trần Văn Khanh
207303	Máy làm đất	01	01	20	DH14CK	CK10	Trần Văn Khanh
207303	Máy làm đất	01	03	20	DH14CK	CK10	Trần Văn Khanh
208422	Hành vi tổ chức	01		80	DH15KN	PV223	Hoàng Thế Vinh
208422	Hành vi tổ chức	03		80	DH15QT	PV323	Hoàng Thế Vinh
208422	Hành vi tổ chức	02		80	DH15KT	RD104	Hoàng Thế Vinh
205198	Thực tập cơ sở ngành LN	02		60	DH14LN, DH14QR	TT.LN1	Phạm Thanh Hải
205198	Thực tập cơ sở ngành LN	01		60	DH14NK	TT.LN2	Phan Minh Xuân
212531	Kiểm toán môi trường	01		95	DH14QM	RD104	Bùi Thị Cẩm Nhi
212531	Kiểm toán môi trường	02		95	DH14DL, DH14MT	PV337	Bùi Thị Cẩm Nhi
208351	Tài chính doanh nghiệp 2	01		80	DH14TC	TV301	Tôn Thất Đào
213124	Interpretation V-E	01		40	DH14AV	NN205	Huỳnh Bảo Phương
213124	Interpretation V-E	03		40	DH14AV	NN205	Bùi Quốc Chính
213124	Interpretation V-E	02		40	DH14AV	NN203	Huỳnh Bảo Phương
205429	Tiếp thị sản phẩm NLKH	01		65	DH14NK	RD101	Nguyễn Thị Kim Tài
217504	Hóa học thực phẩm	01		65	DH14HD	RD401	Bộ Môn Cnhh Bmchnh
212304	Mạng lưới cấp và thoát nước	02		90	DH15MT	HD303	Vũ Văn Quang
212304	Mạng lưới cấp và thoát nước	01		90	DH15MT	HD303	Vũ Văn Quang
208429	Quản trị chất lượng	01		80	DH14TM	HD301	Phạm Thùy Dung
203517	Phương pháp bố trí thí nghiệm	03		75	DH14DY	RD106	Trần Văn Chính
203517	Phương pháp bố trí thí nghiệm	01		100	DH14TYB	PV400B	Trần Văn Chính
203517	Phương pháp bố trí thí nghiệm	04		100	DH14TYA	RD104	Trần Văn Chính
203517	Phương pháp bố trí thí nghiệm	03	01	25	DH14DY	TH.P02	Cao Phước Uyên Trân
203517	Phương pháp bố trí thí nghiệm	03	03	25	DH14DY	TH.P02	Cao Phước Uyên Trân
203517	Phương pháp bố trí thí nghiệm	03	02	25	DH14DY	TH.P02	Cao Phước Uyên Trân
203517	Phương pháp bố trí thí nghiệm	01	04	25	DH14TYB	TH.P02	Cao Phước Uyên Trân
203517	Phương pháp bố trí thí nghiệm	01	03	25	DH14TYB	TH.P02	Cao Phước Uyên Trân

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
203517	Phương pháp bố trí thí nghiệm	01	02	25	DH14TYB	TH.P02	Cao Phước Uyên Trân
203517	Phương pháp bố trí thí nghiệm	01	01	25	DH14TYB	TH.P02	Cao Phước Uyên Trân
203517	Phương pháp bố trí thí nghiệm	04	04	25	DH14TYA	TH.P03	Cao Phước Uyên Trân
203517	Phương pháp bố trí thí nghiệm	04	02	25	DH14TYA	TH.P02	Cao Phước Uyên Trân
203517	Phương pháp bố trí thí nghiệm	04	01	25	DH14TYA	TH.P02	Cao Phước Uyên Trân
203517	Phương pháp bố trí thí nghiệm	04	03	25	DH14TYA	TH.P03	Cao Phước Uyên Trân
204211	Công nghệ nhân giống	02		75	DH14NHB	RD305	Nguyễn Phương
204211	Công nghệ nhân giống	01		75	DH14NHA	RD305	Nguyễn Phương
204211	Công nghệ nhân giống	02	03	25	DH14NHB	P109	Nguyễn Phương
204211	Công nghệ nhân giống	02	02	25	DH14NHB	P109	Nguyễn Phương
204211	Công nghệ nhân giống	02	01	25	DH14NHB	P109	Nguyễn Phương
204211	Công nghệ nhân giống	01	02	25	DH14NHA	P109	Nguyễn Phương
204211	Công nghệ nhân giống	01	03	25	DH14NHA	P109	Nguyễn Phương
204211	Công nghệ nhân giống	01	01	25	DH14NHA	P109	Nguyễn Phương
206409	Marketing Thủy sản	04		65	DH13NY	PV333	Hà Thị Thu Hòa
206409	Marketing Thủy sản	01		65	DH14KS	RD303	Hà Thị Thu Hòa
206409	Marketing Thủy sản	02		65	DH13NT	PV333	Hà Thị Thu Hòa
206409	Marketing Thủy sản	03		65	DH13CT	PV333	Hà Thị Thu Hòa
208375	Kế toán thương mại, dịch vụ	01		95	DH14KE	PV325	Bùi Công Luận
205817	Thực tập các môn cơ sở GN	01		60	DH14GN	TT.LN1	Phạm Ngọc Nam
207502	Cơ sở điều khiển tự động	01		75	DH15TD	HD201	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207502	Cơ sở điều khiển tự động	01	03	25	DH15TD	P331	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207502	Cơ sở điều khiển tự động	01	02	25	DH15TD	P331	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
207502	Cơ sở điều khiển tự động	01	01	25	DH15TD	P331	Nguyễn Võ Ngọc Thạch
215346	Tham quan giáo dục	01		130	DH14SP	TT.SP2	Nguyễn Thanh Bình
202501	Giáo dục thể chất 1*	14		50	DH16NHB	NTD8	Nguyễn Bá Toàn
202501	Giáo dục thể chất 1*	03		50	DH16KS	NTD1	Nguyễn Lưu Nguyễn
202501	Giáo dục thể chất 1*	10		50	DH16NHA	NTD6	Bùi Minh Tâm
202501	Giáo dục thể chất 1*	02		50	DH16NY	NTD7	Bùi Minh Tâm
202501	Giáo dục thể chất 1*	13		50	DH16NHB	NTD8	Nguyễn Đình Trường
202501	Giáo dục thể chất 1*	12		50	DH16NT	NTD6	Bùi Minh Tâm
202501	Giáo dục thể chất 1*	09		50	DH16NHA	NTD7	Lê Mạnh Cường
202501	Giáo dục thể chất 1*	04		50	DH16CT	NTD1	Nguyễn Đình Trường
202501	Giáo dục thể chất 1*	07		50	DH16BV	NTD1	Nguyễn Bá Toàn
202501	Giáo dục thể chất 1*	11		50	DH16NT	NTD8	Nguyễn Lưu Nguyễn
202501	Giáo dục thể chất 1*	08		50	DH16BV	NTD10	Phan Hoàng Vũ
212926	Khoa học trái đất	01		100	DH15ES	RD200	Nguyễn Thị Hà Vy
206310	Thuốc & hoá chất trong nuôi TS	01		65	DH14KS	PV315	Trần Hữu Lộc

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
206310	Thuốc & hoá chất trong nuôi TS	02		65	DH14NY	PV319	Trần Hữu Lộc
204913	Báo cáo chuyên đề 4	04		120	DH15NHB	PV100	Trần Văn Bình
204913	Báo cáo chuyên đề 4	02		120	DH15NHA	PV100	Hồ Tấn Quốc
204913	Báo cáo chuyên đề 4	01		120	DH15BV	PV100	Nguyễn Tuấn Đạt
207109	Kỹ thuật điện	03		80	DH15CC	RD504	Nguyễn Lê Tường
207109	Kỹ thuật điện	01		80	DH15OT	RD106	Nguyễn Lê Tường
207109	Kỹ thuật điện	02		80	DH15NL	TV202	Nguyễn Lê Tường
207109	Kỹ thuật điện	02	02	25	DH15NL	P321	Vũ Bá Xích
207109	Kỹ thuật điện	02	04	25	DH15NL	P321	Vũ Bá Xích
207109	Kỹ thuật điện	02	03	25	DH15NL	P321	Vũ Bá Xích
207109	Kỹ thuật điện	02	01	25	DH15NL	P321	Vũ Bá Xích
207109	Kỹ thuật điện	03	04	25	DH15CC	P321	Vũ Bá Xích
207109	Kỹ thuật điện	03	01	25	DH15CC	P321	Vũ Bá Xích
207109	Kỹ thuật điện	03	03	25	DH15CC	P321	Vũ Bá Xích
207109	Kỹ thuật điện	03	02	25	DH15CC	P321	Vũ Bá Xích
207109	Kỹ thuật điện	01	03	25	DH15OT	P321	Vũ Bá Xích
207109	Kỹ thuật điện	01	02	25	DH15OT	P321	Vũ Bá Xích
207109	Kỹ thuật điện	01	01	25	DH15OT	P321	Vũ Bá Xích
207109	Kỹ thuật điện	01	04	25	DH15OT	P321	Vũ Bá Xích
203920	Thực tập trang trại TY	01		150	DH13TY	TT.TY3	Nguyễn Đình Quát
210318	Nhiệt kỹ thuật thực phẩm	01		110	DH15DD	PV325	Lê Anh Đức
210318	Nhiệt kỹ thuật thực phẩm	03		110	DH15BQ	CT102	Lê Anh Đức
210318	Nhiệt kỹ thuật thực phẩm	02		110	DH15VT	PV325	Lê Anh Đức
203203	Di truyền học đại cương	01		75	DH16QR	PV223	Võ Thị Tuyết
203203	Di truyền học đại cương	03		75	DH16LN	PV223	Võ Thị Tuyết
203203	Di truyền học đại cương	04		75	DH16NT	RD101	Nguyễn Thị Thanh Trúc
203203	Di truyền học đại cương	01	03	25	DH16QR	YDT	Quách Tuyết Anh
203203	Di truyền học đại cương	01	01	25	DH16QR	YDT	Quách Tuyết Anh
203203	Di truyền học đại cương	01	02	25	DH16QR	YDT	Quách Tuyết Anh
203203	Di truyền học đại cương	03	03	25	DH16LN	YDT	Quách Tuyết Anh
203203	Di truyền học đại cương	03	01	25	DH16LN	YDT	Quách Tuyết Anh
203203	Di truyền học đại cương	03	02	25	DH16LN	YDT	Quách Tuyết Anh
203203	Di truyền học đại cương	04	02	25	DH16NT	YDT	Nguyễn Thị Thanh Trúc
203203	Di truyền học đại cương	04	01	25	DH16NT	YDT	Nguyễn Thị Thanh Trúc
203203	Di truyền học đại cương	04	03	25	DH16NT	YDT	Nguyễn Thị Thanh Trúc
213402	Introduction to Linguistics	04		40	DH15AV	NN208	Lê Minh Hà
213402	Introduction to Linguistics	03		40	DH15AV	NN206	Lê Minh Hà
213402	Introduction to Linguistics	02		40	DH15AV	NN206	Lê Minh Hà

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ:			https://goo.gl/L4sVOM				
213402	Introduction to Linguistics	01		40	DH15AV	NN206	Lê Minh Hà
203509	Khoa học Ong	02		100	DH13TY	PV335	Lê Minh Hoàng
203509	Khoa học Ong	01		100	DH13DY	CT102	Lê Minh Hoàng
207219	Nhiệt kỹ thuật	01		75	DH15OT	HD305	Lê Anh Đức
209209	Phát triển bất động sản	01		65	DH14TB	RD402	Tạ Thị Hiệp
211317	Vaccine và ứng dụng Vaccine	02		75	DH14SHA	CT102	Đinh Xuân Phát
211317	Vaccine và ứng dụng Vaccine	01		75	DH14SHB	HD305	Đinh Xuân Phát
211317	Vaccine và ứng dụng Vaccine	02	03	25	DH14SHA	A203	Đinh Xuân Phát
211317	Vaccine và ứng dụng Vaccine	02	02	25	DH14SHA	A203	Đinh Xuân Phát
211317	Vaccine và ứng dụng Vaccine	02	01	25	DH14SHA	A203	Đinh Xuân Phát
211317	Vaccine và ứng dụng Vaccine	01	02	25	DH14SHB	A203	Đinh Xuân Phát
211317	Vaccine và ứng dụng Vaccine	01	01	25	DH14SHB	A203	Đinh Xuân Phát
211317	Vaccine và ứng dụng Vaccine	01	03	25	DH14SHB	A203	Đinh Xuân Phát
216415	Kỹ thuật hạ tầng cảnh quan	01		75	DH14TK	RD204	Nguyễn Thiện Thanh
216415	Kỹ thuật hạ tầng cảnh quan	02		75	DH14CH	RD304	Nguyễn Thiện Thanh
216415	Kỹ thuật hạ tầng cảnh quan	01	03	25	DH14TK	TT.MT7	Nguyễn Thiện Thanh
216415	Kỹ thuật hạ tầng cảnh quan	01	02	25	DH14TK	TT.MT7	Nguyễn Thiện Thanh
216415	Kỹ thuật hạ tầng cảnh quan	01	01	25	DH14TK	TT.MT6	Nguyễn Thiện Thanh
216415	Kỹ thuật hạ tầng cảnh quan	02	02	25	DH14CH	TT.MT4	Nguyễn Thiện Thanh
216415	Kỹ thuật hạ tầng cảnh quan	02	03	25	DH14CH	TT.MT4	Nguyễn Thiện Thanh
216415	Kỹ thuật hạ tầng cảnh quan	02	01	25	DH14CH	TT.MT4	Nguyễn Thiện Thanh
204618	Phương pháp tiếp cận khoa học	03		80	DH16NHA	RD105	Trần Văn Mỹ
204618	Phương pháp tiếp cận khoa học	02		75	DH16BV	RD105	Trần Văn Mỹ
204618	Phương pháp tiếp cận khoa học	04		80	DH16NHB	RD106	Trần Văn Mỹ
211111	Công nghệ lên men I	03		50	DH14SM	RD102	Nguyễn Đức Khuyến
211111	Công nghệ lên men I	01		75	DH15SHA	HD303	Nguyễn Đức Khuyến
211111	Công nghệ lên men I	02		75	DH15SHB	PV400A	Nguyễn Đức Khuyến
211111	Công nghệ lên men I	02	01	25	DH15SHB	SH02	Nguyễn Đức Khuyến
211111	Công nghệ lên men I	02	03	25	DH15SHB	SH02	Nguyễn Đức Khuyến
211111	Công nghệ lên men I	02	02	25	DH15SHB	SH02	Nguyễn Đức Khuyến
211111	Công nghệ lên men I	03	01	25	DH14SM	SH02	Nguyễn Đức Khuyến
211111	Công nghệ lên men I	03	02	25	DH14SM	SH02	Nguyễn Đức Khuyến
211111	Công nghệ lên men I	01	01	25	DH15SHA	SH02	Nguyễn Đức Khuyến
211111	Công nghệ lên men I	01	02	25	DH15SHA	TT.SH1	Nguyễn Đức Khuyến
211111	Công nghệ lên men I	01	03	25	DH15SHA	TT.SH1	Nguyễn Đức Khuyến
213708	Human Resource Management	01		40	DH13AV	NN203	Huỳnh Thị Cẩm Loan
217605	Ăn mòn và bảo vệ kim loại	01		30	DH13HH	RD401	Lê Thị Thanh Thủy
217605	Ăn mòn và bảo vệ kim loại	01	01	30	DH13HH	I7	Lê Thị Thanh Thủy

Thắc mắc về đăng ký môn học sinh viên liên hệ: https://goo.gl/L4sVOM							
207723	Thực tập động cơ Ôtô	03		20	DH14OT	CK04.2	Lê Quang Trí
207723	Thực tập động cơ Ôtô	05		20	DH14OT	CK04.1	Nguyễn Văn Tuấn Anh
207723	Thực tập động cơ Ôtô	01		20	DH14OT	CK04.2	Lê Quang Trí
207723	Thực tập động cơ Ôtô	02		20	DH14OT	CK04.2	Lê Quang Trí
207723	Thực tập động cơ Ôtô	04		20	DH14OT	CK04.1	Nguyễn Văn Tuấn Anh
214273	Lập trình mạng nâng cao	01		50	DH14DTA, DH14DTB	RD402	Trần Huy Cường
214273	Lập trình mạng nâng cao	01	01	50	DH14DTA, DH14DTB	P1	Trần Huy Cường
204709	Thuốc bảo vệ thực vật	02		95	DH14NHB	PV400A	Lê Cao Lượng
204709	Thuốc bảo vệ thực vật	03		95	DH14BV	PV337	Lê Khắc Hoàng
204709	Thuốc bảo vệ thực vật	01		95	DH14NHA	PV335	Lê Khắc Hoàng
208139	Kinh tế học kinh doanh	01		80	DH14KN	RD105	Thái Anh Hòa
208139	Kinh tế học kinh doanh	02		80	DH14KT	RD105	Thái Anh Hòa
208139	Kinh tế học kinh doanh	03		80	DH15SP	PV333	Thái Anh Hòa